BẢO TÀNG VĂN HÓA TRANG PHỤC TÂY TẠNG,
LÔ HOẮC ĐỨC ĐẠT



བོད་ཀྱི་གོས་ཆུན། ཅ།

TRANG PHỤC TÂY TẠNG

IV

Bản Dịch Sang Tiếng Việt



Bộ sách chuyên khảo về văn hóa trang phục dân tộc Tạng



TRANG PHỤC TÂY TẠNG IV

ཕེད་ནམ།

Tiếng Việt

བྲག་མགོ་ཏེ་དར་བོད་ཀྱི་གོས་རྒྱན་རིག་གནས་བཤད་སྡེན་ཁང་།

Bảo tàng văn hóa trang phục Tây Tạng, Lô Hoắc Đức Đạt (Drago Deda)

Dẫn nhập

Trong dòng chảy lịch sử nhân loại, ngôn ngữ, ẩm thực và trang phục luôn là linh hồn của các nền văn hóa dân tộc khác nhau. Một khi những biểu tượng văn hóa này biến mất thì dù thuộc quốc gia nào, chúng cũng sẽ trở nên vô dụng. Tuy nhiên, với sự phát triển nhanh chóng của toàn cầu hóa, văn hóa truyền thống của nhiều dân tộc đã trải qua những thay đổi to lớn trong một thời gian ngắn, thậm chí đang có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Văn hóa hiện đại ảnh hưởng khắp mọi nơi, tới cả những nơi hẻo lánh của Tây Tạng. Nhiều người Tây Tạng không thể cưỡng lại những cám dỗ chưa từng có này và dần dần từ bỏ lối sống truyền thống của mình và theo đuổi những thời trang thô tục và độc nhất. Kết quả là những truyền thống tốt đẹp đã bị lãng quên, văn hóa dân tộc trở nên không thể nhận biết được. Quần áo thời thơ ấu của chúng ta và phong tục của ông bà tổ tiên chúng ta sẽ biến mất chỉ sau vài thập kỷ, và những người già lưu giữ những ký ức cũng đang qua đời. Trước thực trạng đó, tôi vô cùng đau buồn, sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, tôi quyết định đóng góp một phần nhỏ vào việc cứu vớt và bảo vệ văn hóa truyền thống bằng trang phục cổ truyền.

Trang phục của người Tây Tạng có các yếu tố phong phú và đầy màu sắc, màu sắc của chúng phản ánh thế giới tự nhiên: màu xanh lam tượng trưng cho bầu trời xanh và hồ nước, màu đỏ tượng trưng cho ngọn lửa, màu vàng tượng trưng cho trái đất, màu xanh lá cây tượng trưng cho đồng cỏ... Thiên nhiên mang đến cho con người những nguồn năng lượng khác nhau. Ngoài ra, thất bảo thường thấy trong trang sức của người Tây Tạng như vàng, bạc, san hô, mã não và hổ phách không chỉ có tác dụng trang trí mà còn được cho là có sức mạnh xua đuổi tà ma, bảo vệ cơ thể, và duy trì sức khỏe.

Môi trường tự nhiên của Tây Tạng cũng có tác động sâu sắc đến trang phục của các vùng miền khác nhau. Ở những vùng chăn thả trên cao, người dân chủ yếu mặc áo choàng da dày; ở những vùng bán nông nghiệp và bán chăn thả, chất liệu quần áo chủ yếu là len Tây Tạng và các chất liệu khác; ở những vùng nông nghiệp vùng thấp, quần áo chủ yếu làm bằng vải nhẹ. Có thể thấy, trang phục không chỉ là hiện thân của văn hóa mà còn là sự kết tinh trí tuệ của con người trong việc thích nghi với môi trường sống.

Ngoài ra, tổ tiên từng nói rằng trang phục Tây Tạng là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm - Tùng Tán Cán Bố, hóa thân của Bồ Tát Văn Thù - Xích Tùng Đức Tán, hóa thân của Bồ Tát Kím Cang Thủ - Xích Nhiệt Ba Kiên và các thế hệ tán-phổ, cũng như các Bổ đề tát đỏa đại thành tựu như Liên Hoa Sinh Đại sĩ, Bố Mã Mạc Trát gia trì và truyền thừa xuống các đời. Mặc trang phục dân tộc thuần khiết này không chỉ có thể xua tan cái lạnh, giữ ấm cơ thể và trang trọng mà còn mang theo sự phù hộ thiêng liêng của Bồ tát.

Để bảo vệ và kế thừa văn hóa trang phục Tây Tạng, vào tháng 1 năm 2018, tôi đã thành lập Bảo tàng Văn hóa trang phục Tây Tạng Đức Đạt, đầu tư rất nhiều nhân lực, vật lực và tài chính, đồng thời cử người đến Kham, Amdo, Ü-Tsang và những nơi khác nhiều lần để sưu tầm trang phục cổ của người Tây Tạng, phỏng vấn những người lớn tuổi địa phương, tìm hiểu về quy trình sản xuất, phân loại chất liệu và nguồn gốc lịch sử của những bộ trang phục này, đồng thời trưng bày và bảo tồn các di tích văn hóa được sưu tầm.

Tuy nhiên, thu thập trang phục chỉ là bước đầu tiên. Nếu những tài liệu liên quan không được biên soạn thành tài liệu thì những di sản văn hóa quý giá này sau này khó được phổ biến rộng rãi. Sau khi khảo sát, tôi thấy rằng hầu hết các nghiên cứu trong và ngoài nước về trang phục Tây Tạng đều chỉ giới hạn ở một khu vực nhất định và thiếu nghiên cứu toàn diện về trang phục Tây Tạng nói chung. Vì vậy, vào tháng 9 năm 2020, Viện Nghiên cứu trang phục vùng cao nguyên được thành lập để nghiên cứu một cách có hệ thống tất cả các trang phục của người Tây Tạng và chuẩn bị biên tập một loạt sách.

Chúng tôi dự định xuất bản một cuốn sách hàng năm để giới thiệu trang phục Tây Tạng ở các vùng khác nhau - bắt đầu từ quê hương của tôi, Lô Hoắc, và dần dần phủ sóng toàn bộ khu vực Tây Tạng. Đồng thời, chúng tôi sẽ dịch nội dung của nó sang nhiều ngôn ngữ để quảng bá văn hóa Tây Tạng đến thế giới.

Trong quá trình biên tập, chúng tôi ghi lại một cách trung thực kỹ thuật sản xuất, bối cảnh, do các cụ già tường thuật lại, đảm bảo tính chặt chẽ của thông tin mà không cố tình thêm thắt hay phỏng đoán nhằm thu hút người xem. Ngoài ra, đối với một số trang phục phổ biến của các vùng miền, chúng tôi sẽ lựa chọn trình bày dưới dạng trang phục đặc trưng của một vùng căn cứ vào tình hình thực tế và sẽ không nhắc lại nhiều lần trong sách viết về các vùng miền khác.

Đến nay, nghiên cứu của chúng tôi vẫn đang trong giai đoạn thăm dò, nhiều khía cạnh vẫn còn non nớt và thiếu chuyên nghiệp, điều này khó tránh khỏi khiến mọi người chê cười. Nhưng trong quá trình toàn cầu hóa nhanh chóng, nếu thế hệ chúng ta không nỗ lực hết mình để bảo vệ những di sản văn hóa này thì sau này ngày càng có ít người hiểu được.

Trang phục của người Tây Tạng không chỉ là một phần quan trọng của văn hóa Tây Tạng mà còn phản ánh sự đa dạng của văn hóa nhân loại. Bảo vệ văn hóa Tây Tạng có nghĩa là bảo vệ sự đa dạng của văn hóa nhân loại. Chúng tôi hy vọng rằng thông qua những nỗ lực của mình, sẽ có thêm nhiều người nhận ra nét quyến rũ độc đáo của văn hóa Tây Tạng. Cảm ơn tất cả những người đã ủng hộ và giúp đỡ chúng tôi. Cuốn sách này có thể được ra đời là nhờ nỗ lực chung của mọi người.

Khenpo Sodargye

Ngày 4 tháng 6 năm 2024

Lời giới thiệu

Trong tập “Trang phục dân tộc Tạng IV” thuộc bộ sách chuyên khảo về văn hóa trang phục dân tộc Tạng, chúng tôi đã tổng hợp sưu tầm và trình bày chi tiết các loại trang phục lấy khu vực mười tám thổ ty Gia Nhung ở rìa phía đông cao nguyên Thanh Tạng làm trung tâm, cùng với trang phục của người Tạng Bạch Mã, Nhĩ Tô và Đa Tục.

Tương truyền rằng cư dân ở những khu vực này là hậu duệ của những người lính đồn trú biên cương thời Thổ Phồn. Trải qua quá trình biến đổi lâu dài của lịch sử, trang phục của họ vừa thể hiện sự kế thừa đối với nền văn hóa bản địa độc đáo, vừa phản ánh những ảnh hưởng do sự giao lưu giữa các khu vực tạo ra.

Trong quá trình biên soạn cuốn sách này, để khai thác các văn hóa liên quan như kỹ nghệ nguyên gốc của các loại trang phục dưới những môi trường địa lý và bối cảnh văn hóa khác nhau, chúng tôi đã dành hơn nửa năm thời gian, thông qua phương pháp thu thập tư liệu liên quan và khảo sát thực địa, lấy việc người địa phương tự giới thiệu về trang phục của họ làm tư liệu trực tiếp, tiến hành ghi âm và ghi chép văn bản để xây dựng khung tổng thể; đồng thời tra cứu các tài liệu như văn hiến và hình ảnh liên quan để bổ sung nội dung, sau đó trải qua nhiều lần hiệu đính và sửa đổi tỉ mỉ, nghiêm túc mới hoàn thành bản thảo cuối cùng.

Trong sách đã giới thiệu hơn hai mươi loại trang phục tiêu biểu, bao gồm trang phục nữ Trung Lộ và Ba Để của huyện Đan Ba, trang phục nữ Mã Nhĩ Bang và Lặc Ô của huyện Kim Xuyên, trang phục nữ Mã Nhĩ Khang, trang phục nam Gia Nhung, trang phục nữ khu vực lưu vực Đại Hắc Thủy và Tiểu Hắc Thủy, trang phục nam nữ Vấn Xuyên, trang phục nữ Cam Bảo và Mễ Á La của huyện Lý, trang phục nữ Kết Tư và Trạch Lũng ở Tiểu Kim, trang phục nam nữ Khao Thích của Bảo Hưng, trang phục nam nữ Ngư Thông ở Khang Định, cùng với trang phục nam và nữ Bạch Mã ở các nơi như Cửu Trại Câu, Văn huyện, Bình Vũ; trang phục nam và nữ Nhĩ Tô ở các nơi như Cam Lạc và Việt Tây thuộc châu Lương Sơn; ngoài ra còn có trang phục nữ Đa Tục của huyện Miện Ninh…

Phụ nữ Gia Nhung phổ biến đều đội khăn trùm đầu trên đầu; nam và nữ dân tộc Bạch Mã đều cài lông chim trên mũ nỉ; nam và nữ Nhĩ Tô đều quấn khăn đầu màu đen và trắng; phụ nữ Đa Tục thêu những hoa văn tinh xảo trên tạp dề quấn eo, v.v. Từ đó có thể thấy được tính độc đáo của trang phục trong từng vòng văn hóa riêng của họ. Xét từ góc độ môi trường tự nhiên, ở những nơi có độ cao lớn như Ba Để, Mã Nhĩ Khang, Mễ Á La, người ta thường mặc quần áo dày bằng lông cừu và lông bò yak; trang phục ở những nơi sinh sống vùng núi như Bạch Mã và Nhĩ Tô chủ yếu sử dụng vải lanh và lụa sa-tanh, đồng thời quấn chăn len và xà cạp, từ đó có thể hiểu được những đặc điểm chung giữa trang phục của họ; còn ở những nơi có độ cao thấp hơn như Ngư Thông, Ngọa Long, Đa Tục, quần áo bằng vải phổ biến hơn, và do sống xen cư với các dân tộc khác nên trang phục vừa giản tiện thực dụng, vừa chịu ảnh hưởng từ một số nền văn hóa khác.

Khi giới thiệu những trang phục này, sách triển khai bàn luận xoay quanh chất liệu và kỹ nghệ của trang phục, sự phối hợp màu sắc v.v., trình bày chi tiết dùng chất liệu gì để chế tác, chế tác như thế nào, mặc vào thời điểm nào, mặc ra sao, đồng thời bổ sung bằng các yếu tố văn hóa dân gian liên quan như tục ngữ và dân ca để thuyết minh. Trình tự giới thiệu là trước tiên giới thiệu trang phục từ mũ đến giày, sau đó giới thiệu đồ trang sức từ vật trang trí đầu đến trang sức phần thân dưới. Tên gọi của trang phục và đồ trang sức ở các khu vực đều giữ nguyên cách gọi địa phương; trên cơ sở không làm mất đặc sắc phương ngữ, cố gắng chuyển đổi sang tiếng Tạng thông dụng, còn những từ ngữ tương tự tiếng Hán cũng cố gắng giữ lại theo âm gốc địa phương. Trong toàn bộ quá trình từ bản thảo tiếng Tạng ban đầu đến việc dịch sang tiếng Hán, tiếng Anh và các ngôn ngữ khác, chúng tôi đã tiến hành hơn mười lần hiệu đính quy chuẩn, cố gắng thể hiện diện mạo chân thực của trang phục bằng phương thức ghi chép khách quan; sau đó lại được các chuyên gia liên quan thẩm duyệt tỉ mỉ để giữ được tính chân thực của nó.

Tất cả các bức ảnh được đưa vào sách đều do đội ngũ chuyên nghiệp trực tiếp đến thực địa chụp dưới sự cho phép sử dụng chân dung của người địa phương, sau khi họ mặc trang phục đúng cách; đồng thời cũng tiến hành chụp riêng từng món của các loại trang phục khác nhau.

Trang phục là vật mang tải nhiều loại văn hóa như tập tục và thẩm mỹ; những đặc sắc của

trang phục truyền thống và các văn hóa liên quan trong cuốn sách này thể hiện đậm nét văn hóa dân gian của các khu vực ấy. Ví dụ, từ cách mặc trang phục và cách tết tóc có thể phản ánh tình trạng hôn phối, trong nhà có tang sự hay không, đã đến tuổi trưởng thành hay chưa…

Thông qua việc chỉnh lý và trình bày tương đối có hệ thống về văn hóa trang phục đang dần suy yếu ở những khu vực này, chúng tôi hy vọng có thể phát huy một vai trò nhất định trong việc bảo vệ và kế thừa văn hóa truyền thống ưu tú, đóng góp phần nào về mặt học thuật, đồng thời trở thành một hình mẫu mang tính khu vực trong nghiên cứu trang phục dân tộc Tạng.

Cuối cùng, xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả những người liên quan như các chuyên gia học giả, những người kế thừa văn hóa dân gian địa phương, các bậc trưởng lão giàu kinh nghiệm cùng những người đã tạo điều kiện và giúp đỡ trong suốt quá trình từ khi viết bản thảo đầu tiên đến lúc cuốn sách được xuất bản. Nếu trong nội dung và cách diễn đạt của cuốn sách còn có sai sót hoặc thiếu sót, kính mong đông đảo độc giả rộng lòng chỉ giáo.

Ban biên tập.

Ngày 21 tháng 1 năm 2026

MỤC LỤC

Dẫn nhập 001

Lời giới thiệu 004

Chương I: Trang Phục Dân Tộc Tây Tạng Gia Nhung **010**

01. Trang phục nữ giới Trung Lộ huyện Đan Ba 011

02. Trang phục nữ giới Ba Để huyện Đan Ba 031

03. Trang phục nữ giới Mã Nại huyện Kim Xuyên 051

04. Trang phục nữ giới Lặc Ô huyện Kim Xuyên 064

05. Trang phục nữ giới Mã Nhĩ Khang 079

06. Trang phục nam giới Mã Nhĩ Khang 108

07. Trang phục nữ giới Đại Hắc Thủy 121

08. Trang phục nữ giới Tri Mộc Lâm huyện Hắc Thủy 142

09. Trang phục Ngoạ Long huyện Vấn Xuyên 159

10. Trang phục nữ giới Cam Bảo huyện Lý 171

11. Trang phục nữ giới Mễ Á La huyện Lý 195

12. Trang phục nữ giới Biệt Tư Mãn huyện Tiểu Kim 216

13. Trang phục nữ giới Trạch Lũng huyện Tiểu Kim 234

14. Trang phục Bảo Hưng Khao Thích 253

15. Trang phục Ngư Thông huyện Khang Định 280

Chương II: Trang Phục Dân Tộc Tây Tạng Bạch Mã **309**

16. Trang phục nữ giới Bạch Mã 310

17. Trang phục nam giới Bạch Mã 338

Chương III: Trang Phục Dân Tộc Tây Tạng Nhĩ Tô, Đa Tục **353**

18. Trang phục nữ giới Nhĩ Tô 354

19. Trang phục nam giới Nhĩ Tô 383

20. Trang phục nữ giới Đa Tục 397

Hệ thống thuật ngữ 407

CHƯƠNG I

ཆུལ་རྩང་གོས་ཆུན།

TRANG PHỤC DÂN TỘC TÂY TẠNG GIA NHUNG

01

སྤྱི་སྣང་བྱད་མེད་ཀྱི་གོས་ཆུག།

TRANG PHỤC NỮ GIỚI TRUNG LỘ HUYỆN ĐAN BA





1 སྒྲུང་ཁོག
Trạch-quách

2 དཀྱིལ་ཐིག
Cát-đột

3 མགོ་ཀོར།
Quả-quách

4 མཛུབ་ཀོར།
Trạch-cá-nhi

5 བ་སོའི་མཐེབ་གོར།
Vòng ngà voi

6 བཀས་རས།
Khăn đội đầu

7 ཐུ་ཨེ།
Bố-ai

8 ཀིར་ཀིར།
Qua-nhi-qua-nhi

9 ཉེ་ཟེ།
Hắc-sức

10 སྟོད་འཕོག
Tư-đa-pha

11 སྨ་ཟོ།
Mã-sao

Làng Trung Lộ Tạng Trại nằm cách trung tâm huyện Đan Ba khoảng 12 km về phía đông bắc, tọa lạc đối diện với núi thần Mạc Nhĩ Đa. Vào thời kỳ mười tám thổ ty Gia Nhung, nơi đây từng thuộc phạm vi quản lý của thổ ty Minh Chính; hiện vẫn còn hơn 80 tòa tháp cổ có lịch sử lâu đời, cùng với các công trình kiến trúc đá kiểu Tạng hùng vĩ và mang đặc trưng rõ nét. Khu vực này có độ cao khoảng 2100 mét, thuộc kiểu khí hậu gió mùa cao nguyên, đời sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp. So với các vùng Tạng khác, do nằm trong thung lũng nên khí hậu tương đối ấm áp, vì vậy trang phục ở đây mang những đặc điểm riêng và phù hợp với điều kiện khí hậu địa phương.

Trang phục phụ nữ khu vực Trung Lộ do khác nhau về hoàn cảnh sử dụng và ý nghĩa biểu trưng, được chia thành ba loại: trang phục thường ngày, trang phục lễ hội và trang phục lễ trưởng thành. Bộ trang phục hoàn chỉnh bao gồm áo lót, tạp dề phía trước, tạp dề phía sau, váy xếp ly, thắt lưng, giày Tạng, cùng các loại đồ trang sức như đồ đội đầu, khuyên tai, hộp gau, ca-châu-ca-thù…

Trước đây, phụ nữ địa phương có tập quán để tóc dài; cách tết tóc có hai kiểu: một là tết tóc thành một bím theo kiểu ba lọn; một kiểu khác là chia đều tóc sang hai bên rồi tết thành hai bím tóc ba lọn.

Bộ trang phục đội đầu bao gồm khăn trùm đầu, sợi tóc giả, bím tóc giả, nhẫn ngà voi và trâm cài.



Trang phục nữ giới Trung Lộ huyện Đan Ba 015



Khăn đội đầu

Phụ nữ thường xuyên đội khăn đội đầu, đây là một trong những đặc trưng của trang phục địa phương. Khăn đội đầu sau khi gấp thường dài khoảng 50 cm, chiều rộng bằng khoảng một nửa chiều dài. Trước đây, khăn đội đầu phổ biến được gấp thành 2–6 lớp; hiện nay cũng có loại không cần gấp, có thể đội trực tiếp. Tùy theo độ tuổi và kích thước khuôn mặt khác nhau, độ dày và kích thước của khăn đội đầu cũng không giống nhau.

Nghe nói trước đây, bề mặt khăn đội đầu thường được thêu họa tiết núi non; hiện nay thì tùy theo sở thích cá nhân mà thêu các hoa văn hoa lá khác nhau, trong đó phần lớn họa tiết thêu nằm ở phía bên trái sau gáy. Ở mép khăn phía trán có từ 2–6 đường chỉ màu khác nhau được may viền chồng lên nhau; phần lớn người trẻ có viền chỉ màu ở cả mặt trước, mặt sau và bên trái của khăn. Một số kiểu khăn còn được khâu thêm các đinh tán nhỏ bằng vàng bạc trên mặt khăn, và hai góc phía sau được trang trí bằng miếng bạc. Người lớn tuổi hầu như rất ít dùng viền chỉ màu ở mép phía trước của khăn, trên khăn không có thêu hoặc chỉ có thêu đơn giản. Hai góc trước và sau bên trái của khăn đội đầu có các dải tua rua nhiều màu, được kết thành chuỗi hạt nhỏ. Theo lời người già địa phương, trước đây tua rua rất ngắn, nhưng hiện nay đã dài hơn. Tua rua của người trẻ ở phía trước thường dài đến ngực, phía sau dài đến khoảng thắt lưng; còn của người lớn tuổi thì ngắn hơn. Màu sắc của tua rua không phân biệt già trẻ, chủ yếu là màu vàng, hồng, xanh lá v.v. Hiện nay, chất liệu khăn đội đầu chủ yếu là nhung sợi vàng màu đen. Vào mùa hè khi lao động, người dân đội khăn trắng để che nắng.



Trang phục nữ giới Trung Lộ huyện Đan Ba 017



Trước đây, với kiểu tóc tết hai bím ba lọn, phụ nữ thường đan thêm sợi len vào bím tóc rồi quấn lên đầu. Hiện nay, họ quấn cùng lúc bím tóc giả và dây buộc đầu lên khăn đội đầu, hai đầu buộc lại ở phía sau đầu để cố định khăn. Về màu sắc dây buộc đầu, phụ nữ trẻ thường dùng màu hồng và đỏ; người từ 40–60 tuổi dùng màu xanh dương; người trên 60 tuổi dùng màu đen.

Trâm cài là vòng bạc khảm san hô và ngọc lam, được xâu cùng vòng ngà voi và lần lượt đặt trên bím tóc, nằm phía trên hai tai. Khi mặc lễ phục, phụ nữ thường đeo 2–4 chiếc trâm. Phụ nữ lớn tuổi thường ngày đeo trang sức đơn giản hơn, trong khi phụ nữ trẻ sẽ đeo một cặp vòng ngà voi và trâm cài trên bím tóc. Hiện nay, họ không còn phải tết tóc kèm sợi đan như trước rồi mới đội trang sức, mà trực tiếp đội bím tóc giả đã gắn sẵn trang sức lên đầu.

Phụ kiện đội đầu trong lễ trưởng thành

Khi các cô gái địa phương tròn mười bốn hoặc mười sáu tuổi, cần cử hành một nghi lễ trưởng thành long trọng tại địa phương gọi là “cát-tát”. Trong nghi lễ này, cô gái phải đội một loại đồ đội đầu đặc biệt như một dấu hiệu, còn các trang phục khác về cơ bản giống với lễ phục truyền thống của địa phương.

Phụ kiện đội đầu trong lễ trưởng thành gồm “bang-đôn-đăng”, “tắc-cá-nhi”, “quả-quách”, “trạch-quách”, vòng ngà voi…



Trang phục nữ giới Trung Lộ huyện Đan Ba 019



Khi đội trang sức đầu, trước tiên cần gội sạch và chải gọn tóc, rẽ ngôi giữa, sau đó từ một bên trán tết toàn bộ tóc thành những bím nhỏ kiểu ba lọn. Tiếp theo, chia đều các bím nhỏ này sang hai bên trái và phải, mỗi bên nối với dây hợp bện màu đen (phần trên là bím tóc giả, phần dưới là sợi len) rồi tết thành hai bím lớn dài kiểu ba lọn. Trước đây, tóc phụ nữ dài và dày nên không cần dùng dây hợp bện; hiện nay phần lớn phụ nữ tóc ít và ngắn nên phải dùng loại dây này.



Hai bên bím tóc mỗi bên đeo 1 chiếc “bang-đôn-đăng” và 2–3 chiếc “tắc-cá-nhĩ”. “bang-đôn-đăng” là loại đồ đội đầu dạng tổ hợp, gồm chi tiết bạc hình vòng liên kết với trang sức hình như ý bảo châu, bên trên khảm san hô và ngọc lam; “tắc-cá-nhĩ” là vòng bạc, cũng được khảm san hô và ngọc lam.

Ở phía sau đầu, người ta đặt ngang một hoặc hai thanh gỗ mảnh được bọc lá bạc, sau đó hai bím tóc được quấn một vòng quanh thanh gỗ này. Ở phần trán, đội trang sức "quả-quách", gồm hai phần: phần ngang và phần dọc. Phần ngang làm nền bằng vải nỉ đỏ, bề mặt đính đầy chuỗi hạt san hô, ở giữa gắn một món trang sức bạc hình như ý bảo châu gọi là "cát-đột", trên đó khảm san hô và ngọc lam; hai đầu vải nỉ đỏ có dây buộc màu đỏ, được buộc chặt ở phía sau đầu. Phần dọc làm nền bằng gấm hoặc các loại vải dệt khác, bên trên đính hổ phách, san hô và các loại đá quý, buông tự nhiên từ đỉnh đầu xuống phía sau lưng. Trang sức này do các cô gái tự làm theo sở thích và điều kiện kinh tế. Trước đây, phần dọc sử dụng nền vải hoặc lông cừu màu trắng, chỉ thêu hoa văn mà không đính thêm vật trang trí; hiện nay đã được trang trí bằng nhiều loại đá quý như hổ phách, san hô,…





Sau khi đội “quả-quách”, hai bím tóc được bắt chéo và quấn quanh đầu, rồi ở vị trí trung tâm đội một món trang sức “trạch-quách” đính đầy chuỗi hạt san hô để cố định bím tóc; cuối cùng, ở hai đầu thanh gỗ mỗi bên gắn một vòng ngà voi.

Sau khi hoàn tất toàn bộ đồ đội đầu, bên ngoài áo mặc ba dải khăn kha-ta với ba màu khác nhau, từ ngực vòng qua vai ra sau lưng rồi buộc ở giữa lưng. Người ta tin rằng đây là vật do Bồ-tát ban tặng, tượng trưng cho may mắn và cát tường. Trước đây, kiểu trang phục này trong đời người con gái chỉ mặc một lần, được coi là vừa đẹp vừa linh thiêng. Khi đến tuổi trưởng thành bắt buộc phải tổ chức lễ trưởng thành, nếu không sẽ bị xem là không may mắn. Theo tập tục truyền thống, trong thời gian làm lễ, đồ đội đầu không được tháo trong ba ngày, và mỗi ngày phải đến trước dinh thổ ty để múa; nhưng hiện nay hoạt động đã được đơn giản hóa, chỉ kéo dài nửa ngày đến một ngày, phần nghi lễ chỉ khoảng một giờ. Trình tự nghi lễ là: tất cả các cô gái chuẩn bị làm lễ trong thôn tập trung lại, một người cao tuổi đọc lời chúc phúc, sau đó người thân và bạn bè tặng khăn “kha-ta” may mắn, rồi múa múa “Oa Trang” để kết thúc. Từ đó, các cô gái có thể tự do yêu đương và đính hôn. Ngày nay, trong các dịp Tết, lễ hội hoặc khi múa “Oa Trang”, phụ nữ vẫn đeo những món trang sức này.

Trang phục thường ngày

Áo sơ mi

Hằng ngày, phần thân trên mặc áo lót mà người địa phương gọi là “bố-ai”, màu sắc chủ yếu là trắng hoặc cam; cổ áo và viền áo thường được viền bằng gấm.



Trang phục nữ giới Trung Lộ huyện Đan Ba 023



Mặt trước và mặt sau

Phần thân dưới phía sau buộc tấm “qua-nhi-qua-nhi” ở phía sau, đây là một mảnh vải hình chữ nhật làm từ nhung sợi vàng. Phía trước thân dưới buộc “hắc-sức”, là tạp dề phía trước bằng nhung sợi vàng. Tấm phía sau có độ rộng gấp đôi tấm phía trước và chiều dài hơi dài hơn. Cả hai mặt đều thêu hoa văn hoa lá, hai góc phần dưới được trang trí bằng vải gấm hình tam giác và đính tua rua ngắn làm từ sợi len màu trắng hoặc hồng.

Trước đây, chất liệu của tạp dề trước và sau chủ yếu là vải bông và lông bò yak, còn hiện nay phần lớn sử dụng nhung đen. Thiết kế chia trước–sau như vậy vừa thoáng mát, nhẹ nhàng, vừa thuận tiện khi đi lại và lao động. Tấm phía sau, tấm phía trước và khăn đội đầu phía trên là những trang phục bắt buộc trong sinh hoạt hằng ngày; nếu không mặc sẽ bị coi là thiếu tôn trọng đối với chồng và người thân.

Trang phục trang trọng

Áo trên thân & váy xếp ly

Trong các dịp pháp hội, lễ hội và những hoàn cảnh mặc trang phục trang trọng, cách phối trang phục như sau: phần áo trên là loại áo dài mà người địa phương gọi là “tư-đa-ba”. Cổ áo, tay áo và viền thân áo được viền gấm hoặc trang trí bằng họa tiết thêu, phần gấu áo có đính tua rua. Phần dưới là váy xếp ly mà người địa phương gọi là “mã-sao”, gồm hai loại: dạng váy liền thân và dạng nửa thân. Hai bên váy có các nếp xếp với một số dải màu khác nhau, còn phần lớn các nếp khác chủ yếu là màu đỏ và xanh lam. Phần thân váy phía trước được quấn quanh cơ thể rồi cố định bằng thắt lưng. Theo truyền thuyết, trước đây váy xếp ly cần có 108 nếp gấp, nhưng hiện nay không còn bắt buộc như vậy nữa.

Trước kia, váy xếp ly là trang phục thường ngày, chủ yếu làm bằng vải lanh hoặc vải lông yak. Do điều kiện vải vóc khan hiếm và cần thuận tiện cho lao động, váy thường được làm ngắn và chủ yếu là dạng nửa thân.





026 Trang Phục Tây Tạng IV

Thắt lưng

Thắt lưng được chia thành hai loại: dùng trong sinh hoạt hằng ngày và dùng trong dịp lễ hội. Thắt lưng dùng hằng ngày chủ yếu do người lớn tuổi sử dụng. Vào các ngày lễ và khi múa hát, không phân biệt già trẻ, tất cả đều dùng loại thắt lưng dệt có tua rua dài; phần tua rua rủ xuống phía sau lưng làm trang sức. Thắt lưng ở địa phương chủ yếu được dệt thủ công, sau khi buộc sẽ ở trạng thái phẳng và trải rộng, trên bề mặt có các loại hoa văn trang trí khác nhau.

Giày ủng Tây Tạng

Phụ nữ đi loại giày Tạng mà người địa phương gọi là “giáp-kháng”. Đế giày làm bằng da, thân giày phần dưới dùng da đen, phần thân giữa sử dụng nỉ màu đỏ, còn phần trên dùng nhung kẻ màu đen.



Trang phục nữ giới Trung Lô huyện Đan Ba 027

Trang sức

Ở tai đeo hoa tai dài bằng bạc. Giống như các khu vực Tạng khác, vùng cổ đeo các loại hộp gau hình lục giác, hình tròn, hình nhật nguyệt, cùng dây chuyền bạc và dây chuyền san hô. Hai bên eo đeo các món trang sức bạc nhỏ như bộ kim chỉ gọi là “ca-châu-ca-thù”…

Trang phục địa phương phải trải qua nhiều công đoạn phức tạp mới có thể hoàn thành. Nó không chỉ là dấu hiệu nhận diện thân phận của phụ nữ Trung Lộ, mà còn là sự thể hiện sinh động phẩm chất trí tuệ và sự cần cù của họ.











030 Trang Phục Tây Tạng IV

02

བག་སྟོང་བྱད་མེད་ཀྱི་གོས་ཆུག།

TRANG PHỤC NỮ GIỚI BA ĐỂ HUYỆN ĐAN BA







1 སུམ་ལག

Sâm-lạp

2 བ་སོ་ཉི་མཁེན་གོར།

Vòng ngà voi

3 དཔལ། ཏྲན་ཐུ་ཅོ།

Đạt-tư-ni/Đặng-tha-cửu

4 དར་ཏེ།

Đáp-thức-đắc

5 སྟོད་འབོག

Tư-đạt-bạch

6 ཀྱུམ་ཡོ་གས།

Chi-ưu

7 ལྷན་པོ།

Lan-ba

8 དུ་ཝེད།

Đắc-úy

Trang phục nữ giới Ba Để huyện Đan Ba 033

Thị trấn Ba Để nằm ở phía bắc huyện Đan Ba, phía dưới Kim Xuyên, dọc theo sông Đại Độ, có độ cao trung bình khoảng 3.700 mét, thuộc kiểu khí hậu gió mùa cao nguyên, đời sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp.

Vùng đất này trước đây thuộc phạm vi cai quản của Thổ ty Ba Để, một trong mười tám thổ ty Gia Nhung. Tương truyền rằng trước kia quan trại của thổ ty nằm trên một mỏm đá phía dưới bộ lạc, về sau mới dời đến trung tâm bộ lạc. Vì nguyên do đó, người địa phương gọi vị thổ ty này là “Thổ ty Ba Để”. “Ba Để” là phiên âm từ tiếng Tạng, mang ý nghĩa là “trên tảng đá”.

Trang phục của khu vực Ba Để mang những nét đặc sắc rõ rệt so với các nơi khác. Một bộ trang phục hoàn chỉnh bao gồm áo trên, đai quấn trước, đai quấn sau, váy xếp ly, thắt lưng, áo choàng, ủng Gia Nhung cùng các loại y phục khác; ngoài ra còn có các phụ kiện như đồ đội đầu, hộp Gau (hộp đựng bùa hộ mệnh) v.v.

Khăn quấn đầu ở địa phương được gọi là “đáp-thức-đắc”; dây trang trí trên đầu là một chùm sợi len, tại địa phương được gọi là “đạt-tư-ni” hoặc “đặng-tha-cửu”; còn món trang sức hình giống chiếc nhẫn đeo trên bím tóc thì được gọi là “sâm-lạp”.

Trước đây, phụ nữ để tóc dài và tết thành một bím ba lọn, trên bím tóc đeo các món trang sức như sâm-lạp, vòng ngà voi cùng những loại phụ sức khác. Ngày nay, các món trang sức này có thể được lồng sẵn vào bím tóc giả to, sau đó quấn cùng với dây trang trí tóc lên đầu. Cách đeo trang sức tóc của địa phương này nhìn chung không khác nhiều so với khu vực Trung Lộ của Đan Ba.



Trang phục nữ giới Ba Dể huyện Đan Ba 035

Khăn đội đầu

Trước đây, phụ nữ trong sinh hoạt hằng ngày bắt buộc phải đội khăn trùm đầu; nếu không đội sẽ bị xem là thiếu giáo dưỡng hoặc hành vi không đúng mực, từ đó dễ bị người khác dị nghị. Thuở ban đầu, để che nắng chắn mưa, người ta đội các vật đan bằng cỏ; về sau, do khăn trùm đầu có tác dụng giữ ấm và bảo vệ phần đầu nên loại khăn màu đen làm bằng nhung kim tuyến và các chất liệu tương tự dần trở nên phổ biến. Sau này, người ta còn thêu lên khăn các họa tiết như hoa đỗ quyên, hoa cúc và những loài hoa bản địa khác để trang trí. Khăn của người lớn tuổi thường có ít hoa văn thêu, trong khi các cô gái trẻ lại thích thêu nhiều họa tiết hoa lá rực rỡ, tươi đẹp trên khăn đầu.



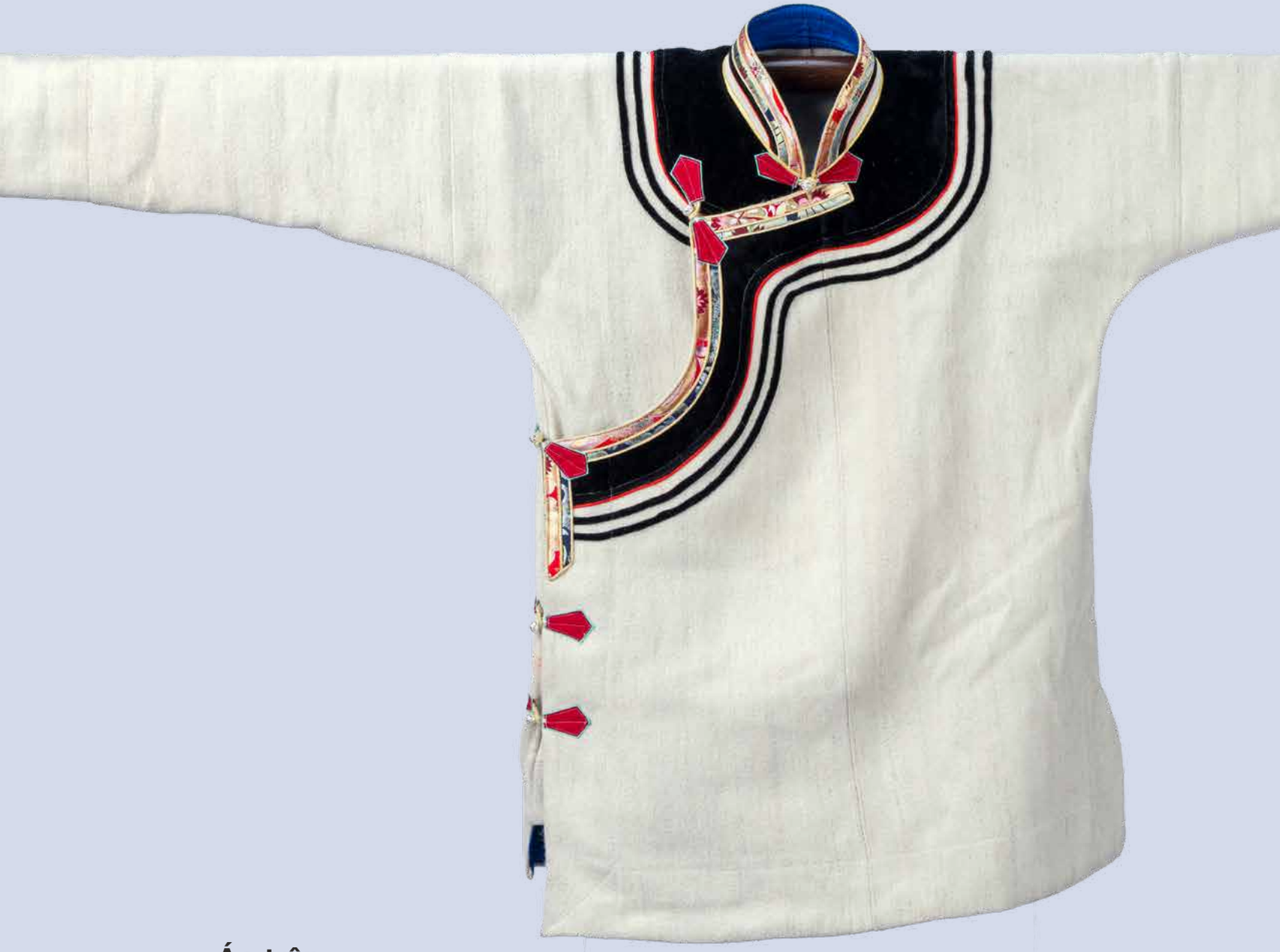


Trang phục nữ giới Ba Để huyện Đan Ba 037

Trước đây, phụ nữ địa phương rất giỏi nghề thêu thùa, bởi từ nhỏ họ đã theo các bậc trưởng bối trong gia đình học kỹ nghệ thêu. Các kỹ pháp thêu ở địa phương có hơn mười loại khác nhau; những nghệ nhân thêu lành nghề thậm chí không cần vẽ mẫu lên vải mà vẫn có thể tùy theo ý tưởng trong lòng để trực tiếp thêu nên hoa văn. Năm 2022, nghệ thuật thêu Đan Ba đã được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cấp tỉnh. Địa phương còn có câu tục ngữ rằng: “Khi cầm kim thêu trong tay, trăm hoa cùng đua nở.”

Trước đây, ở địa phương không có tập tục gắn tua rủ ở phần cuối khăn trùm đầu. Về sau, dần dần xuất hiện kiểu trang trí với hai dải tua ngắn buông ở phía trước và phía sau bên trái của khăn. Sau nữa lại hình thành phong cách dùng tua dài, đồng thời cũng có người tùy theo sở thích cá nhân mà trang trí tua rủ ở cả bốn góc khăn đầu.





Áo trên

Phụ nữ địa phương ưa mặc áo sơ mi màu hồng hoặc màu trắng, bên ngoài khoác loại trường y mà người địa phương gọi là “tư-đạt-phạ”. Vào mùa đông, áo ngoài thường được làm từ dạ len, lông cừu hoặc lông bò yak; phần cổ áo và gấu áo của một số bộ còn được viền bằng da rái cá hoặc vải phổ-lỗ hoa. Đến mùa hè, áo ngoài chủ yếu được may bằng các chất liệu như vải cotton, vải lanh, nhung kim tuyến hoặc sa tanh. Người địa phương thường dùng len cừu để dệt may trang phục; thông thường khoảng bốn cân len có thể dệt thành một chiếc áo ngoài. Màu sắc của áo chủ yếu là đen, trắng hoặc nâu, còn áo choàng khoác sau lưng cũng phần nhiều được dệt bằng lông cừu.



040 Trang Phục Tây Tạng IV



Đai quấn trước & sau

Trong sinh hoạt thường ngày, phụ nữ địa phương mặc “chi-vưu” và “lan-ba” ở phần thân dưới. “Chi-vưu” là mảnh vải dạng tạp dề buộc phía trước, còn “lan-ba” là mảnh vải buộc phía sau. Cũng giống như nhiều khu vực khác ở Đan Ba, đai quấn sau có kích thước lớn hơn đai quấn trước. Kiểu dùng hằng ngày đa phần không có viền trang trí, còn trong những dịp trang trọng hơn thì hai bên và phần gấu của đai quấn trước, đai quấn sau sẽ được viền bằng gấm vóc. Khi mặc sẽ buộc hậu vi trước rồi mới buộc tiền vi. Màu sắc chủ yếu của cả hai là màu đen, một số kiểu ở hai góc gấu còn đính thêm những dải tua ngắn. Khăn đầu “đáp-thức-đắc”, đai quấn trước “chi-vưu” và đai quấn sau “lan-ba” là ba thành phần chủ yếu trong trang phục thường nhật của phụ nữ địa phương. Trước đây, phụ nữ không chỉ phải thường xuyên mặc tiền vi và hậu vi, mà khi đi lại còn phải bước chậm với những bước nhỏ; điều này được xem là biểu hiện của sự kính trọng đối với cha mẹ và trưởng bối.

Váy xếp ly

Trong các dịp lễ hội, pháp hội hay sự kiện trang trọng, phụ nữ mặc loại váy xếp ly địa phương gọi là “đắc-úy”. Tương truyền trước kia váy có đúng 108 nếp gấp, còn ngày nay số lượng nếp không còn cố định. Hai bên váy có các nếp ly mang nhiều màu sắc khác nhau, ngoài phần đó thì tổng thể màu váy tương đối đồng nhất. Trước đây, để tiết kiệm vải và thuận tiện lao động, người dân thường may váy ngắn hơn. Kiểu váy xếp ly ở Ba Để nhìn chung không khác nhiều so với các thôn làng khác của huyện Đan Ba, nhưng có một điểm đặc biệt: tà váy không khép ở chính giữa thân người mà khép lệch sang bên trái.





Quá trình cất giữ váy khá phức tạp. Nếu không phải người thành thạo hoặc nhiều kinh nghiệm thì thường cần hai người phối hợp mới làm được: Trước tiên trải váy phẳng trên một tấm vải lớn để hỗ trợ gấp và tránh làm bẩn; Chỉnh từng nếp ly cho ngay ngắn; Đặt ngang một thanh gỗ dẹt ở vị trí khoảng nửa chiều dài váy phía dưới; Gấp váy theo thanh gỗ, phủ thêm lớp vải rồi lật lại; Nếu váy có phần thân trên thì gấp phần đó vào rồi tiếp tục phủ vải và lật lần nữa; Rút thanh gỗ ra, thay bằng tấm ván hoặc bìa cứng có chiều dài bằng phần váy sau khi gấp; Dùng váy quấn quanh tấm ván rồi cuộn dần từ một phía; Sau khi cuộn xong, dùng dây buộc cố định từ trên xuống dưới.



044 Trang Phục Tây Tạng IV



Thắt lưng

Trước đây, bất kể già trẻ, phụ nữ địa phương đều đeo loại thắt lưng gọi là “điệp-tư-tha”. Đây là loại đai dệt dạng dẹt, phía giữa mặt sau có tua rua buông xuống làm trang trí. Loại thắt lưng này có thể buộc bên ngoài tạp dề trước, tạp dề sau hoặc thắt trên váy xếp ly. Ngoài ra còn có loại thắt lưng gọi là “đạt-cát-bố”, được dệt từ lông cừu trắng. Tua rua của loại này lớn hơn, có màu trắng phía trên và đỏ phía dưới, buông ở phía trước thân người để làm trang sức. Tuy nhiên ngày nay kiểu thắt lưng này đã trở nên khá hiếm gặp.

Trang phục nữ giới Ba Để huyện Đan Bà

Áo choàng

Bên ngoài váy xếp ly và áo ngoài, phụ nữ khoác loại áo choàng dài địa phương gọi là “Ba”.

Tương truyền rằng trước kia ở Ba Để có một nữ thổ ty. Để làm nổi bật vẻ đẹp và trang sức của riêng mình, bà không mặc áo choàng và cũng không muốn những phụ nữ khác quá nổi bật, nên đã đặt ra quy định rằng phụ nữ trong vùng phải mặc áo choàng để che bớt đồ trang sức. Từ đó hình thành phong tục khoác áo choàng.

Quy tắc mặc áo choàng theo độ tuổi và dịp lễ như sau; Người trẻ mặc áo choàng màu trắng; Trong lễ cưới và các dịp trọng đại phải mặc áo trắng dệt bằng lông cừu phối với áo choàng đen trắng; Người khoảng năm mươi đến sáu mươi tuổi mặc áo choàng không viền làm từ lông cừu và lông bò yak; Người sáu mươi đến bảy mươi tuổi mặc áo choàng lông bò yak có viền phổ-lỗ hoa; Người trên bảy mươi tuổi mặc áo choàng đỏ. Kích thước áo choàng thay đổi tùy theo vóc dáng người mặc. Ngoài các dịp lễ phục, phụ nữ thường ngày không mặc áo choàng.

Theo quan niệm địa phương; Áo ngoài phải phủ qua váy xếp ly và dài quá đầu gối; Áo choàng phải phủ kín cả áo ngoài lẫn váy xếp ly.





Khi không mặc áo choàng, phụ nữ có tục cởi tay áo phải của áo dài. Bộ trang phục này cũng xuất hiện tại Ba Vượng thuộc Đan Ba và Mã Nại thuộc Kim Xuyên.

Áo choàng còn có một công dụng khác: Khi phụ nữ qua đời, quan tài sẽ được phủ áo choàng đỏ; còn quan tài nam giới phủ bằng phổ-lỗ đỏ đen. Đây là tập tục truyền thống của địa phương. Trước kia, trang phục nơi đây chủ yếu làm từ vải gai; ngày nay thường dùng nỉ, lông bò yak và lông cừu để chế tác.

Tương truyền rằng xưa kia vùng này có một con rắn độc gây hại cho người và gia súc. Một con đại bàng thần (chim Quỳnh) bay từ Ấn Độ tới đã hàng phục nó. Người Gia Nhung từ đó tôn đại bàng làm thần điểu, vẽ hình đại bàng trên cổng quan trại của thổ ty và trên xà cửa mỗi nhà để tưởng nhớ.

Hình dáng trang phục phụ nữ Ba Để cũng được cho là mô phỏng chim đại bàng; Áo ngoài tượng trưng cho lông vũ; Áo choàng tượng trưng cho đôi cánh; Váy tượng trưng cho đuôi chim.

Phụ nữ địa phương đi loại bốt Gia Nhung — một kiểu giày Tạng có đế bằng da bò.



048 Trang Phục Tây Tạng IV

Trang sức

Trang sức nhìn chung tương tự các vùng người Tạng khác. Phụ nữ thường đeo khuyên tai, vòng tay, hộp gau, dây xích bạc và nhiều phụ sức khác.

Trang phục Ba Để phản ánh phẩm chất đoan trang, điềm đạm, kính già yêu trẻ của phụ nữ địa phương, đồng thời cũng lưu giữ chiều sâu văn hóa truyền thống của vùng đất này.







03

མང་སྤྱམ་སྐྱེས་མའི་གོས་ཆྱག།

TRANG PHỤC NỮ GIỚI MÃ NẠI HUYỆN KIM XUYÊN





1 ཟབས་ཅས།
Đạt-quả-cơ

2 བཐས་རས།
Khăn đội đầu

3 ལུ་རིང་།
Áo dài

4 སྐ་རགས།
Thắt lưng

5 བང་གདན།
Đai quấn eo

6 བོད་ལྷས་མཐེལ་བཙེགས་མ།
Giày Tây Tạng độn đế

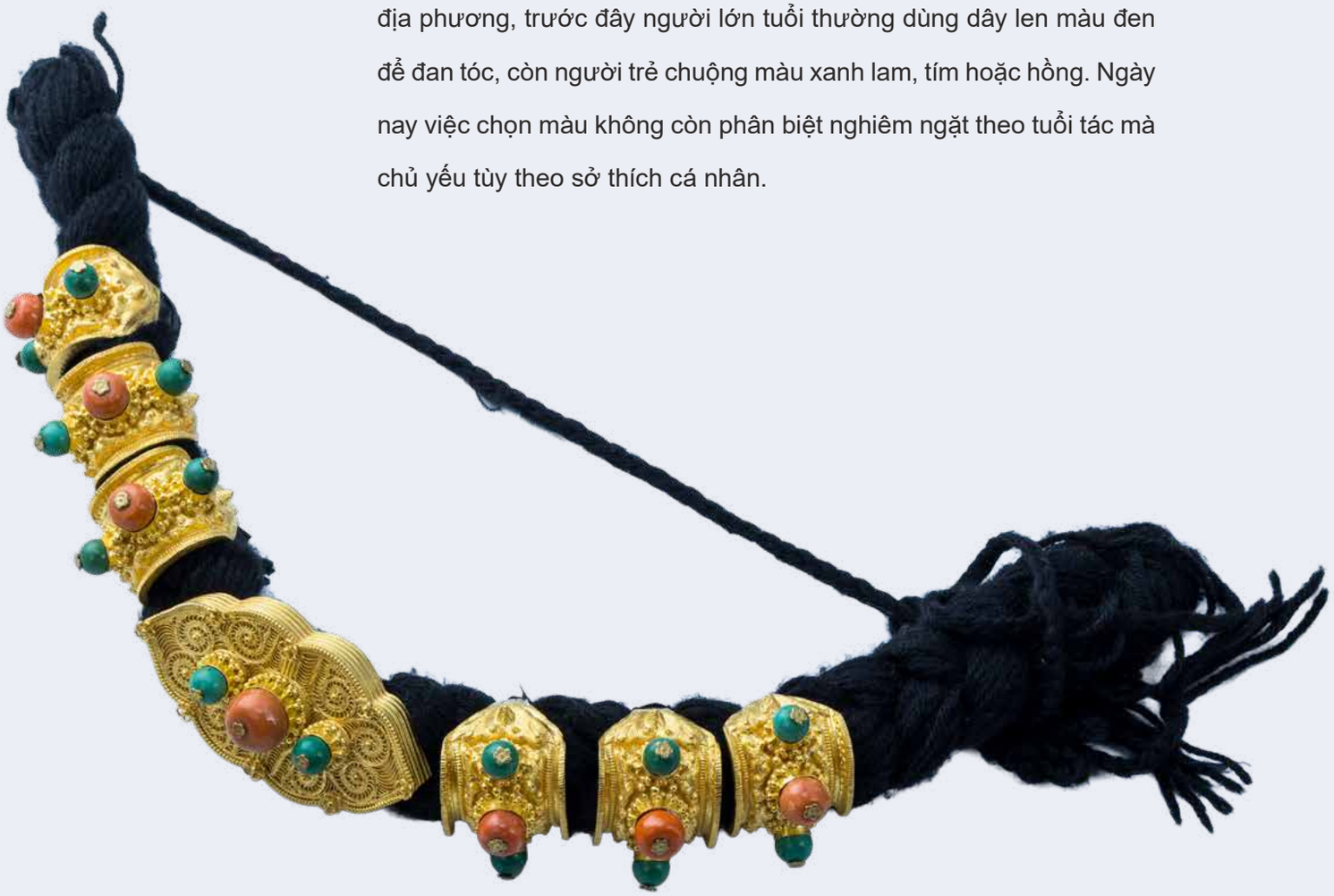
Xã Mã Nhĩ Bang nằm ở phía đông nam huyện Kim Xuyên, cách trung tâm huyện khoảng 40 km. Năm 2019, xã Mã Nhĩ Bang và hương Mã Nại được sáp nhập thành trấn Mã Nại. Khu vực này có độ cao trung bình khoảng 2.100 mét, thuộc vùng khí hậu gió mùa cao nguyên lục địa, cư dân chủ yếu sinh sống bằng nông nghiệp.

Vùng Mã Nhĩ Bang có nền văn hóa dân gian đậm đà, nổi tiếng với kỹ thuật kiến trúc đá tinh xảo. Tòa cổ điêu lâu hùng vĩ được mệnh danh là “Vua điêu khắc Trung Quốc” cũng tọa lạc tại đây. Những mô tả dưới đây chủ yếu nói về trang phục phụ nữ ở các vùng thượng nguồn sông Đại Độ như Mã Nhĩ Bang, Cách Nhĩ, Hà Đông, Hà Tây, Độc Tùng…, trong đó Mã Nhĩ Bang được lấy làm đại diện. Một bộ trang phục hoàn chỉnh gồm có trường bào, thắt lưng, tạp dề, giày dép cùng các loại phụ sức như đầu sức, khuyên tai và “phán-phán”.



Trang sức đội đầu

Trước đây, phụ nữ trước tiên đan sợi len vào hai bím tóc hai bên, sau đó lồng các loại đầu sức vàng bạc hình nhẫn khảm san hô cùng vòng ngà voi lên bím tóc. Tiếp đó, họ quấn chéo từ phía trên khăn đội đầu ra sau gáy rồi buộc cố định, phần đuôi buông xuống sau lưng. Toàn bộ những trang trí này được gọi chung là “đạt-quả-cơ”. Ngày nay, đa số phụ nữ không còn tự tết tóc mà dùng bím tóc giả thay thế. Sau khi trang trí đầu sức lên tóc giả, họ dùng cùng dây len hoặc dây tơ đan để cố định khăn đội đầu. Trước kia, đầu sức chủ yếu làm bằng bạc và số lượng không nhiều. Nhưng cùng với điều kiện kinh tế được cải thiện, hiện nay các loại đầu sức bằng vàng cũng trở nên phổ biến và số lượng đeo tăng lên, thường khoảng 5–7 món. Theo lời người địa phương, trước đây người lớn tuổi thường dùng dây len màu đen để đan tóc, còn người trẻ chuộng màu xanh lam, tím hoặc hồng. Ngày nay việc chọn màu không còn phân biệt nghiêm ngặt theo tuổi tác mà chủ yếu tùy theo sở thích cá nhân.





Khăn đội đầu

Khăn đội đầu địa phương chủ yếu có hai kiểu: một là ở các vùng như Độc Tùng gần huyện thành Kim Xuyên, kiểu khăn tương tự vùng Mã Nhĩ Khang, trên mặt khăn thêu kín các họa tiết hoa lá và hình học; hai là ở các vùng như Mã Nhĩ Bang gần huyện Đan Ba, chất liệu và kỹ thuật thêu của khăn tương tự khu vực Ba Để, nhưng kích thước nhỏ hơn đôi chút, hai góc trước sau bên trái khăn đều đính tua ngắn bằng chỉ tơ hai màu như vàng và hồng. Phụ nữ thường đội khăn màu đen, chất liệu chủ yếu là nhung kim tuyến và vải bông. Thông thường dùng tấm vải đen dài khoảng 1,5 mét gấp lại thành mặt khăn hình chữ nhật dài khoảng 40 cm, rộng khoảng 25 cm. Theo truyền thống, các góc khăn được trang trí bằng hoa văn thêu mẫu đơn, mai hoa và các họa tiết khác; khi đội sẽ đặt phần hoa văn ở vị trí nổi bật trên đỉnh đầu rồi dùng dây hợp biên màu lam buộc cố định. Ngày nay xuất hiện loại khăn không cần gấp, có thể trực tiếp đội loại đã may sẵn theo kích thước tiêu chuẩn. Việc đội khăn không chỉ giúp giữ ấm, tránh tóc rối mà còn mang tính trang trí. Ngoài ra, trước đây phụ nữ còn quấn trên đầu một tấm vải trắng hoặc đen bản rộng theo kiểu khá lỏng, nhưng hiện nay đã hiếm gặp.



Trang phục nữ giới Mã Nại huyện Kim Xuyên 057

Trường bào

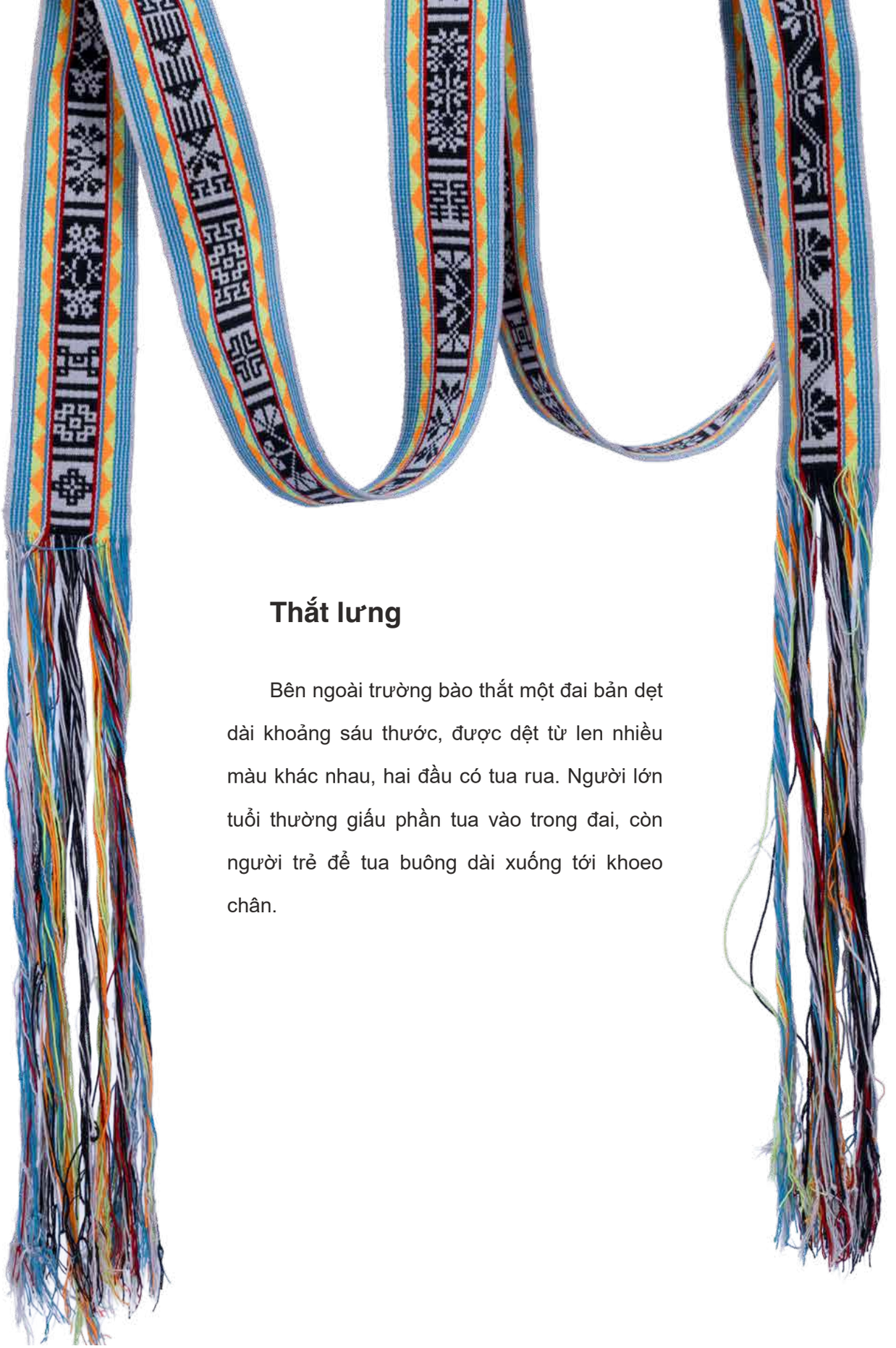
Trước đây, trường bào chủ yếu được làm từ vải gai, lông bò Tây Tạng và các chất liệu khác. Ngày nay, vào mùa đông phụ nữ mặc trường bào làm bằng dạ và vải dạ thô, còn mùa xuân, hè và thu thì mặc loại làm từ vải pha cotton-lanh hoặc các loại vải thông thường. Trường bào chủ yếu có màu xanh lam và màu đen; cổ áo, cổ tay và mép vạt lần lượt được viền bằng dải gấm rộng khoảng năm centimet cùng dải vải thêu các họa tiết hoa lá rực rỡ. Áo có kiểu vạt chéo cài sang phải, gồm khuy cổ, khuy giữa và khuy nách; sau khi cài lần lượt các khuy sẽ thắt đai lưng. Để thuận tiện cho việc đi lại và lao động, hai bên phần dưới áo xẻ tà tới ngang hông. Khác với áo bào Tây Tạng truyền thống có độ dài vạt trong và vạt ngoài gần bằng nhau, trường bào địa phương có vạt trong ngắn hơn, chỉ tới eo, còn gấu áo dài tới mắt cá chân. Ngoài ra, phụ nữ lớn



tuổi quanh vùng Kim Xuyên trong sinh hoạt thường ngày mặc trường bào trơn màu, cổ áo, cổ tay và mép vạt đều không có thêu hay viền gấm, màu sắc chủ yếu là xanh lam và đen; khi mặc cần phối với áo ghi-lê và tạp dề có màu khác với trường bào. Trên đầu họ đội loại khăn rửa mặt màu hồng trắng xen kẽ mua ngoài chợ, trên khăn trang trí hoa văn cụm hoa.



Trang phục nữ giới Mã Nại huyện Kim Xuyên 059



Thắt lưng

Bên ngoài trường bào thắt một đai bản dẹt dài khoảng sáu thước, được dệt từ len nhiều màu khác nhau, hai đầu có tua rua. Người lớn tuổi thường giấu phần tua vào trong đai, còn người trẻ để tua buông dài xuống tới khoeo chân.

Đai quấn eo

Bên ngoài thắt lưng thắt đai quấn eo màu đen với nhiều kiểu khác nhau: có loại viền mép bằng dải vải màu hồng hoặc xanh lam; có loại trang trí bằng thêu; cũng có loại kết hợp cả thêu và viền. Hai góc dưới của đai quấn eo thường được trang trí bằng gấm hình tam giác. Dây buộc đai quấn eo làm bằng vải trắng, dạng dẹt, hai đầu thêu hoa văn hoa lá; sau khi buộc xong sẽ cùng tua của đai lưng buông tự nhiên phía sau lưng.



Trang phục nữ giới Mã Nại huyện Kim Xuyên 061

Giày ủng

Bên trong trường bào mặc quần ống rộng màu đen. Trước đây người dân đi ủng Tây Tạng đế khâu nhiều lớp, còn hiện nay phổ biến là giày vải màu đen hoặc đỏ thêu hoa văn hoa lá.

Trang sức

Trang sức tương đối giản dị, trên tai đeo một đôi hoa tai bằng vàng hoặc bạc. Theo truyền lại, trước đây bên hông còn đeo loại trang sức bạc địa phương gọi là “phán-phán”, phía trên khảm một hàng hạt bạc nổi, hai đầu rủ tua xích bạc ngắn, nhưng ngày nay hầu như không còn thấy nữa.

Ngày nay, giới trẻ khi mặc lễ phục thường mặc váy xếp ly và áo gấm sa tanh, còn người mặc trường bào đã rất ít; trường bào hiện chủ yếu được xem là trang phục truyền thống của người cao tuổi. Những khu vực này trước kia tuy thuộc phạm vi cai quản của thổ ty Nhiêu Đan, nhưng về sau hòa trộn khá sâu với các dân tộc khác, vì thế trong trang phục cũng dung hợp một số yếu tố của các dân tộc khác. Bộ trang phục này qua quá trình phát triển tự nhiên đã hình thành phong cách vừa thích ứng với khí hậu và phong tục địa phương, vừa mộc mạc giản tiện, đồng thời thể hiện dấu ấn giao thoa dân tộc trong tiến trình lịch sử.



Trang phục nữ giới Mã Nại huyện Kim Xuyên 063

04

ལོག་ཕེར་གྱི་སྐྱེས་མའི་གོས་ཆུག།

TRANG PHỤC NỮ GIỚI LẶC Ô HUYỆN KIM XUYÊN





1 ཟགོ་ཅཟ།
Đạt-quả-cơ

a དྲན་ད་དྲ་འབག
Đặng-đạt-đắc-ba-khả

b ཀ་ཀོ་ཅི།
Cái-cổ-tử

2 དར་ཀེ།
Đáp-thức-đắc

3 ཐུ་རིས།
Đắc-nhật

4 སྟ་ཐོག
Tư-đạt-pha

c མོ་གླ།
Mạc-ba

5 བྱ་དེ་སྟ་ཐགས།
Ba-ai-tư-tha

6 དར་ནེ།
Đạt-nhi-úy

7 དྲ་ཝེད།
Đắc-úy

8 ཏེ་སྟ་ཐགས།
Đế-tư-tha

9 རྟོང་ཡོ་དྲུང་བེ།
Tùng-dung-trung-biệt

Thị trấn Lặc Ô nằm ở phía đông bắc huyện Kim Xuyên, là nơi đặt quan trại của thổ ty Nhiêu Đan có lịch sử lâu đời của huyện Kim Xuyên. Do trước đây thuộc lãnh địa của vua Lặc Ô nên được gọi là “Lặc Ô”, hiện nay cũng có cách gọi khác là “Đóa Ô”. Thị trấn này nằm trong vùng khí hậu gió mùa ôn đới cao nguyên, có độ cao trung bình khoảng 2200 mét, phương thức sinh hoạt chủ yếu dựa vào nông nghiệp.

Trang phục và đồ trang sức ở đây mang đậm đặc trưng địa phương, chủ yếu được mặc trong các dịp long trọng như lễ hội, năm mới và các nghi lễ quan trọng. Một bộ trang phục hoàn chỉnh gồm có áo, khăn choàng, váy xếp ly, đai quấn eo, giày dép cùng các loại phụ kiện như trang sức đội đầu, hoa tai, hộp gau, thắt lưng chạm hoa văn và các đồ trang sức gọi là “đạt-tát-nhi”.



Trang phục nữ giới Lặc Ô huyện Kim Xuyên 067



Trang sức đội đầu

Trước đây, phụ nữ có thói quen tết tóc thành hai bím ba sợi, rồi đan thêm vào phần đuôi tóc một loại dây len địa phương gọi là “đặc-nhật”. Sau khi lồng các món trang sức bạc lên bím tóc, họ quấn chéo chúng quanh khăn đội đầu.

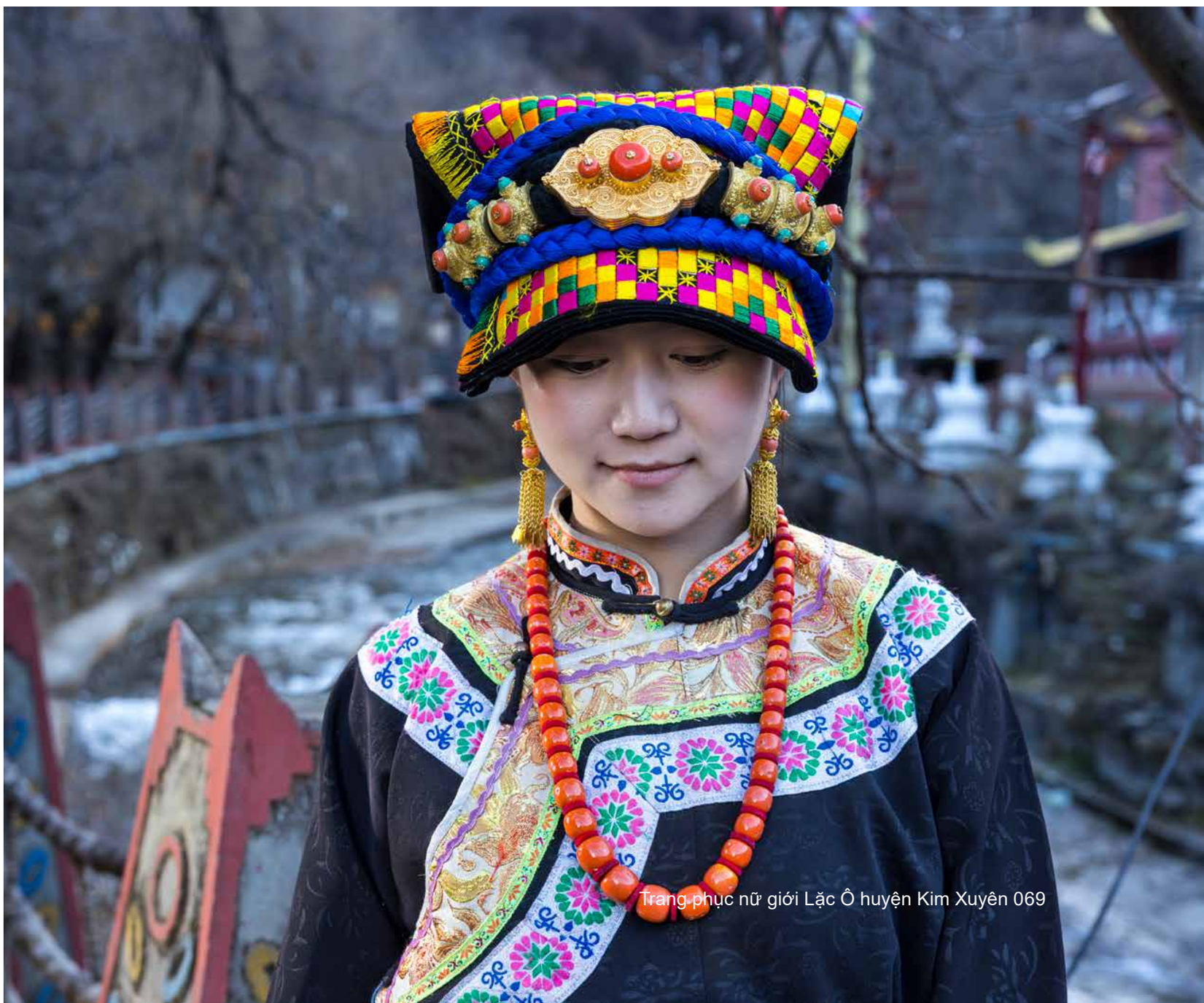
Ngày nay, phụ nữ có thể trực tiếp quấn lên đầu những bím tóc giả đã được xâu sẵn đồ trang sức cùng với dây “đặc-nhật”; một số người còn để hai đầu dây buông dài xuống phía sau gáy.

“Đặc-nhật” có hai kiểu: loại được tết thành bím ba sợi và loại để xõa không tết. Về màu sắc của “Đặc Nhật”, người trên sáu mươi tuổi thường dùng màu xanh lam hoặc màu đen; người từ năm mươi đến sáu mươi tuổi có thể tùy ý lựa chọn; còn người dưới năm mươi tuổi chủ yếu dùng màu đỏ hoặc màu tím nhạt (màu tuyết thanh).

Ở phần giữa của các bím tóc giả quấn trên đầu, phụ nữ đeo một món trang sức bạc hình bầu dục địa phương gọi là “đăng-đạt-đắc-ba-khả”, trên đó khảm ngọc lam và san hô. Đồng thời, họ còn đeo từ hai đến ba cặp trang sức bạc hình nhẫn gọi là “cái-cốc-tử”, cũng được khảm ngọc lam và san hô.

Ngoài ra, phía trên hai bên thái dương còn buộc thêm vài chuỗi hạt ngắn kết từ ngọc lam và san hô. Tất cả những món trang sức này được gọi chung là “đạt-quả-cơ”.

Trước đây, phụ nữ còn tết tóc ở hai bên trán thành bím nhỏ và đeo thêm đồ trang sức bạc, nhưng ngày nay kiểu trang điểm này đã trở nên rất hiếm gặp.



Trang phục nữ giới Lặc Ô huyện Kim Xuyên 069



Khăn đội đầu

Chiếc khăn đội trên đầu được gọi là “đáp-thức-đắc”, có sự khác biệt khá lớn so với khăn đội đầu ở vùng Đan Ba. Khăn tại địa phương thường ngắn hơn; các góc khăn không đính tua rua; mặt ngoài của khăn sau khi gấp phần lớn được thêu kín các họa tiết như hoa lá, hình học… Phần viền trước và sau có cách hoàn thiện khác nhau: có loại được viền bằng chỉ màu, có loại để mép trơn không viền. Một số khăn còn đính các vật trang trí hình lá làm bằng nhựa hoặc chất liệu tương tự ở mép phía sau. Trong sinh hoạt hằng ngày, phụ nữ thường đội khăn màu đen làm bằng nhung kim tuyến hoặc vải cotton; cũng có loại khăn trắng được thêu hoa văn hoa lá và các họa tiết khác. Những chiếc khăn này có tác dụng bảo vệ đầu, che nắng và tránh mưa.

Người dân vùng này tôn thờ chim Đại Bằng như một loài thần điểu, vì vậy trên khăn đội đầu thường thêu hình chim Đại Bằng. Tương truyền rằng toàn bộ kiểu đầu sức đều được thiết kế mô phỏng theo hình tượng của Đại Bằng. Cụ thể, sợi dây dùng để cố định khăn đội đầu tượng trưng cho con rắn đã bị Đại Bằng hàng phục và ngậm trong miệng; còn món trang sức bạc địa phương gọi là “cái-cốc-tử” tượng trưng cho móng vuốt của Đại Bằng. Ngoài ra, các họa tiết trang trí nhiều màu trên khăn đội đầu được thiết kế mô phỏng theo lông đuôi chim công.



Áo trên

Phần thân trên mặc loại áo địa phương gọi là “tư-đạt-pha”. Kiểu áo này có vạt chéo, cài sang phải; phần gấu trước sau và hai bên sườn đều để xẻ tà. Cổ áo, cổ tay áo, mép vạt và gấu áo được viền bằng dải gấm sa tanh bản rộng; phía trong lớp gấm còn đính thêm một dải vải thêu hoa văn như hoa lá với độ rộng hẹp khác nhau, màu sắc rực rỡ. Kiểu viền trang trí này được gọi là “mạc-ba”.

Trước đây chất liệu chủ yếu là lụa sa tanh, ngày nay phần lớn được may bằng nhung kim tuyến, trong đó màu đen là phổ biến nhất. Vào mùa đông, người dân còn mặc thêm bên ngoài áo “tư-đạt-pha” một loại áo ghi-lê địa phương gọi là “tư-đan-ca”.



072 Trang Phục Tây Tang IV



Khăn choàng

Thông thường, phụ nữ sẽ khoác bên ngoài áo “tư-đạt-pha” một loại khăn choàng địa phương gọi là “đạt-nhi-úy”, chiều dài ngang tới thắt lưng. Tương truyền trước đây, đạt-nhi-úy được tạo thành bằng cách chồng hai lớp vải có màu sắc và kích thước khác nhau; độ dài phần gấu cũng không đồng đều, có loại dài tới khoeo chân, có loại ngắn hơn một chút.

Ngày nay, đạt-nhi-úy thường được ghép từ các dải lụa sa tanh có màu sắc và bề rộng khác nhau theo kiểu trên–dưới: lớp lụa phía trên có vài nếp gấp lớn, mép dưới đính tua ngắn; lớp lụa phía dưới được viền bằng dải vải thêu hoa văn hoa lá, phần gấu đính những tua dài màu đỏ cùng các màu sắc khác.

Đạt-nhi-úy thường chỉ được mặc trong các dịp lễ cưới hay những ngày hội lễ trọng, chứ không dùng trong sinh hoạt thường ngày. Kiểu dáng mà các độ tuổi sử dụng cũng có đôi chút khác biệt. Ngày nay, loại khăn choàng này chủ yếu chỉ còn thấy ở người lớn tuổi khi múa điệu Oa Trang, còn trong các dịp khác thì rất hiếm gặp.





Váy xếp ly

Người dân mặc loại váy xếp ly địa phương gọi là “đắc-úy”. Loại váy này có hai kiểu: váy liền thân và váy quấn nửa thân. Trước đây, váy xếp ly phần lớn được làm từ vải lanh địa phương và vải dạ thô; ngày nay chủ yếu được may bằng các loại vải thông thường hoặc lụa sa tanh.

Hai bên thân váy, ngoài một số nếp ly có màu sắc khác biệt, thì tổng thể màu sắc khá hài hòa và thống nhất. Khi mặc, phần mở của váy được quấn sang bên trái cơ thể rồi dùng thắt lưng buộc cố định.

Bộ trang phục này thường chỉ được mặc trong dịp năm mới, lễ hội hoặc khi múa Oa Trang và các nghi lễ long trọng khác. Trong sinh hoạt hằng ngày, phụ nữ thường mặc trường bào cùng loại tạp dề trước và sau tương tự trang phục ở vùng Đan Ba.



Trang phục nữ giới Lặc Ô huyện Kim Xuyên 075

Đai quấn eo

Bên ngoài váy xếp ly, người ta thắt một loại đai dệt bản phẳng địa phương gọi là “đế-tư-tha”, hai đầu đai có đính tua rua.

Phía ngoài đai lại buộc thêm một loại tạp dề gọi là tùng-dung-trung-biệt. Đai quấn eo này lấy vải bông trắng làm nền, hai bên và phần gấu được trang trí bằng những hoa văn bản rộng làm từ vải đen. Chính giữa có trang trí một họa tiết hình tròn; theo người địa phương, đó là một dạng cổ tự.

Chính giữa phần gấu của tạp dề có xẻ một đường dài khoảng một gang tay, bên dưới đính tua rua bằng chỉ tơ màu đỏ.



Giày ủng

Trước đây, người dân chủ yếu đi dép cỏ đan bằng sợi gai và ủng Tây Tạng có đế khâu nhiều lớp. Ngày nay, họ thường mang giày vải thêu hoa làm thủ công hoặc giày da mua ngoài chợ.



Trang sức

Các loại trang sức nhìn chung tương tự những vùng khác thuộc khu vực văn hóa Tây Tạng: trên tai đeo hoa tai chế tác bằng vàng hoặc bạc; trên cổ đeo hộp gau hình lục giác cùng chuỗi hạt khảm ngọc lam và san hô; cổ tay đeo vòng bạc hoặc vòng ngà voi.

Bên ngoài áo “tư-đạt-pha”, ở phần eo còn thắt một loại đai bạc chạm hoa văn địa phương gọi là “ba-ai-tư-đà”, trong đó “ba-ai” có nghĩa là bạc. Ngày nay cũng xuất hiện các kiểu đai chạm hoa văn mạ vàng.

Phía trước eo đeo một món trang sức bạc gọi là “đạt-tát-nhi”. Đạt-tát-nhi gồm hai phần trang trí — một có hình dáng giống hộp gau lục giác khảm san hô, một có hình hộp gau tròn — được nối từ trên xuống dưới bằng dây xích bạc; phần cuối đính khoảng ba chùm tua bạc. Tương truyền, đạt-tát-nhi vốn phát triển từ dụng cụ đánh lửa mà phụ nữ xưa mang theo bên mình, nhưng ngày nay đã trở thành vật trang sức thuần túy.

Khi không đeo đạt-tát-nhi, người ta thường thay bằng một món trang sức bạc nhỏ khác có hình dáng giống móc sữa, khảm san hô và phía cuối đính tua bạc.

Những điều kiêng kỵ cần lưu ý trong trang phục. Sau khi cha mẹ hoặc trưởng bối trong gia đình qua đời, phụ nữ trong vòng một trăm ngày nghiêm cấm đeo các loại trang sức như đồ đội đầu; họ chỉ dùng dây tết màu lam để cố định khăn trùm đầu màu trắng, đồng thời trong bốn mươi chín ngày đầu không được gội đầu. Nam giới trong vòng một trăm ngày cũng không được cắt tóc hay cạo râu, và phải đội mũ màu trắng.

Ngày nay, những trang phục này đã trở thành nét đặc sắc của huyện Kim Xuyên. Các loại phục sức tiêu biểu như “tùng-dung-trung-biệt”, đồ đội đầu và khăn choàng “đạt-nhi-úy” phản ánh tín ngưỡng cùng quan niệm thẩm mỹ của người dân địa phương; toàn bộ hệ thống trang phục cũng cho thấy nhận thức và các giá trị văn hóa của cộng đồng nơi đây.



078 Trang Phục Tây Tạng IV

05

ཨབར་ཁམས་བྱད་མེད་ཀྱི་གོས་ཆུག།

TRANG PHỤC NỮ GIỚI MÃ NHĨ KHANG





1 དར་ཏེ། དར་སྦྱ།
Đạt-thức-địa/
Đạt-đức

2 ཏོམ་འཇོས།
Đặng-túc

3 སུམ་ལག
Sâm-lạp

4 ཏ་སྦྱིང་ཐགས། ཏ་སྦྱིང་མདོ།།
Đạt-tư-nhưỡng-tha/
Đạt-tư-nhưỡng-đa

5 དུམ་ཏོ། ད་ཕྲོ་ས།
Đặng-đóa/Đạt-
quả-ba

6 ཧ་སྟོད།
Hạ-tư-đa

7 ཧན་ཏི།
Tiên-tư

8 ལིང་ཀ་ཙི། ལག་སྐེ
Lang-ca-tử/Lạp-
tư-cấp

9 སྟོད།
Đặng-tư-đa

10 ཐག་ས་སྦྱ། ཇེ་སྦྱ་ཐགས། འཇའ་རེ།
Tha-táp/Đế-tư-tha/Gia-nhật

11 དྲུམ་བ། དྲུམ་པེ།
Chân-ba/Chân-bối

12 འབོག
Bác

13 ཀྲུམ་བ་སྦྱ་རགས།
Chân-ba-tư-bố-
noa

14 རྩ་ལ་ལེན།
Ốc-lâm

15 ར་སྦྱམ།
Nhiệt-tư-
nam

16 དུ་ཝེད
Đắc-úy

Mã Nhĩ Khang là khu vực lấy thành phố Mã Nhĩ Khang thuộc châu tự trị A Bá làm trung tâm, chủ yếu bao gồm lưu vực sông Thoa Ma. Độ cao trung bình khoảng 3.500 mét so với mực nước biển, thuộc kiểu khí hậu lập thể vùng núi cao và thung lũng hẹp.

Khu vực chính của thung lũng Mã Nhĩ Khang gồm bốn lãnh địa thổ ty nằm dọc lưu vực sông Thoa Ma: Thoa Ma, Trác Khắc Cơ, Tùng Cương và Đảng Bá. Phần lớn phạm vi quản hạt của các thổ ty này đều thuộc địa giới Mã Nhĩ Khang ngày nay, vì vậy Mã Nhĩ Khang còn được gọi là vùng “Tứ Thổ”.

Toàn bộ trang phục bao gồm các loại y phục như “hạ-tư-đa”, “đặng-tư-đa”, trường bào, váy, đai lưng, tạp dề, “bác”, ủng; cùng các loại trang sức như đồ đội đầu, hoa tai, hộp gau, đai chạm hoa văn và nhiều phụ kiện khác.



Kiểu tóc

Trước đây, phụ nữ thường tết vào tóc dài của mình loại dây hợp biên bằng sợi tơ địa phương gọi là “đạt-tư-nhưỡng-đà” hoặc “đạt-tư-nhưỡng-đa”. Tóc cùng dây hợp biên được tết thành một hoặc hai bím rồi quấn lên khăn đội đầu gọi là “đạt-thức-địa” hoặc “đạt-đức”, trên bím tóc hầu như không gắn thêm nhiều đồ trang trí.

Ngày nay, sau khi hoàn thành việc tết tóc, người ta thường dùng bím tóc giả cùng loại dây hợp biên này để trang trí bằng món phụ kiện bạc hình nhẫn gọi là “sâm-lạp”, trên đó khảm ngọc lam và san hô. Sau khi trang trí, toàn bộ được quấn trực tiếp quanh khăn đội đầu, còn hai đầu dây hợp biên buông tự nhiên từ cổ xuống phía sau lưng.

Dù già hay trẻ, phụ nữ nơi đây đa phần đều thích dùng dây hợp biên màu lam hoặc màu đen.

Số lượng và kiểu dáng đồ đội đầu gắn trên bím tóc giả rất đa dạng: có thể đeo ba chiếc “sâm-lạp” trên bím tóc; hoặc ở giữa bím đeo một món gọi là “đặng-túc”, hai bên mỗi bên lồng thêm 2–3 chiếc sâm-lạp. Đặng-túc có nhiều hình dạng như hình bầu dục, lục giác, hình mây cuộn…, phía trên thường khảm ngọc lam và san hô.

Ngoài ra, người ta cũng có thể dùng nhiều



Trang phục nữ giới Mã Nhĩ Khang.083





chuỗi hạt gọi là tháp-tư-quả-nhi thay cho sâm-lạp, đeo ở hai bên thái dương. Tháp-tư-quả-nhi được kết từ hạt ngọc lam và san hô. Cũng có kiểu phối hợp đeo xen kẽ giữa sâm-lạp và chuỗi hạt.

Bên cạnh đó, một số phụ nữ còn trang trí thêm vòng ngà voi và các vật phẩm khác trên bím tóc.

Theo lời người địa phương, trước đây phụ nữ ở một số vùng của Mã Nhĩ Khang có tục tết phần tóc trước trán thành nhiều bím nhỏ; ngày nay họ thường đeo bím tóc giả địa phương gọi là “đặng-đóa” hoặc “đạt-quả-ba” ở hai bên trán.





Khăn đội đầu

Loại khăn đội đầu mà phụ nữ thường sử dụng hằng ngày chủ yếu được làm từ vải bông hoặc nhung kim tuyến, có thể gấp thành bốn đến năm lớp. Trên bề mặt khăn thêu kín các họa tiết hoa lá và hình học. Sau khi đội, mép bên trái hoặc bên phải của khăn có thêu hoa văn răng cưa hướng vào trong, tượng trưng cho hình thức của bảo tháp Phật giáo. Theo người địa phương, kiểu thiết kế này tuân theo giáo pháp của đại dịch giả Vairochana.

Một số khăn còn đính ở mép phía sau nhiều loại trang sức nhỏ rủ xuống, phổ biến là hình lá màu vàng hoặc hình giọt nước. Ngoài ra, ở những khoảng trống giữa các hoa văn thêu, đôi khi còn được điểm xuyết nhiều hạt bạc nhỏ.

Một số phụ nữ lớn tuổi khi đội khăn hằng ngày sẽ gấp phần hoa văn thêu bên ngoài vào trong, khiến toàn bộ khăn trông thuần màu đen, đồng thời họ cũng đeo ít trang sức sâm-lạp hơn.

Theo lời người dân địa phương, trước đây người cao tuổi và phụ nữ mang thai thường đội khăn màu đỏ, nhưng ngày nay khăn màu đen đã trở thành chủ yếu, còn khăn đỏ thì ngày càng hiếm thấy. Ngoài ra, phụ nữ nơi đây cũng có loại khăn nền trắng được thêu hoa văn bằng chỉ đen.







Hạ-tư-đa

Phần thân trên mặc loại áo sơ mi địa phương gọi là “Hạ-tư-đa”, chiều dài ngang đầu gối, tay áo khá dài; bình thường tay áo được xắn lên, chỉ khi múa mới buông xuống để tạo dáng mềm mại uyển chuyển. Loại áo này thường được phối cùng váy.

Trước đây, chất liệu của Hạ-tư-đa chủ yếu là vải gai và vải bông, ngày nay phần lớn được may bằng lụa sa tanh. Tại khu vực Ca Lan, kiểu trang phục này được gọi là Ốc Lâm.





090 Trang Phục Tây Tạng IV

Đặng-tư-đa

Bên ngoài áo sơ mi, người ta khoác loại áo choàng ngoài địa phương gọi là “đặng-tư-đa”. Trước đây, phần viền cổ áo thường được nẹp bằng da rái cá, ngày nay thay bằng các loại viền như dạ đỏ.

Phần mép áo lần lượt có ba chiếc khuy: khuy cổ, khuy giữa và khuy dưới nách.

Vào mùa đông, loại đặng-tư-đa được mặc thường làm bằng vải dạ thô nên khá dày và ấm; còn vào những mùa khác, phụ nữ thường mặc đặng-tư-đa được may từ vải thường hoặc gấm sa tanh.





092 Trang Phục Tây Tạng IV

Trường bào

Trong sinh hoạt thường ngày, người dân mặc loại trường bào địa phương gọi là “tiên-tư”. Phần cổ áo chủ yếu được làm từ vải phổ-lỗ hoặc gấm sa tanh. Trường bào có kiểu cài vạt sang phải, gồm một khuy cổ và một khuy dưới nách, không dùng nhiều khuy trang trí. Từ phần đầu gối xuống đến mắt cá chân có xẻ tà, mép xẻ được viền bằng gấm sa tanh.

Về kỹ thuật viền trang trí, phụ nữ lớn tuổi chỉ viền gấm bản hẹp ở cổ tay và cổ áo; trong khi phụ nữ trẻ sử dụng viền gấm bản rộng hơn, đồng thời còn trang trí thêm viền ở mép vạt ngoài.

Theo người địa phương, trước đây “tiên-tư” được dệt hoàn toàn từ lông cừu và chỉ có màu trắng; ngày nay chất liệu ngày càng đa dạng, phần lớn được may bằng vải màu đen.

Phụ nữ lớn tuổi thường mặc thêm bên ngoài “tiên-tư” một loại áo ghi-lê dài gọi là “lang-ca-tử” hoặc “lạp-tư-cấp”. Loại áo này được làm từ vải phổ-lỗ, phần viền cổ được nẹp bằng phổ-lỗ gia-lạc, và thường phối cùng tạp dề màu đen.













Váy

Phụ nữ mặc loại váy xếp ly địa phương gọi là “đắc-úy”. Váy được chia thành hai loại: kiểu liền thân và kiểu nửa thân. Kiểu liền thân có phần trên không tay; hai bên phần váy dưới có nhiều nếp ly mang các màu sắc khác nhau nhưng tổng thể vẫn hài hòa cùng tông.





096 Trang Phục Tây Tạng IV



Khi mặc, phần mở của váy được quấn sang bên trái rồi dùng đai lưng buộc cố định. Mép vạt của phần mở váy được viền bằng dải gấm sa tanh bản rộng.

Chất liệu của váy xếp ly chủ yếu gồm bông, gai, lụa sa tanh và vải dạ thô, có thể mặc quanh năm. Vào mùa đông, loại làm bằng vải dạ thô được gọi là “quách-ba”; còn loại làm bằng vải hoặc lụa sa tanh dùng vào mùa hè được gọi là nhiệt-tư-nam”.

Một số phụ nữ mặc váy nửa thân ở phần dưới cơ thể; hai bên thân váy có một nếp ly lớn, bên dưới nếp ly có xẻ tà. Kiểu xẻ này vừa giúp việc đi lại, vận động thuận tiện và thoáng mát hơn, vừa có tác dụng trang trí.



098 Trang Phục Tây Tạng IV





Thắt Lưng

Ở eo người ta thắt loại đai dệt bản phẳng địa phương gọi là “tha-táp, “đế-tư-tha hoặc “ca-nhật”, chủ yếu chia thành hai loại: một là đai mang tính thực dụng, dùng chủ yếu để cố định y phục, thường do phụ nữ lớn tuổi sử dụng trong sinh hoạt hằng ngày; hai là đai mang tính trang trí, vừa có tác dụng buộc giữ quần áo vừa có chức năng làm đẹp, trên thân đai đính nhiều tua rua bằng chỉ tơ với các màu sắc khác nhau, tua dài tới tận gấu váy, rủ lay động quanh thân váy, chủ yếu được phụ nữ trẻ đeo trong các dịp lễ hội. Ngoài ra, khi mặc lễ phục, bất kể già trẻ đều đeo loại đai trang trí địa phương gọi là “chân-ba-tư-bố-noa”, loại đai này được dệt thủ công, có dạng bản rộng và dẹt, hai đầu đính tua rua. Tại khu vực thảo đăng, tua của đai thường buông phía trước eo, còn ở các vùng khác thì người ta quen để tua rủ phía sau lưng để trang trí.





Đai quấn eo

Đai quấn eo tại địa phương được gọi là “chân-ba” hoặc “chân-bối”, ban đầu dùng khi lao động để tránh làm bẩn quần áo, về sau dần phát triển thành một loại phục sức mang tính trang trí. Chất liệu rất đa dạng, gồm vải dạ thô, phổ-lỗ hoa, gấm sa tanh và các loại vải mua ngoài chợ. Phụ nữ lớn tuổi thường thắt tạp dề bằng vải đen, trong khi phụ nữ trẻ ưa chuộng loại bằng gấm sa tanh màu sắc rực rỡ, hoặc trang trí hai góc gấu của tạp dề đen bằng gấm. Cách phối mặc như sau: khi chỉ mặc áo hạ-tư-đa cùng váy xếp ly thì phải thắt tạp dề bên ngoài váy; còn khi bên ngoài hạ-tư-đa có mặc thêm áo đặng-tư-đa thì không thắt đai quấn eo; khi mặc trường bào “tiên-tư” thì thông thường bắt buộc phải phối cùng đai quấn eo.







Bác

Ngoài ra, phụ nữ ở các vùng Thảo Đăng, Ca Lan và những nơi khác còn thắt bên hông một loại vật trang trí địa phương gọi là “Bác”. Được tạo bằng cách gấp một tấm vải hình vuông thành hình tam giác; trên bề mặt tam giác may ghép các mảnh vải dạ có màu sắc khác nhau hoặc thêu nhiều loại hoa văn. Mặt có trang trí này phủ lên phần mông rồi buông rủ tự nhiên xuống dưới. Theo người địa phương, trước đây “Bác” chủ yếu được cắt may từ loại vải quý gọi là “quả-ca”, còn ngày nay đa phần được làm từ các loại vải thông thường và thường chỉ đeo khi mặc lễ phục hoặc diện trang phục trang trọng.

Áo trên

Phần thân trên mặc loại áo địa phương gọi là “tư-đạt-pha”. Kiểu áo này có vạt chéo, cài sang phải; phần gấu trước sau và hai bên sườn đều để xẻ tà. Cổ áo, cổ tay áo, mép vạt và gấu áo được viền bằng dải gấm sa tanh bản rộng; phía trong lớp gấm còn đính thêm một dải vải thêu hoa văn như hoa lá với độ rộng hẹp khác nhau, màu sắc rực rỡ. Kiểu viền trang trí này được gọi là “mạc-ba”.

Trước đây chất liệu chủ yếu là lụa sa tanh, ngày nay phần lớn được may bằng nhung kim tuyến, trong đó màu đen là phổ biến nhất. Vào mùa đông, người dân còn mặc thêm bên ngoài áo “tư-đạt-pha” một loại áo ghi-lê địa phương gọi là “tư-đan-ca”.







Giày ủng

Ủng Trên chân mang các loại ủng Tây Tạng mũi cong hoặc ủng vải. Loại ủng Tây Tạng mũi cong có đế làm bằng da bò, còn phần thân và cổ ủng được chế tác từ da màu đen hoặc vải dạ đỏ cùng các chất liệu khác.







Trang sức

Trang sức Các loại trang sức nhìn chung tương tự phần lớn các vùng văn hóa Tây Tạng khác: trên tai đeo loại hoa tai tua rua địa phương gọi là cửu-hán, phía trên khảm ngọc lam và san hô; ở cổ, tùy điều kiện kinh tế mà đeo chuỗi san hô cùng từ một đến ba hộp gau; cổ tay đeo vòng bạc hoặc vòng ngà voi; bên hông đeo đai chạm hoa văn có thể quấn quanh eo từ một đến ba vòng, loại đai này lấy da màu đen làm nền, trên thân đai lần lượt gắn nhiều đồng bạc tròn hoặc hạt bạc nổi, một đầu có phụ kiện bạc hình bầu dục khảm ngọc lam và san hô; bên hông còn đeo dao ngắn vỏ bạc khảm san hô, phía trước eo đeo thêm túi thơm và các vật trang trí khác. Mã Nhĩ Khang có nhiều làng xã với nền tảng văn hóa sâu dày, nhưng xét về phục sức thì khác biệt giữa các vùng không lớn, nhìn chung thể hiện phong cách khá thống nhất. Từ cách mặc trang phục và đeo trang sức của người địa phương có thể thấy sự kế thừa và gìn giữ rất tốt nền văn hóa đa nguyên của lưu vực sông Thoa Ma.











Trang phục nữ giới Mã Nhĩ Khang 107

06

འབངཔཁས་སྐྱེས་པའི་གོས་ཆུག།

TRANG PHỤC NAM GIỚI MÃ NHĨ KHANG





1 དར་ཏེ།
Đạt-thức-đắc

2 ཧ་སྡེད།
Hạ-tư-đa

3 ལོང་ཧཱ།
Long-hạ

4 གཞུ།
Hộp gau

5 ཐྲི་ཞུན།
Túi thơm

6 རྒྱལ་རོང་འབེག་རྡ།
Gia Nhung bố-táp

7 དུག་རྡ།
Địch-khắc-táp

Trang phục nam của người Gia Nhung tuy nhìn tổng thể không khác biệt quá lớn so với trang phục nam ở các vùng Tạng khác, nhưng trong từng chi tiết vẫn thể hiện rõ nét đặc trưng địa phương.

Một bộ trang phục hoàn chỉnh gồm có mũ, áo sơ mi, trường bào, quần, giày dép cùng các loại phụ sức như khuyên tai, hộp gau và dao đeo bên hông.



Trang phục nam giới Mã Nhĩ Khang 111

Kiểu tóc

Trước đây, nam giới để tóc dài rồi tết thành một hoặc hai bím ba lọn. Ở phần cuối bím tóc sẽ đan thêm dây kết làm từ chỉ đen hoặc sợi lông bò yak; cuối dây lại đan thêm chỉ đỏ rồi quấn quanh đầu, hai đầu dây buông tự nhiên xuống hai bên đỉnh đầu. Trong những dịp lễ phục, nam giới còn trang trí bím tóc bằng vòng ngà voi và các vật trang sức khác. Theo lời kể, trước kia họ còn quấn thêm khăn đen trên đầu. Ngày nay, nam giới phần lớn để tóc ngắn và đội mũ.

Mũ đội đầu

Các loại mũ được gọi chung là "đáp-thức-đắc", gồm nhiều kiểu như: mũ kim hoa, mũ Tây, mũ lông cáo "các-đề-chí-đệ", mũ nỉ Mông Cổ… Mũ kim hoa, lấy nỉ đen làm nền, thân mũ có dạng hình trụ và được bọc gấm ở bên ngoài. Phía trên trang trí ba tầng hoa văn sóng nước bằng chỉ vàng xếp theo chiều dọc. Đỉnh mũ may một miếng gấm hình tròn, xung quanh cũng viền hoa văn sóng nước bằng chỉ vàng. Bốn miếng che tai của mũ được làm bằng da lông của thỏ và các động vật nhỏ khác, bên ngoài không phủ thêm lớp vải nào. Loại mũ này chủ yếu dùng vào mùa đông. Mũ Tây là loại mũ lễ kiểu ngoại lai mua từ nơi khác, chủ yếu dùng khi mặc lễ phục, đồng thời cũng được dùng làm mũ che nắng trong sinh hoạt hằng ngày. Mũ lông cáo "các-đề-chí-đệ" loại mũ này được làm từ nguyên cả tấm da cáo hình ống, hoặc dùng gấm bọc bên ngoài lớp da cáo. Đây là kiểu mũ chủ yếu dùng trong mùa đông và các dịp lễ trọng. Mũ nỉ Mông Cổ được làm từ lông cừu, phần thân mũ càng lên trên càng thu nhỏ. Trên chóp mũ đính tua chỉ đỏ. Bên ngoài thân mũ có hai dải trang trí màu xanh lam và đỏ quấn quanh theo khoảng cách cố định. Vành mũ được lật ngược lên trên, trong đó phần vành phía trước rộng hơn một chút. Loại mũ này thường xuất hiện trong lễ hội hoặc khi múa Oa Trang, nhưng ngày nay đã trở nên khá hiếm gặp.



Trang phục nam giới Mã Nhĩ Khang 113

Áo sơ mi

Bên trong phần thân trên mặc loại áo sơ mi Tạng địa phương gọi là “hạ-tư-đa”. Áo được làm từ lụa kén hoặc tơ lụa, phần lớn có màu trắng; cổ áo và mép vạt được viền gấm.



Trường bào

Mùa hè, nam giới mặc loại trường bào rộng và nhẹ gọi là “long-hạ”, làm từ cotton, nhung tăm hoặc dạ mỏng, với các màu chủ yếu như đỏ, xám, đen và xanh lam. Mùa đông, họ mặc áo da cừu hoặc áo lông cừu non gọi là “đức-tây-giác”, hoặc mặc loại trường bào dày làm từ lông cừu hay lông bò yak gọi là “phổ-đông”. Trường bào lông cừu chia thành hai loại: Loại dùng lông mềm, mịn để làm lễ phục; Loại dùng lông thô hơn để mặc hằng ngày. Trong các dịp lễ hội hay sự kiện trọng đại, nam giới mặc trường bào may bằng phổ-lỗ và gấm.





Trong một giai đoạn trước đây, cổ áo, mép vạt, cổ tay và gấu áo thường được viền rộng bằng da rái cá hoặc da báo. Ngày nay, phần lớn đã thay bằng phổ-lỗ hoa hoặc gấm với bản viền rộng khoảng năm ngón tay. Theo quan niệm địa phương, một người đàn ông ít nhất phải có một chiếc áo trắng nâu viền phổ-lỗ hoa; loại áo này còn được gọi là “áo nỉ”. Khi mặc, người ta kéo gấu áo lên ngang đầu gối rồi dùng thắt lưng buộc cố định.

Thắt lưng truyền thống được dệt từ lông cừu nhuộm đỏ hoặc vàng, hai đầu có tua rua và thường quấn ba vòng quanh eo. Ngày nay, đa số sử dụng dây vải hoặc đai lụa màu đỏ mua ngoài chợ.

Quần dài

Trước kia, trong sinh hoạt thường ngày người ta mặc quần bằng vải gai hoặc cotton; còn trong các dịp lễ phục thì mặc quần ống rộng làm bằng lụa kén, ống quần phủ ra ngoài ủng.

Hiện nay, trong lễ phục đa số vẫn mặc quần lụa kén màu trắng.

Giày ủng

Giày địa phương được gọi là “địch-khắc-tạp”, chủ yếu chia thành hai loại: “Đạt-hạ-tạp” đây là loại ủng Tạng dùng trong lễ phục. Đế ủng làm bằng da, thân ủng ghép từ da bò màu đen và đỏ; phần cổ ủng dùng phổ-lỗ hoa, còn phần ống ủng làm bằng nhung tăm. Đường nối kiểu yên ngựa được trang trí bằng da đỏ. “Ba-lạp-tạp” loại ủng này dùng thường ngày. Thân ủng làm bằng da bò đen; ngoài phần đường nối có trang trí da đỏ, các phần còn lại đều dùng da nguyên màu chưa nhuộm để ghép may. Trước kia ở một số nơi còn có loại ủng da đen với đế làm bằng da lửng chó. Vào mùa đông, để chống lạnh cho chân, bên trong đế boot thường lót lông cừu hoặc miếng lót bằng rơm cỏ. Các loại ủng này được chế tác đặc biệt tinh xảo ở vùng Cam Tư nên còn được gọi là “ủng Cam Tư”. Mùa hè, người dân đi dép cỏ hoặc giày vải.

Dây buộc giày ủng được đan từ sợi màu đen – trắng hoặc đỏ – vàng; mép trên dưới dệt hoa văn cầu vồng bằng chỉ nhiều màu. Ngoài ra còn có loại dệt từ lông cừu trắng hoặc làm bằng vải.



Trang sức

Trước kia, nam giới đeo ở tai trái loại khuyên tròn bằng bạc. Phía trên phía trước khuyên có trang trí hình Như Ý Bảo khảm ba viên san hô; phía dưới là vật trang trí hình đồng hồ cát gọi là “ông-thương”, ở giữa xâu hạt san hô, phần cuối tổng thể có hình giống hạt đại mạch. Ngày nay gần như không còn ai đeo loại khuyên này nữa. Trên cổ đeo chuỗi san hô và hộp gau. Trên vai đeo chéo một hộp gau lớn với dây đeo bằng dạ xanh hoặc đỏ; trên dây trang trí hoa bạc chạm rỗng và các miếng bạc.



Phía trước eo không chỉ đeo túi thơm và đồ trang trí bật lửa đá mà còn treo một đôi "lạc-tùng". Bên trái eo đeo loại dao ngắn đặc biệt gọi là "gia-nhung-bố-tạp. Chuôi dao làm bằng sừng; vỏ dao làm từ gỗ hoặc da, bên ngoài bọc bạc và khảm khoảng sáu viên san hô. Mặt trước vỏ dao còn thiết kế thêm một ống nhỏ để cắm đôi đũa.

Ngày nay, bộ trang phục này chủ yếu được mặc trong các dịp như cưới hỏi hay năm mới, còn việc mặc thường ngày đã khá hiếm. Dù theo thời gian một số đặc trưng truyền thống của trang phục và phụ sức dần phai nhạt, nhưng xét tổng thể, chúng vẫn giữ được và tiếp nối những nét đặc sắc dân tộc cũng như bản sắc địa phương.





07

ཁོ་ཆུའི་རྒྱུད་ཀྱི་སྐྱེས་མའི་གོས་རྒྱན།

TRANG PHỤC NỮ GIỚI ĐẠI HẮC THỦY





1 ཀུ་རྡལ་ཕལ།
Các-tư-đắc/ Ngõa-nhĩ

2 ཧོབ་ཟེ། ཀུ་རྡེ་རྦ།
Hạ-vật-tư/Các-đắc-ba

3 ཡེར།
Da-nhĩ

4 ཡེ་སཱ།
Da-tát

5 ཅེག་ཆྱོར་སྲུ།
Khiết-quả-tư

6 ཀཱལ།
Tức-ô

7 འགག་ཧེས།
Các-hiệp

a གོོར་ལོ།
Quả-lạc

b མོ་ཡོག་ལང་བ།
Mạc-hữu-lạp-ba

c ལ་ཀུ་ལང་བ།
Lạp-các-lạp-ba

8 སྤྲོ་ཀོ།
Trác-cổ

9 རྟེག་ཙེ་ས།
Thực-ca-cụ-sắc

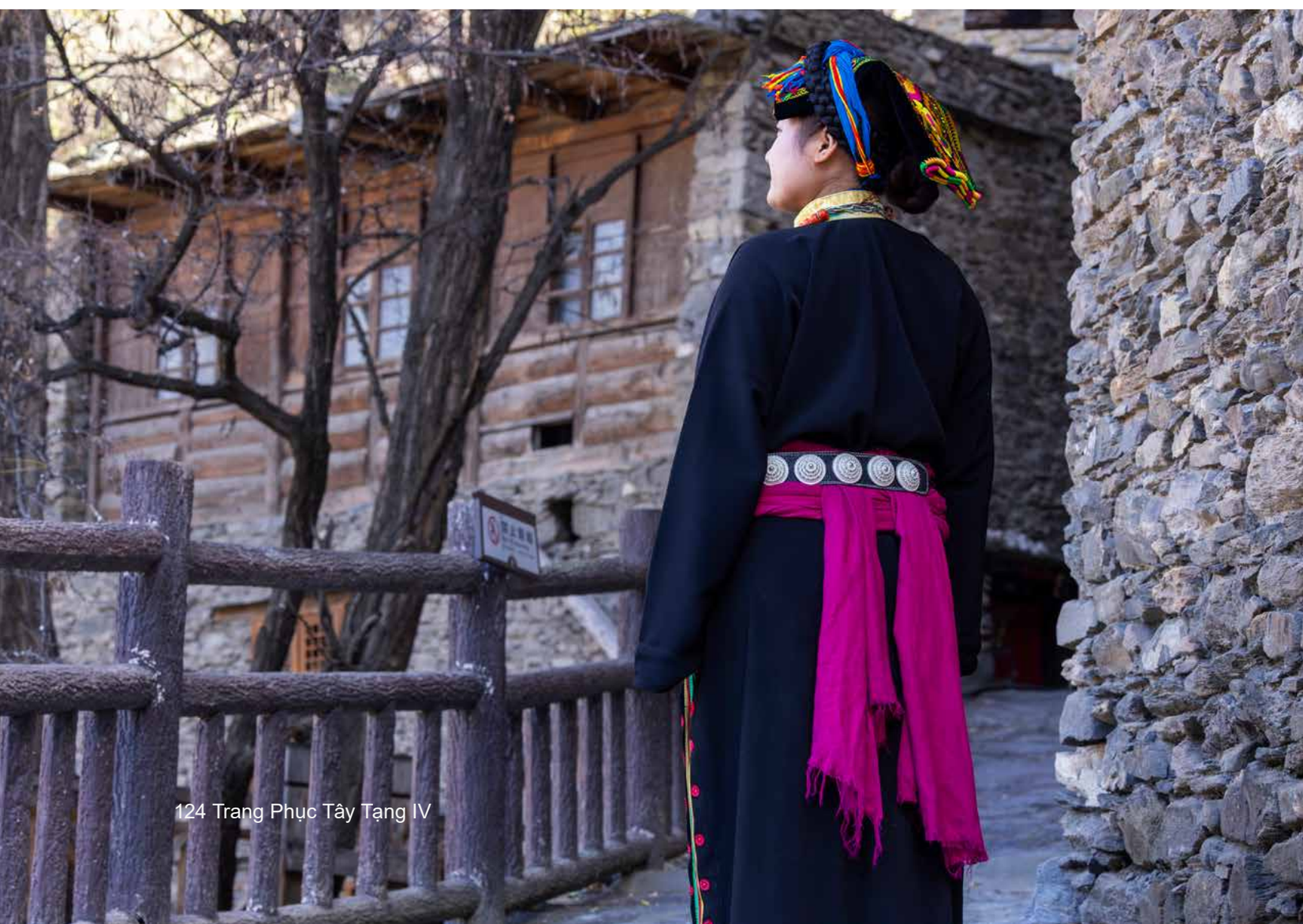
10 ཟེག་ཀ
Tra-ca

11 རྩ་ཟ། རྒྱ་དགེ།
Tư-trạch/Cát-hãi

Sông Hắc Thủy là con sông bắt nguồn từ núi tuyết Nhã Khắc Hạ rồi chảy theo hướng đông nam. Trong tiếng Tạng, con sông này có nhiều tên gọi như ‘Xích Cơ’, ‘Xước Cơ’ hoặc ‘Xước Kỷ”.” Người sinh sống trong lưu vực Hắc Thủy được gọi là người Hắc Thủy và được cho là hậu duệ của những binh lính Thổ Phồn từng đóng quân nơi biên cương. Ngày nay, huyện Hắc Thủy có độ cao trung bình khoảng 3.500 mét và thuộc vùng khí hậu gió mùa cao nguyên. Khu vực Đại Hắc Thủy trước kia thuộc lãnh địa của thổ ty Thoa Ma trong hệ thống mười tám thổ ty Gia Nhung.

Trang phục nữ giới Sắc Nhĩ Cổ

Trang phục phụ nữ ở các vùng như Sắc Nhĩ Cổ mang phong cách giản dị, không đeo quá nhiều phụ sức cầu kỳ. Một bộ trang phục hoàn chỉnh gồm có áo sơ mi, trường bào, thắt lưng, quần, giày dép cùng các loại phụ sức như đầu sức, “tức-ô” và hộp kim chỉ.



Kiểu tóc

Trước kia có hai kiểu tết tóc phổ biến: Đan dải vải cùng tóc thành một bím ba lọn rồi tiếp tục đan thêm dây kết gọi là “da-nhĩ”; Đan tóc và dải vải đến giữa chừng, sau đó dùng dây da-nhĩ thay thế dải vải để tết tiếp đến hết. Thông thường trên bím tóc không gắn nhiều trang sức.



Trang phục nữ giới Đại Hắc Thủy 125



Ngày nay, người ta nối dây kết vào những bím tóc giả nhỏ gọi là “cách-tư-đắc” hoặc “ngõa-nhĩ”, rồi cùng quấn quanh đầu để cố định khăn đội đầu. Hai đầu dây kết buông xuống từ sau gáy hoặc hai bên thái dương. Dây kết chủ yếu làm bằng chỉ tơ màu xanh lam, đôi khi hai đầu còn quấn len nhiều màu thành tua ngắn trang trí.

Trong các dịp lễ phục hiện nay, phụ nữ sẽ lồng loại trang sức vàng bạc gọi là “da-tát” lên tóc giả rồi quấn khăn đội đầu. “da-tát” có hình nhẫn và khảm san hô; đôi khi nó còn được lồng trực tiếp lên dây kết.

Ở một số nơi, phụ nữ còn đeo thêm hổ phách ong và vòng ngà voi trên bím tóc.



Trang phục nữ giới Đại Hắc Thủy 127



Khăn đội đầu

Khăn đội đầu địa phương gọi là “hạ-vật-tư” hoặc “các-đắc-ba”, là vật thường xuyên được sử dụng khi lao động hay sinh hoạt. Trước kia khăn chủ yếu làm bằng cotton, ngày nay phần lớn dùng nhung kim tuyến và các chất liệu tương tự, trong đó màu đen là phổ biến nhất. Trên bề mặt khăn dùng chỉ màu thêu ba nhóm hoa văn; giữa mỗi nhóm hoa văn có may dọc hai miếng dạ đỏ hơi rộng, trên đó gắn nhiều hoa bạc nhỏ làm trang trí. Hai mép bên khăn thêu hoa văn răng cưa hướng vào trong bằng chỉ màu; mép sau được khóa viền bằng chỉ màu; mép trước có cả loại khóa viền và loại để viền trơn. Một số khăn còn được thêu kín hoa văn hoa lá và hình học, điểm thêm các hạt vàng nhỏ để trang trí.

Bên trong khăn thường lót thêm một lớp khăn đệm dệt bằng len. Vào mùa đông lớp lót này giúp giữ ấm, đồng thời cũng thuận tiện cho việc vệ sinh và bảo quản. Sau thời gian dài sử dụng, người ta chỉ cần thay và giặt lớp khăn lót mà không cần giặt khăn ngoài. Hiện nay trên thị trường có nhiều loại khăn lót với màu sắc và chất liệu khác nhau. Khi sử dụng, người ta chỉ cần khâu đơn giản bốn góc của khăn lót vào mặt trong khăn đội đầu rồi đeo cùng nhau.





Trang phục nữ giới Đại Hắc Thủy 129

Áo sơ mi

Bên trong phần thân trên mặc loại áo sơ mi Tạng cài vạt sang phải gọi là “khiết-quả-tư”. Trong tiếng địa phương, “khiết” mang nghĩa là “bên trong”. Trước kia áo sơ mi chủ yếu làm từ cotton hoặc vải pha cotton – gai; ngày nay đa phần được may bằng vải mua ngoài chợ, màu sắc chủ yếu là màu đen.





Áo dài

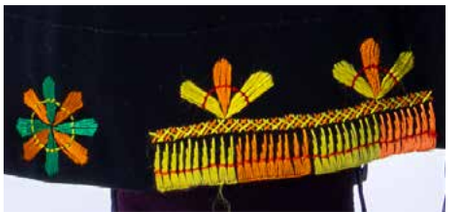
Phụ nữ mặc áo dài địa phương gọi là “các-hiệp”. Các-hiệp được làm từ vải và các chất liệu khác, màu sắc chủ yếu là đen và nâu. Vạt trong của áo khá ngắn, chỉ dài đến eo; mặt trong mép vạt áo được viền lót bằng gấm vóc và các chất liệu tương tự, khi mặc sẽ lật phần viền này ra ngoài để lộ trang trí. Hai bên đùi của các-hiệp có xẻ tà. Trước đây mép xẻ không viền, nếu có thì cũng chỉ dùng vải một màu; ngày nay thường dùng nhiều loại vải màu khác nhau cùng các dải gấm rộng hẹp khác nhau để viền thành nhiều lớp, đồng thời may cách đều các miếng nỉ đỏ hình tròn gọi là “quả-lạc” làm điểm xuyết. Đỉnh chỗ xẻ thêu hoa văn gọi là “cách-hạ”.

Gấu áo dùng chỉ màu khác nhau để thêu hoa văn hình răng cưa hướng lên trên; giữa các hoa văn răng cưa thêu các họa tiết truyền thống như “lạp-các-lạp-ba” cùng “mạc-hữu-lạp-ba”.

Thiết kế xẻ tà ở hai bên đùi giúp người mặc thuận tiện lên xuống cầu thang và lao động. Khi làm việc hoặc lúc thời tiết nóng bức, phụ nữ có thể giắt một góc vạt áo vào đai lưng để cơ thể vận động linh hoạt hơn. Theo tập tục truyền thống, các-hiệp là trang phục phụ nữ bắt buộc phải mặc hằng ngày; nếu không mặc sẽ bị xem là không biết xấu hổ và bị người khác chê cười.









Thắt lưng

Thắt lưng tại địa phương được gọi là “tư-trạch” hoặc “cát-cai”, dài khoảng 4 mét, rộng khoảng 40–60 cm. Người lớn tuổi thường thắt loại hẹp hơn, người trẻ dùng loại rộng hơn, nhưng màu sắc không phân biệt tuổi tác, đều là màu đỏ.



Quần dài

Phần thân dưới mặc loại quần ống rộng địa phương gọi là “mã-đức-cổ”. Theo người địa phương kể, trước đây quần chủ yếu làm bằng vải bông, phần ống quần thêu hoa văn như hoa lá. Ngày nay quần được làm từ nhiều loại vải khác nhau, màu sắc chủ yếu là đỏ và đen.

Giày ủng

Trước đây phụ nữ đi dép cỏ, giày vải hoặc loại ủng Tạng mũi cong gọi là “trác-khả-trác-ba”. Đế ủng làm bằng da bò, thân ủng dùng nhung nỉ và các chất liệu tương tự chế tác. Ngày nay chỉ khi mặc lễ phục phụ nữ mới mang trác-khả-trác-ba, còn bình thường đi giày vải hoặc giày da mua ngoài chợ.

Trang sức

Trên cổ đeo món trang sức dẹt gọi là “tức-ô”. Phần chính được chế tác bằng bạc, hình dạng giống hỏa liêm, khảm lam ngọc và san hô, dùng các vòng kim loại nối lại thành dây đeo. Các loại trang sức khác tương tự nhiều vùng Tạng khác: Tai đeo hoa tai vàng bạc chế tác, có loại tua rua và loại vòng tròn. Cổ đeo hộp gau và chuỗi san hô. Tay đeo vòng bạc hoặc vòng ngà voi. Eo thắt đai chạm khắc gọi là “thực-tạp-cụ-sắc”, lấy da đen làm nền, một đầu là món bạc hình bầu dục khảm san hô, trên thân đai xếp liên tiếp nhiều hạt bạc làm trang trí. Bên hông đeo hộp kim chỉ gọi là “hòa-nhi”, là món bạc hình mặt trời mặt trăng khảm san hô, phía dưới đính tua chỉ nhiều màu. Hai bên eo còn treo một món trang sức tương tự “lạc-tùng” ở các vùng như Lô Hoắc.



Trang phục nữ giới Đại Hắc Thủy 135

Trang phục Lô Hoa, Sa Thạch Đa

Phần thân trên mặc áo lót, bên ngoài khoác áo ghi lê gọi là “Dần quái tử”. Hai bên áo ghi lê có xẻ tà, phía trên chỗ xẻ thêu hoa văn “cách-hạ” làm trang trí. Phần thân dưới phối cùng váy nửa thân; hai bên váy xẻ cao, mép xẻ và gấu váy được bo viền hẹp bằng chỉ màu. Tổng thể váy mang phong cách giản dị, không có thêu hoa văn hay viền gấm. Ngoài ra, phụ nữ khu vực này còn mặc trường bào Tạng gọi là “trác-cổ”, kiểu áo vạt phải, gấu áo có loại xẻ tà và không xẻ tà. Trước đây cổ tay áo và mép vạt dùng da thú để viền, ngày nay đa phần thay bằng gấm vóc. Chất liệu trang phục cũng chuyển từ len, lông bò yak và vải gai trước kia sang nhiều loại vải hiện đại.



Một số khu vực phụ nữ mặc váy xếp ly gọi là “la-ni”, đây là sính lễ bắt buộc khi con gái xuất giá, thường mặc trong những dịp long trọng. Bên ngoài váy xếp ly đeo đai lưng dệt gọi là “tra-ca”, trên đó có những tua dài bằng chỉ màu khác nhau, rủ từ eo xuống trước và sau cơ thể, chiều dài có thể chạm tới gấu váy. Ngoài đai lưng còn đeo món trang trí hình tam giác gọi là “tư-nhiệt-ba-đắc”. Món này được tạo từ nhiều lớp vải nỉ tam giác màu sắc khác nhau chồng lên nhau, che phủ phần hông mông, được xem là biểu tượng cát tường. Món trang trí này có thể phối cùng váy hoặc đeo khi mặc trường bào.







Trang phục nữ giới Đại Hắc Thủy 139

Phong cách mặc và trang trí trang phục ở các khu vực dọc lưu vực sông Hắc Thủy thay đổi theo hướng dòng sông. Vùng thượng nguồn như Sa Thạch Đa có trang phục màu sắc phong phú, chủng loại đa dạng; càng xuống hạ lưu như vùng Sắc Nhĩ Cổ, trang phục càng giản tiện thực dụng và ít trang sức hơn. Điều này thể hiện rõ ảnh hưởng của địa thế cao thấp đối với trang phục, đồng thời cũng phản ánh mối liên hệ văn hóa được duy trì trong sự khác biệt của phong cách phục sức toàn lưu vực.













Trang phục nữ giới Đại Hắc Thủy 141

08

ཅོ་མུ་ལིའི་བྱད་མེད་ཀྱི་གོས་ཆུག།

TRANG PHỤC NỮ GIỚI TRI MỘC LÂM HUYỆN HẮC THỦY





1 ཀོ་ལོ་ཟེ་དྲུ། Qủa-lạc-tư-đắc

2 འདུ་སྟ། Cát-tát

3 དྲུ་ཁྲི། Chi-thả

4 ནུ་བ་ལག Ni-ba-lạp

5 མཇོ་ལ་པོས། Tả-lạp-phổ

6 འཇའ་བདུན། Gia-đăng

7 ཚབ་མ། Điêu-hoa-đái

8 རྡུ་རྡེ། Tư-đắc

9 ཀྲད་ལ། Tri-oa

Vinh Khúc Nạp là con sông chảy từ phía nam Mao Nhĩ Cái về huyện Hắc Thủy, còn được gọi là Tiểu Hắc Thủy Hà. Các khu vực như Chi Mộc Lâm dọc lưu vực con sông này trước đây phần lớn thuộc quyền quản lý của huyện Tùng Phan, từ năm 1957 được chuyển sang huyện Hắc Thủy quản lý.

Trang phục nữ lấy khu vực Chi Mộc Lâm làm đại diện khác với trang phục vùng Đại Hắc Thủy, nơi đây có nhiều loại phục sức và kỹ nghệ chế tác tương đối phức tạp. Trọn bộ trang phục gồm mũ, áo lót, trường bào, "tả-lạp-phổ", đai lưng, giày dép cùng các loại trang sức như đồ trang trí tóc, hoa tai, vòng tay ngà voi…



Trang phục nữ giới Tri Mộc Lâm huyện Hắc Thủy 145

Kiểu tóc, mũ

Trước đây, phụ nữ tết hai bên trán mỗi bên một bím tóc gọi là “đạt-các”, sau đó hợp hai bím này với phần tóc còn lại thành một bím ba sợi. Trên bím tóc xâu các món trang sức, cuối bím đan thêm dây hợp biên rồi quấn ngược chiều kim đồng hồ trên đỉnh đầu, phần đuôi buông xuống bên tóc mai trái.





Ngày nay, họ nối phần cuối của bím tóc giả gọi là "quả-lặc-tư-đắc" với dây hợp biên bằng len, bên trên đeo đồ trang trí bạc gọi là "cát-tát". Chiếc cát-tát ở giữa bím tóc có hình bầu dục, khảm lam ngọc và san hô; hai bên bím tóc mỗi bên có một món trang sức bạc hình hoa tám cánh. Ngoài ra, hai bên tóc mai còn có một cặp vòng đội đầu hình yên ngựa, giữa vòng có vòng ngà voi gọi là "chi-thả".

Dây hợp biên chủ yếu làm từ chỉ tơ hoặc len, màu sắc đa phần là hồng, xanh lam và đen; trong đó phụ nữ trẻ thích dùng màu hồng hơn. Họ còn buộc thêm các dải lụa nhiều màu ở phần cuối dây hợp biên, cùng với dây tạo thành tua rủ xuống. Theo lời kể của người già địa phương, trước đây phụ nữ còn có thói quen quấn lá bạc ở phần đuôi bím tóc để trang trí.



Sau khi trang trí xong, ba bím tóc giả cùng dây hợp biên được xoắn nhẹ rồi quấn trên đầu, tua chỉ màu buông tự nhiên từ sau gáy xuống một đoạn khá dài, cũng có thể để ngắn hơn tùy sở thích cá nhân.

Phụ nữ khu vực này không có tập tục đội khăn trùm đầu. Vào mùa đông, họ đội mũ lông cáo gọi là “ngõa-đạt-ngõa” để giữ ấm, phần ngoài thân mũ làm bằng vải hoặc vải phổ-lỗ.



Trang phục nữ giới Tri Mộc Lâm huyện Hắc Thủy 149

Áo sơ mi:

Mặc áo sơ mi kiểu Tây Tạng ở phần thân trên. Cổ áo có thể được viền bằng gấm hoặc trơn không viền. Áo có ba nút: nút cổ áo, nút giữa và nút nách. Màu sắc của áo tùy thuộc vào sở thích cá nhân.

Trường bào



Bên ngoài áo lót mặc trường bào tay ngắn gọi là “la-ni-đả-lõa”, trong đó “la-ni” nghĩa là lông cừu. Cổ áo và vạt áo của trường bào tách rời nhau; cổ áo là kiểu cổ đứng, làm bằng vải nhung nỉ, viền lông thú, ngày nay phần lớn dùng lông nhân tạo thay cho lông tự nhiên. Mép vạt áo lật ra ngoài, góc trên của phần vạt lật xuống có đính tua ngắn bằng chỉ tơ làm trang trí. “La-ni-đả-lõa” mặc vào mùa hè có tay áo ngắn và rộng, dài tới khuỷu tay; mép tay áo và gấu áo viền bằng hoa hổ-lỗ bản rộng, mép ngoài được bo bằng chỉ màu. Khi trời nóng, lúc lao động hoặc trong dịp mặc lễ phục, phụ nữ có tập tục cởi bỏ tay áo bên phải. Vào mùa đông, phụ nữ mặc loại trường bào tay dài dệt bằng lông cừu, trong phương ngữ địa phương gọi là “la-ni”. Theo người địa phương kể lại, trước đây phần vai trái của loại trường bào này từng thêu các hoa văn như biểu tượng Yungdrung hoặc bảo tháp, nhưng ngày nay kiểu trang trí này đã rất hiếm thấy.



Trang phục nữ giới Tri Mộc Lâm huyện Hắc Thủy 151



Tả-lạp-phổ

Phụ nữ mặc loại y phục nhiều nếp gấp địa phương gọi là “tả-lạp-phổ” trong các dịp lễ phục như đám cưới, năm mới, lễ hội đua ngựa, biểu diễn ca múa…Phần thân trên của trang phục không có tay áo, thiết kế cổ đứng và áo đối khâm; phần thân dưới là váy có nhiều nếp gấp. Theo lời kể của người già địa phương, trước đây rất ít người mặc loại trang phục này, đến giữa thế kỷ XX mới dần phổ biến hơn.

Tả lạp-phổ được chia thành nhiều kiểu theo chất liệu chế tác: Loại làm bằng vải gai gọi là “tác-phổ”; Loại làm bằng vải thường gọi là “cấp-quả”; Loại làm bằng len cừu gọi là “la-ni-gia-ô” hoặc “la-ni-tư-đức-cổ; Loại làm bằng phổ-lỗ gọi là “phổ-tư-đức-cổ”. Trong đó, tác-phổ bằng vải gai xuất hiện sớm nhất, về sau các kiểu dùng chất liệu khác mới dần thịnh hành. Ngày nay phần nếp gấp của tả-lạp-phổ sử dụng nhiều kỹ thuật ghép nối khác nhau; mỗi kiểu có tên riêng tùy theo sự kết hợp chất liệu, cụ thể gồm; Ghép các loại vải màu khác nhau để tạo nếp gấp; Ghép vải gai với phổ-lỗ để tạo nếp gấp; Ghép gia-lạc phổ-lỗ với vải nhung nỉ để tạo nếp gấp; Ghép vải màu nâu trơn với các loại nhung nỉ màu khác để tạo nếp gấp…

Phần thân trên của tả-lạp-phổ dùng vải gai và phổ-lỗ làm thành kết cấu hai lớp trong ngoài; giữa lưng may một dải vải làm trang trí, ngoài ra cũng có các kiểu dùng chất liệu và hình thức trang trí khác. Một số váy có phần mép tà váy và gấu váy được viền lông thú bản rộng, hiện nay đã đổi sang dùng lông nhân tạo. Trên các nếp gấp của váy có 1–3 dải lụa màu xếp ngang, rực rỡ như cầu vồng; cũng có kiểu không trang trí dải màu. Khi mặc, tà váy được khép ở phía trước cơ thể.

Mùa đông mặc loại làm bằng nhung nỉ và các chất liệu dày nặng; mùa hè mặc loại làm bằng vải thường hoặc vải gai nhẹ mỏng. Trang phục của phụ nữ lớn tuổi tương tự vùng Lô Hoa: thường mặc áo ghi lê bên ngoài áo lót kiểu Tạng, cổ áo ghi lê viền gia-lạc phổ-lỗ; phần thân dưới mặc váy đen giản dị làm bằng vải và các chất liệu tương tự.

Phụ nữ trẻ mặc váy dệt bằng len cừu, phần cạp váy và tà váy được viền phổ-lỗ bản rộng và bo viền bằng chỉ màu; hai bên gấu váy xẻ tà, mép xẻ viền gấm, phía trên chỗ xẻ may họa tiết hình lá làm trang trí.





154 Trang Phục Tây Tạng IV

Thắt lưng

Thắt lưng địa phương gọi là “tư-đắc”, dệt bằng len cừu, màu chủ yếu là đỏ và vàng. Khi đeo, người mặc quấn quanh ngoài trường bào hoặc áo nhiều nếp gấp 2–3 vòng, buộc cố định phía sau eo, hai đầu tua rua buông tự nhiên tới gấu áo.

Theo truyền thống, trang phục địa phương không có tập tục đeo tạp dề trước eo hay đeo trang sức ở eo, nhưng ngày nay cũng có một số ít người dùng tạp dề.



Giày ủng

Giày dép tại địa phương gọi chung là “tri-oa”. Trước đây phụ nữ đi loại ủng Tạng gọi là “quách-ma”; đế ủng làm bằng da bò, thân ủng làm bằng phổ-lỗ. Hiện nay ngoài các dịp lễ hội thì rất ít người còn mang loại giày ủng này.

Trang sức

Phụ nữ đeo hoa tai bạc gọi là “ni-ba-lạp”, chia thành loại lớn và loại nhỏ, cả hai đều khảm san hô và phía cuối có tua bạc. Hoa tai nhỏ cũng có kiểu khảm lam ngọc, đeo sát tai; còn một cặp hoa tai lớn được nối với nhau bằng chuỗi san hô nhỏ, treo trước ngực từ cổ xuống hoặc gắn trên bím tóc giả buông hai bên tóc mai. Theo lời kể, trước kia phụ nữ đeo hoa tai lớn trực tiếp ở tai, nhưng hiện nay nhiều người vì tránh rách lỗ tai nên chuyển sang dùng hoa tai lớn làm trang sức tóc hoặc trang sức ngực.









Các loại trang sức khác tương tự đa số vùng Tạng: Trên cổ treo hộp gau nhỏ có dây bạc. Tay đeo vòng ngà voi địa phương gọi là “gia-đăng”. Eo đeo đai chạm khắc gắn các hạt bạc nổi…

Ngoài ra, huyện Hắc Thủy có một điệu múa truyền thống gọi là “ca-tư-đạt-ôn” hay “vũ điệu khải giáp”. Trước đây khi xuất chinh hoặc khải hoàn, nam giới đội mũ giáp đặc chế, mặc áo giáp, cầm vũ khí và biểu diễn điệu múa truyền thống; phụ nữ cũng mặc trang phục địa phương để múa theo, vì thế trang phục phụ nữ nơi đây cũng được gọi là trang phục “ca-tư-đạt-ôn”.

Giữa biến đổi của thời đại và những tác động của lịch sử, phụ nữ khu vực này vẫn gìn giữ rất tốt văn hóa bản địa. Vì vậy, các loại phục sức và trang sức này không chỉ là trang phục truyền thống còn bảo tồn nguyên vẹn, đậm bản sắc của huyện Hắc Thủy, mà còn trở thành một bộ phận quan trọng trong văn hóa lưu vực Tiểu Hắc Thủy Hà.



09

བྲི་ཚང་འོད་ལུང་གི་གོས་ཆྱག།

TRANG PHỤC NGOẠ LONG HUYỆN VẤN XUYÊN





1 མགོ་རས། Khăn đội đầu

2 ལྷ་རིང་། Áo dài

3 འགག་སྟོད། Ghi-lê

4 པང་གདན། Đai quấn eo

5 སྐ་རགས། Thắt lưng

6 དངུལ་གྱི་ལག་གདུབ། Vòng tay bạc

7 རས་ལྷམ། Giày vải



Huyện Vấn Xuyên nằm ở lưu vực sông Mân Giang, phía đông giáp thành phố Đô Giang Yển, độ cao trung bình khoảng 1300 mét, thuộc khí hậu gió mùa ôn đới, phương thức sinh sống chủ yếu là nông nghiệp.

Trong thời kỳ mười tám thổ ty Gia Nhung, nơi đây thuộc phạm vi quản lý của thổ ty Ngõa Tự. Thổ ty Ngõa Tự là hậu duệ của thổ ty Mục Bình. Năm 1449, Ung Trung La Lạc Tư dẫn gia tộc và binh thuộc di cư từ Bảo Hưng đến Long Cổ, vì vậy thổ ty Ngõa Tự còn được gọi là “Long Cổ Kiệt Bố”, “Long Cổ” chính là tên gọi khác của trấn Ngọa Long ngày nay.

Do chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố bên ngoài, văn hóa dân gian truyền thống ở khu vực Vấn Xuyên từng bị tác động khá lớn. Tuy nhiên, một bộ phận người cao tuổi ở các nơi như Ngọa Long đến nay vẫn kiên trì mặc trang phục truyền thống địa phương, giúp nền văn hóa phục sức đặc sắc này được tiếp tục lưu truyền.

Trang phục nữ giới

Trang phục nữ giới địa phương khá giản dị và thực dụng. Một bộ đầy đủ gồm khăn trùm đầu, trường sam, áo ghi-lê, đai lưng, đai quấn eo, giày dép cùng các phụ kiện như túi tiền.

Khăn đội đầu

Trước kia, phụ nữ tết tóc thành một hoặc hai bím ba sợi rồi quấn quanh khăn đội đầu. Hiện nay họ không còn dùng khăn đội đầu nữa mà chuyển sang dùng khăn quấn đầu. Khi đội, thường phủ một đầu của dải khăn dài lên đỉnh đầu rồi quấn phần còn lại quanh đầu theo thứ tự. Khăn thường được làm từ vải thường, vải bông, nhung phẳng…, màu sắc chủ yếu là trắng và đen.

Theo người địa phương, trẻ em sẽ đội mũ màu xanh lam hoặc vàng, đến khoảng mười hai tuổi mới được đổi sang quấn khăn đầu.





Áo dài

Áo sơ mi bên trong được làm bằng vải thường, màu sắc đa dạng, kiểu dáng phong phú. Bên ngoài mặc một chiếc trường sam có kiểu dáng tổng thể gần giống vùng Kim Xuyên. Áo dài có kết cấu vạt chéo bên phải, vạt trong chỉ dài đến eo. Mép vạt có ba khuy gồm: khuy cổ, khuy giữa và khuy nách; vạt ngoài và vạt trong chồng lên nhau dưới nách phải, dọc theo mép chồng kéo xuống đến vị trí đùi, tại đó cũng có ba khuy được bố trí tương tự. Trong sinh hoạt thường ngày, phụ nữ chủ yếu mặc áo dài trơn màu, không thêu hoa văn hay viền trang trí. Khi mặc lễ phục, phần cổ áo và mép vạt sẽ được trang trí bằng các dải vải tinh xảo thêu hoa lá, hoa văn sóng nước, hoa văn núi liên tiếp…Màu sắc trường sam chủ yếu là xanh lam, đen và đỏ. Khi lao động, để tránh làm bẩn tay áo, phụ nữ sẽ đeo ống tay bằng vải có trang trí hoa văn hoa lá. Ống tay kéo dài từ cổ tay đến khuỷu tay, hai đầu có dây chun co giãn.





Áo ghi-lê

Bên ngoài áo dài thường mặc thêm một chiếc áo ghi-lê. Hai bên tà dưới áo có xẻ tà, mép trong phần xẻ được may viền bằng vải màu khác khá rộng nhằm tăng độ bền chắc cho mép áo. Áo ghi-lê đa phần màu đen, chất liệu thường dùng là nhung gấm, vải thường…, ngoài ra cũng có loại làm từ lông bò hoặc lông cừu.

Áo ghi-lê chia thành hai kiểu: vạt chéo và đối khâm. Với kiểu vạt chéo, mặt trong cổ áo của một số mẫu được may viền bằng vải có hoa văn hoa lá, cũng có kiểu giản lược không may viền. Mép vạt có lần lượt khuy cổ, khuy giữa và khuy nách. Với kiểu đối khâm, phần cổ áo và mép trước được viền bằng các dải vải thêu hoa lá, lá cây…

Thắt lưng



Phụ nữ địa phương dùng sợi len chưa nhuộm màu để dệt thành loại thắt lưng bản dẹt, các sợi dọc ngang khá thưa, hai đầu là tua rua. Khi đeo, họ quấn đai quanh eo 2–3 vòng rồi buộc chặt. Khác với nhiều nơi khác, phần tua rua không buông trước người hay sau lưng mà được nhét vào bên trong thắt lưng.



Đai quấn eo

Phía trước trường sam buộc một chiếc đai quấn eo màu đen. Trên đai quấn eo có may một mảnh vải hình túi thêu hoa văn hình học hoặc hoa lá rất tinh mỹ; có loại còn được khâu chia đôi ở giữa thành hai túi nhỏ. Các túi này vừa có công năng đựng tiền vật dụng, vừa mang tác dụng trang trí làm đẹp. Ngoài ra cũng có kiểu đai quấn eo trơn màu đen không may thêm mảnh vải thêu. Phần gấu và hai bên đai quấn eo được viền bằng dải vải rộng thêu hoa văn hoa lá. Dây đai quấn eo được dệt từ nhiều sợi chỉ màu nhỏ, có dạng bản dẹt. Nó không chỉ có công năng thực dụng mà các hoa văn dệt cân đối, ngay ngắn trên đó cũng đóng vai trò trang trí. Khi đeo, dây đai quấn eo được quấn hai vòng quanh eo rồi buộc nút ở phía trước cơ thể.





Giày ủng

Trước kia, phụ nữ thường ngày đi dép cỏ hoặc giày vải trơn màu; trong các dịp lễ mặc giày vải thêu hoa. Hiện nay họ chủ yếu đi giày vải mua ngoài chợ.

Trang sức

Cách đeo trang sức của phụ nữ tương tự phần lớn các vùng người Tạng khác. Cổ tay đeo vòng bạc, tai đeo khuyên tua rua hoặc khuyên tròn bằng vàng bạc, bên hông đeo túi tiền thêu hoa văn hình học và hoa lá. Ngoài những món này, họ không có tập quán đeo quá nhiều trang sức.

Theo người địa phương, trong hôn lễ cô dâu sẽ dùng khăn trùm đầu màu đỏ che mặt, toàn bộ y phục và giày dép đều phải dùng màu đỏ.

Trang phục nam giới

Nam giới bất kể đông hay hè đều quấn khăn đen trên đầu trong sinh hoạt hằng ngày. Trang phục tổng thể gần giống nữ giới: mặc áo dài bằng vải trơn màu, phần cổ áo… không có viền trang trí, bên hông giắt một con dao nhỏ.

Chân đi giày vải hoặc dép cỏ…, phần bắp chân quấn xà cạp làm từ nỉ hoặc dạ.

Có những sự vật phát triển hưng thịnh, cũng có những sự vật suy tàn mất đi, đó là quy luật tự nhiên. Trong dòng biến đổi của thời đại, cách mặc y phục và tập quán đeo trang sức truyền thống của người Tạng vùng Vấn Xuyên tuy chịu nhiều tác động, nhưng việc họ vẫn kiên trì mặc trang phục truyền thống quả thực không dễ dàng.



10

ཀཾ་ཕུ་སྐྱེས་མའི་གོས་ཆྱག།

TRANG PHỤC NỮ GIỚI CAM BẢO HUYỆN LÝ





1 ཐཱབ་ཏུ་ཁྭ།
Tháp-tư-quả

2 ལཱ་དཀཱ།
Lạp-ca

3 ཌྷན་ཌྷ།
Đặng-đặc

4 དཏ་ཏྷི།
Đạt-thức-đắc

5 ནཱ་ཐི།
Nạp-nhật

6 དེ་ཡེ།
Đắc-nguyệt

7 ཏྲ་ཧཱ་ཏཱ་ནཱ་ཙུ།
Đắc-hạ-tát-na-cửu

8 ཝིཉ་ཏྲུང་ཏུ་ཐཱབ།
Vĩnh-trung-tư-tháp

9 ད་ཁས་ཅཱ།
Đạt-ca-tiết

10 ཏྲུང་བེ།
Trung-bối

11 ཕྱཱ་བཱས་ཏེ།
Đạt-ba-tắc

Xã Cam Bảo nằm ở phía đông nam huyện Lý, cách trung tâm huyện khoảng 8 km, độ cao trung bình khoảng 1800 mét, thuộc kiểu khí hậu núi cao khe sâu, phương thức sinh sống chủ yếu là nông nghiệp.

Trước kia, trong mười tám thổ ty Gia Nhung, phạm vi thế lực của thổ ty Tạp Cốc rất rộng: phía đông có Cam Bảo, Mạnh Đổng, Cửu Tử cùng các doanh trại; phía tây có Thoa Ma, Trác Khắc Cơ, Đảng Bá và nhiều nơi khác. Về nguồn gốc của thổ ty Tạp Cốc, có thuyết cho rằng thổ ty Tạp Cốc vốn do thổ ty Cách Thập Trát phái tới nơi này. Thời kỳ gia tộc thổ ty Tạp Cốc hưng thịnh, thành viên gia tộc tên Nặc Đạt Công Triều Nhĩ Cực trở thành thủy tổ của thổ ty Thoa Ma. Ông có ba con trai và một con gái, về sau trở thành tổ tiên của các thổ ty Trác Khắc Cơ, Tùng Cương, Đảng Bá…

“Tạp Cốc Não” trong tiếng Tạng gọi là “Trát Tây Lang”, nghĩa là “vùng đất cát tường”. Tên gọi này bắt nguồn từ truyền thuyết rằng xưa kia binh sĩ canh giữ biên giới Thổ Phồn đã xây dựng quan trại ở một nơi hội đủ “thập mỹ”, từ đó lấy tên này, về sau dùng địa danh để gọi thay cho thổ ty, dần hình thành tên “thổ ty Tạp Cốc”.

Toàn bộ phục sức gồm trường sam, áo trên, váy, đai lưng, đai quấn eo, quần, giày dép cùng các phụ kiện như đồ trang sức, khuyên tai, đắc-hạ-tát-na-cửu, túi kim chỉ…



Trang phục nữ giới Cam Bảo huyện Ly 175



Kiểu tóc

Trước kia, phụ nữ chia tóc đều sang hai bên, tết thành hai bím ba sợi rồi bắt chéo quấn lên khăn đội đầu. Những phụ nữ giàu có hoặc có địa vị sẽ tết tóc hai bên trán thành nhiều bím nhỏ buông xuống như nửa chuỗi anh lạc; phần tóc còn lại tết thành hai bím ba sợi. Họ dùng vải hoặc nỉ làm thành hai ống tóc rỗng, bên trên trang trí nhiều vòng chuỗi san hô. Hai ống tóc này đều lồng lên bím tóc, bắt chéo trên đỉnh đầu, chỗ giao nhau được cố định bằng đồ trang trí đầu hình hoa bằng bạc khảm san hô, địa phương gọi là “tháp-tư-quả”. Ngày nay phụ nữ tết tóc đã ít hơn.



Họ thường dùng nhung kim tuyến hoặc nỉ may thành dải trang trí đầu màu đỏ hoặc xanh lam…, ở giữa dải có gắn tháp-tư-quả với nhiều kiểu dáng khác nhau: Hoa bạc khảm một viên đá quý, đồ trang trí hình bầu dục bằng vàng bạc khảm san hô và lam ngọc, trang sức tròn bằng bạc gắn một viên đá quý…Hai bên tháp-tư-quả có nhiều chuỗi hạt ngắn xếp thành vòng; hoặc dùng ba cặp trang sức đầu bằng vàng khảm san hô hình nhẫn; hoặc xen kẽ chuỗi hạt ngắn và trang sức hình nhẫn trên dải tóc để trang trí. Toàn bộ dải trang trí này được địa phương gọi là “lạp-ca”. Sau khi trang trí xong lạp-ca thì buộc nó lên khăn đội đầu. Một số người còn quấn thêm loại dây tóc kết hợp gọi là “đặng-đặc”, tức các bím được đan từ chỉ tơ màu đen, xanh lam, tím… Phần còn lại sau khi quấn sẽ tự nhiên buông xuống sau lưng.



Khăn đội đầu

Khăn đội đầu địa phương gọi là “đáp-thức-đắc”. Khăn trước kia được gấp ngang 2–4 lớp rồi buộc lên đầu, đa số làm bằng vải trơn không có thêu hay trang trí khác. Ngày nay phần lớn khăn được làm bằng nhung kim tuyến, bề mặt thường thêu bằng nhiều màu chỉ các hoa văn đối xứng như hoa văn hình học, hoa văn hồi tự. Đa số khăn có mép trái thêu hoa văn răng cưa hướng vào trong, mép trước đính các hạt bạc hình hoa xếp thành hàng. Theo truyền thuyết, hoa văn răng cưa có tác dụng báo ân và trừ tà. Ngoài ra, một số khăn còn thêu họa tiết hình tròn tượng trưng cho nhật nguyệt tinh tú. Phụ nữ từ khi kết hôn bắt buộc phải đội khăn; nếu không đội sẽ bị cho là thiếu tôn trọng và bất lịch sự. Trước kia bé gái từ ba tuổi đã có thể đội khăn nhỏ.





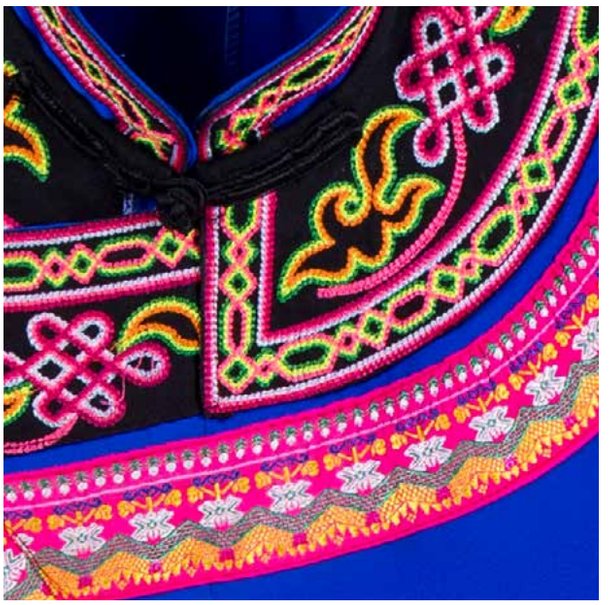


Trang phục nữ giới Cam Bảo huyện Lý 179

Áo dài

Phụ nữ mặc loại trường sam địa phương gọi là “đắc-nguyệt”. Áo có kiểu vạt chéo bên phải, mép vạt tổng cộng có năm khuy: 1 khuy cổ; 1 khuy giữa; 3 khuy nách vạt trong chỉ dài tới eo. Áo dài chủ yếu làm bằng vải hoặc lụa màu xanh lam. Phía phải gấu áo có đường xẻ cao. Ở mép xẻ tà, mép vạt ngoài, cổ tay áo và cổ áo đều được viền song song bằng hai dải vải rộng khoảng ba bốn ngón tay, trên dải có thêu hoa văn dây leo cuộn và các họa tiết khác. Loại áo dài này thường mặc cùng áo ghi-lê. Áo ghi-lê làm bằng lụa satin, cách viền tương tự áo dài.








Trang phục nữ giới Cam Bảo huyện Lý 181



Ngoài ra còn có kiểu tách trường sam từ phần eo thành áo trên và váy dưới rời, thuận tiện hơn khi mặc, chủ yếu dùng trong lễ hội và khi múa hát. Trong đó áo trên chủ yếu làm bằng lụa satin, hai tay áo dùng vải trắng may ghép riêng, cổ áo, mép vạt và cổ tay áo được trang trí bằng hai dải hoa văn song song có họa tiết cát tường và thêu hoa. Tay áo chia hai lớp trong ngoài, tay ngoài dài qua khuỷu tay, tay trong dài tới cổ tay. Theo người địa phương, việc làm tay áo hai lớp hoàn toàn vì mục đích thẩm mỹ. Hai bên váy dưới xẻ cao; mép xẻ lần lượt được trang trí bằng dải vải thêu hoa cùng tua viền chỉ vàng… Ở đỉnh xẻ tà may thêm miếng vải có hoa văn cát tường để gia cố. Ở giữa mép trên phía sau cạp váy còn may hai "tay áo" trang trí dài ngắn khác nhau xếp trên dưới, cổ tay áo đính nhiều lớp hoa viền có hoa văn hoa lá, thêu và chỉ vàng…Cũng có người mặc trường sam xanh lam hoặc đen không có viền và thêu, thường phối cùng áo ghi-lê màu đen.

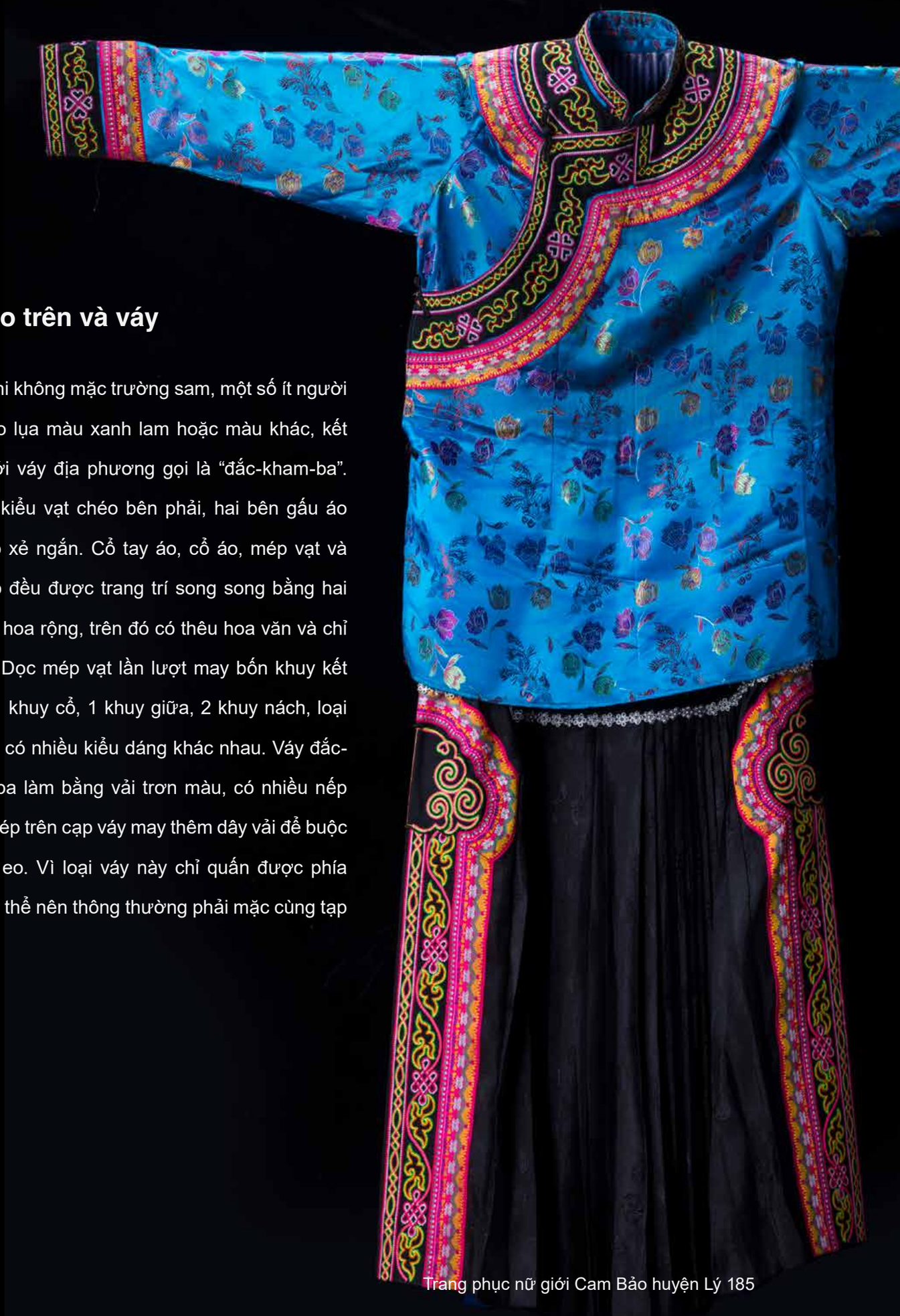


Trang phục nữ giới Cam Bảo huyện Lý 183



Áo trên và váy

Khi không mặc trường sam, một số ít người mặc áo lụa màu xanh lam hoặc màu khác, kết hợp với váy địa phương gọi là “đắc-kham-ba”. Áo có kiểu vạt chéo bên phải, hai bên gấu áo đều có xẻ ngắn. Cổ tay áo, cổ áo, mép vạt và gấu áo đều được trang trí song song bằng hai dải vải hoa rộng, trên đó có thêu hoa văn và chỉ vàng…Dọc mép vạt lần lượt may bốn khuy kết rỗng: 1 khuy cổ, 1 khuy giữa, 2 khuy nách, loại áo này có nhiều kiểu dáng khác nhau. Váy đắc-kham-ba làm bằng vải trơn màu, có nhiều nếp gấp. Mép trên cạp váy may thêm dây vải để buộc quanh eo. Vì loại váy này chỉ quấn được phía sau cơ thể nên thông thường phải mặc cùng tạp dề.



Trang phục nữ giới Cam Bảo huyện Lý 185



Thắt lưng

Quanh eo buộc loại đai bản dẹt địa phương gọi là “vĩnh-trung-tư-tháp”, được dệt từ chỉ tơ hoặc len nhiều màu, bản khá rộng. Khi đeo, quấn quanh eo khoảng hai vòng rồi buộc nút phía sau lưng, hai đầu tua rua buông tự nhiên xuống dưới.



Trang phục nữ giới Cam, Bắc Huyện Lý 187

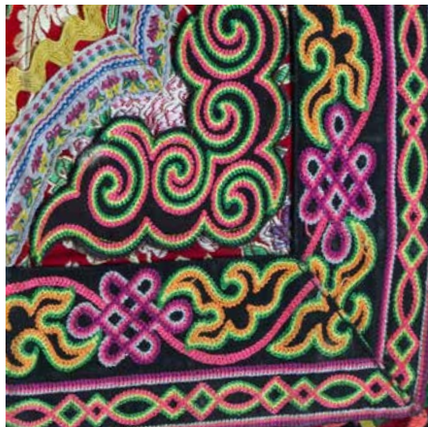












Đai quấn eo

Đai quấn eo tại địa phương được gọi là “trọng-bối”, làm từ lụa màu tím đỏ… có thêu hoa văn hoa lá. Ở giữa có một hoặc hai nếp gấp, phía trên nếp gấp được khâu chỉ trắng thành hình chữ nhật để cố định các nếp. Mép trên của đai quấn eo được may thêm một mảnh vải đen dài hơn chiều rộng đai quấn eo một chút, hai góc của vải đen được khâu dây buộc nhỏ dạng dệt. Hai bên và gấu đai quấn eo có viền đen khá rộng, trên đó thêu các hoa văn hoa lớn liên tiếp cùng chỉ vàng và các trang trí khác. Phía trong viền đen lại dùng các dải vải nhỏ thêu hoa để trang trí. Bốn góc của đai quấn eo hoặc hai góc gấu áo được khâu hoa văn dây leo cuộn làm từ vải đen; các hoa văn dây leo này nằm giữa các phần viền trang trí. Hoa văn thêu và cách viền của mỗi loại đai quấn eo không hoàn toàn giống nhau, thể hiện tính đa dạng.





Trang phục nữ giới Cam Bảo huyện Lý 189

Quần dài

Phần thân dưới mặc quần ống rộng làm từ vải đen… Phần ống quần được trang trí bằng các dải vải may theo kiểu thêu đắp vải. Dải trang trí lấy vải đen bản rộng làm nền, phía trên thêu hoa lớn; phía trên và dưới dải vải còn được trang trí bằng chỉ vàng và các dải vải màu hồng bản nhỏ có hoa văn. Ngoài ra cũng có người mặc quần ống rộng trơn màu không có thêu và viền trang trí, hoặc mặc các kiểu quần phổ thông tùy theo sở thích cá nhân.

Giày ủng

Trước kia chân đi dép cỏ hoặc giày vải…Ngày nay trong các dịp lễ phục sẽ mang loại giày thêu địa phương gọi là “đạt-ba-tắc”. Đế giày dùng cao su cùng nhiều lớp vải khâu chồng thành hai lớp, phần mặt giày làm từ vải thêu hoa. Ngày thường thì mang giày da hoặc giày vải mua ngoài chợ.



Trang sức

Trên tai đeo khuyên bạc gọi là nạp-nhật, loại khuyên này rất phổ biến tại địa phương. Phần cuối hình vòng của khuyên tai cuộn cong hướng lên trên, tại chỗ cuộn có gắn trang sức bạc hình Như Ý Bảo khảm san hô. Bên dưới treo hai hạt san hô lớn, giữa hai hạt san hô có tua bạc buông xuống; cuối tua bạc lại treo các hạt san hô nhỏ và trang sức bạc hình lá. Ngoài ra còn đeo các kiểu khuyên tai khác.



Trang phục nữ giới Cam Bảo huyện Lý 191



Trên cổ đeo hộp gau hình vuông hoặc hình tròn có khảm san hô, dùng dây bạc hoặc chuỗi san hô làm dây đeo; hoặc đeo vòng cổ kết xen kẽ lam ngọc và san hô… Tại vị trí khuy cổ đeo món trang sức bạc gọi là “đắc-hạ-tát-na-cửu”. Trang sức này có tua rủ xuống, cuối tua treo thìa ngoáy tai, tăm xỉa răng. Cổ tay đeo vòng bạc hoặc vòng ngà voi. Bên phải eo đeo túi kim chỉ gọi là “đạt-ca-tiết”, cuối túi có ba chùm tua bạc. Quanh eo còn buộc đai da chạm hoa văn, lấy da đỏ làm nền, phía trên lần lượt gắn các hạt bạc chạm rỗng.



Bộ trang phục này lấy xã Cam Bảo làm trung tâm, đồng thời phổ biến trong cộng đồng phụ nữ ở các nơi như Mạnh Đổng, Tạp Cốc Não…

Trang phục của các khu vực này có lịch sử lâu đời; kỹ thuật viền và hoa văn thêu đều mang đậm đặc trưng địa phương, sinh động thể hiện trí tuệ, thẩm mỹ và đức tính cần cù của người dân nơi đây.



11

སྒྲིབ་འོཝ་བྲད་མེད་ཀྱི་གོས་ཆྭ།

TRANG PHỤC NỮ GIỚI MẾ Á LA HUYỆN LÝ





1 དད་སྤྱིང་ཙི།
Đạt-tư-nhưỡng-tử

2 སུམ་ལག
Sâm-lạp

3 ཇ་བ།
Thạch-bạch

4 ཆ་ཟི།
Nạp-nhật

5 དད་སྤྱིང་རི།
Đạt-tư-nhưỡng-nhật

6 ཁོས་ཕྱེ།
Khố-đắc-bào

7 ཏེ་སུ་ཐགས།
Điệp-tư-tháp

8 བུ་དེ་ཆབ་མ།
Bố-ai-kháp-mã

9 རྡུང་བ།
Trọng-ba

a ཟེ་ཕྱེ།
Nhật-đức

10 ཐུལ་ནོང་།
Đắc-nhi-băng

11 ཐྲོ་རིང་།
Lạc-ving

12 བ་ཐྲེ་ལེ།
Ba-bố-lặc

13 ཁུ་ཕྱེ།
Khố-đắc

14 དུ་ཝེད།
Đắc-úy

Trấn Mễ Á La nằm ở phía tây bắc huyện Lý, độ cao trung bình khoảng 2700 mét, thuộc khí hậu núi cao nguyên, phương thức sinh sống chủ yếu là nửa nông nghiệp nửa chăn nuôi.

Thời kỳ mười tám thổ ty Gia Nhung, Mễ Á La ban đầu thuộc sự quản lý của thổ ty Tạp Cốc, về sau thuộc phạm vi cai quản của thổ ty Thoa Ma. “Thoa Ma” trong phương ngữ địa phương còn được gọi là “Thoa Mang”, đôi khi gọi là “Tát Mang”, mang nghĩa “nhiều đất đai”. Khi ấy phạm vi cai quản của thổ ty Thoa Ma bao gồm: năm thung lũng theo hướng Thoa Ma, chín thung lũng khu vực Tạp Cốc Não, năm mươi lăm thung lũng vùng Hắc Thủy, tổng cộng khoảng bảy mươi thung lũng. Ngoài ra còn có ba bộ lạc ở khu vực Nhưỡng Khẩu. Quy mô lãnh địa của họ lớn hơn các thổ ty xung quanh. Quan trại đầu tiên của thổ ty Thoa Ma được xây tại chùa Xoát Kinh, sau đó lần lượt xây thêm ở Lô Hoa, Mễ Á La, Giáp Bích…

Trang phục phụ nữ Mễ Á La tuy gần giống vùng Mã Nhĩ Khang và Thoa Ma, nhưng vẫn mang đặc trưng địa phương riêng. Toàn bộ phục sức gồm trường bào, váy xếp ly, đai lưng, đai quấm eo, giày dép cùng các phụ kiện như đồ trang trí đầu, khuyên tai, vòng cổ, đai chạm hoa văn, “đặc-nhĩ-băng”, “lạc-vinh”…



Trang phục nữ giới Mễ Á La huyện Lý 199



Trang sức tóc

Trước kia, phụ nữ chia tóc đều sang hai bên rồi tết thành hai bím ba sợi, sau đó đan thêm dây tơ đã được bện sẵn gọi là “đạt-tư-nhưỡng-nhật” làm dây tóc kết hợp. Những gia đình giàu có còn trang trí dọc theo bím tóc rất nhiều chuỗi lam ngọc và chuỗi san hô nhỏ xếp song song. Nhưng ngày nay, ngay cả trong các dịp lễ phục, đa số phụ nữ cũng không còn tết tóc nữa mà trực tiếp cố định trang sức lên các bím dây màu tím, đen hoặc xanh lam. Khi đeo, họ quấn các bím dây quanh khăn đội đầu theo hình bắt chéo 2–3 vòng, buộc nút ở sau gáy rồi để hai đầu buông tự nhiên xuống dưới. Trên bím dây xếp ngang năm chuỗi lam ngọc và san hô; ở giữa chuỗi hạt trang trí một món trang sức vàng bạc hình bầu dục gọi là “đạt-tư-nhưỡng-tử”, phía trên khảm lam ngọc, san hô và các loại đá quý khác. Hai bên có 2–3 vòng trang sức vàng bạc gọi là “sâm-lạp”, hình dáng giống nhẫn yên ngựa. Sau khi sắp xếp toàn bộ trang sức hướng về phía trước, chúng sẽ được cố định lên khăn đội đầu. Người lớn tuổi trong sinh hoạt thường ngày chỉ dùng dây len đen và dây tơ đã bện sẵn để cố định khăn, không đeo thêm trang sức khác.



Trang phục nữ giới Mễ Á La huyện Lý 201

Khăn đội đầu

Khăn đội đầu địa phương gọi là “thạch-phá”. Khăn vùng này phần lớn làm từ nhung kim tuyến màu đen, kích thước khá lớn, có thể che phủ hai bên tóc mai. Bề mặt khăn phủ đầy các hoa văn thêu như: hoa văn hình học, hoa văn hồi tự, hoa văn răng cưa hướng vào trong…Mép trước khăn trang trí nhiều bông hoa bạc hoặc hạt bạc nhỏ khảm san hô. Trước kia, phụ nữ trong sinh hoạt hằng ngày bắt buộc phải đội khăn; nhưng ngày nay ngoài một số người lớn tuổi thì rất ít người còn sử dụng. Khăn của người lớn tuổi có ít thêu hơn, màu sắc cũng nhã nhặn hơn; trong khi khăn của giới trẻ có màu sắc rực rỡ và thêu tinh mỹ.



Trường bào

Trên người mặc loại trường bào địa phương gọi là “khố-đắc”. Trước kia trường bào được dệt từ lông cừu; hiện nay dùng nhung kim tuyến, nỉ dày, vải thường để chế tác. Cổ áo và mép vạt tách rời nhau; cổ áo đa phần dùng gấm viền bản hẹp. Phần từ cổ áo đến cuối mép vạt trên có dạng góc tù, mặt trong lót gấm bản rộng, nhung gân hoặc nỉ đỏ… Mép lớp lót bên trong được viền bằng gấm rộng khoảng hai ngón tay, khi mặc phải lật mép lót ra ngoài.





Mặt trong cổ tay áo dùng nỉ bản rộng làm viền trong, phía trên lại chồng thêm một lớp viền gấm rộng khoảng hai ngón tay; khi mặc cũng lật phần lót bên trong ra ngoài. Mép vạt ngoài phần thân dưới được viền gấm rộng khoảng hai ngón tay; phía trong đường viền và gấu áo đều trang trí dải chỉ vàng hình sóng nước…Hai bên trường bào xẻ tà đến đầu gối. Mép xẻ có viền gấm rộng khoảng hai ngón tay. Đỉnh xẻ có trang trí gọi là “ba-bố-lặc”, lấy vải vàng làm nền, có hình Như Ý Bảo; trên nền vải vàng may các hoa văn cát tường bằng nỉ đỏ, phía dưới gắn một hạt bạc nhỏ. Hai bên đường xẻ xếp trên dưới bảy dải màu cầu vồng gọi là “khố-đắc”. Các dải trang trí này làm từ nỉ nhiều màu khác nhau, đầu cuối có hình mũi tên, mũi nhọn hướng ra xa đường xẻ. Ở giữa gấu sau của áo trang trí chín nhóm dải cầu vồng xếp trên dưới. Mỗi nhóm gồm hai dải vải có đầu hình mũi tên, đầu nhọn quay ngược chiều nhau. Giữa hai dải của một số kiểu còn đính hoa bạc nhỏ làm trang trí; phía trên dải cầu vồng may thêm trang trí ba-bố-lặc. Theo người địa phương, số lượng các dải cầu vồng này là cố định. Cổ áo, mép vạt và gấu áo được viền bằng chỉ tơ vàng. Mặt trong gấu áo và mép trong của đường xẻ dùng vải xanh lam bản rộng hơn để làm viền trong. Bộ trang phục này chủ yếu được mặc trong các dịp lễ phục, tuy nhiên cách viền và màu sắc… không hoàn toàn giống nhau.





Trang phục nữ giới Mễ Á La huyện Lý 205



Váy xếp ly

Phần thân dưới mặc váy xếp ly địa phương gọi là “đắc-úy”. Trước đây váy chủ yếu được làm từ vải gai hoặc vải bông, nay đa phần dùng lụa hoặc vải dệt. Hai bên váy có nhiều nếp gấp làm bằng các loại vải màu khác nhau nhưng tổng thể vẫn giữ cùng một tông màu. Mép tà váy được viền gấm rộng khoảng ba ngón tay. Khi mặc, phần cửa váy được quấn khép ở bên trái cơ thể rồi dùng dây buộc bên trong cột chặt ở eo. Khi cất giữ, trước tiên phải vuốt thẳng các nếp gấp, gấp đôi theo chiều ngang từ giữa, sau đó cuộn dần từ một đầu theo chiều dọc, cuối cùng dùng dây vải dẹt buộc lại rồi mới cất.

Trong các dịp lễ phục, phụ nữ mặc áo choàng “khố-đắc” bên ngoài váy xếp ly; hoặc mặc áo ghi-lê địa phương gọi là “bạch-đắc-cát” ở thân trên và mặc kiểu khố-đắc nửa thân ở phần dưới. Áo ghi-lê có thiết kế đối khâm, mép nách áo có viền gấm, hai bên gấu áo có đường xẻ ngắn, phía trên đường xẻ trang trí “ba-bố-lặc”. Lớp ngoài áo ghi-lê làm bằng gấm, lớp lót bên trong dùng lông nhân tạo dài và các chất liệu tương tự. Khố-đắc kiểu nửa thân có cách chế tác và kỹ thuật viền giống áo choàng dài, chỉ bỏ phần thân trên. Ngoài ra cũng có thể mặc áo sơ mi dài kết hợp váy xếp ly giống khu vực Mã Nhĩ Khang.

Người lớn tuổi trong sinh hoạt hằng ngày thường mặc kiểu váy đơn giản, hai bên gấu có hoặc không có đường xẻ, phần viền váy rất ít hoặc hoàn toàn không có viền.



Trang phục nữ giới Mễ Á La huyện Lý 207

Thắt lưng

Ở eo thắt loại đai dẹt gọi là “điệp-tư-tháp”, được dệt từ nhiều loại chỉ màu khác nhau. Khi đeo, quấn phẳng quanh eo từ một đến hai vòng, hai đầu buông tự nhiên phía sau lưng. Một số người còn buộc thêm một dải đai dẹt nhỏ hơn trên điệp-tư-tháp để trang trí.



Đai quấn eo

Đai quấn eo địa phương gọi là “trong-ba”, đa phần làm bằng gấm có hoa văn. Hai bên và gấu dưới có một đường viền gấm rộng khoảng hai ngón tay; phía trong viền có hai dải vải mảnh màu đỏ và vàng, phía trong nữa trang trí hoa văn chỉ vàng hình sóng nước. Chính giữa đai quấn eo có hai nếp gấp. Hai góc gấu dưới khâu trang trí hình tam giác gọi là “nhật-đức”, được ghép từ nhiều mảnh gấm màu khác nhau, các chỗ nối được trang trí bằng dải vải đỏ và vàng. Bốn cạnh mặt trong dùng vải xanh làm viền lót. Mép trên nối thêm một dải gấm cùng chất liệu và màu sắc với tạp dề, dài hơn chiều ngang của tạp dề một chút; mép trên của dải gấm này có dây dệt dẹt hoặc dây vải nhỏ để buộc, dây nhỏ thường xuyên qua phần gấm nối phía trên. Khi đeo, đai dệt quấn quanh eo một vòng rồi dùng phần tua ở hai đầu buộc thắt lại; cũng có thể dùng riêng dây vải nhỏ trên đai để buộc, sau khi buộc xong hai đầu đai rủ xuống phía sau lưng. Người lớn tuổi hằng ngày đa phần dùng đai quấn eo vải màu đen.





Giày ủng

Chân đi giàu ủng Tây Tạng mũi cong vểnh. Đế giày làm từ da chưa nhuộm màu, phần thân dưới dùng da đen, phần dưới cổ giày dùng da đỏ, thân trên dùng “gia-lạc phổ-lỗ”, còn cổ ủng làm bằng nỉ đỏ và các chất liệu tương tự. Tuy nhiên ngày nay trong các dịp lễ trọng chỉ còn rất ít người mang loại ủng truyền thống này, đa số mang ủng da kiểu Tạng mua ngoài chợ.

Trang sức

Khuyên tai địa phương gọi là “nạp-nhật”, được chế tác từ vàng bạc, gồm kiểu vòng tròn và kiểu tua rủ. Trên cổ đeo hộp bùa gau hình lục giác hoặc hình tròn bằng vàng bạc, khảm san hô và dùng chuỗi san hô làm dây; hoặc đeo vòng cổ đá turquoise và vòng san hô.



Ở eo đeo đai chạm khắc gọi là “bố-ai-cáp-mã”, nền làm từ da đỏ và các chất liệu tương tự, bên trên gắn tuần tự các miếng bạc chạm rỗng lớn; giữa mỗi hai miếng bạc lớn có hai miếng bạc nhỏ xếp trên dưới. Hai đầu đai có một miếng bạc dài chạm rỗng, khảm đá ngọc lam và san hô. Khi đeo, quấn quanh eo từ một đến hai vòng. Theo lời người địa phương, trước đây các miếng bạc trên đai nhỏ hơn, nhưng ngày nay mọi người thích trang trí miếng bạc lớn theo sở thích cá nhân.





Hai bên eo còn đeo “đặc-nhĩ-băng”– đồ trang sức bạc dạng “lạc-tùng”, có khảm san hô, ngoài ra còn mang móc sữa và các phụ kiện khác. Trong dịp năm mới và các lễ phục long trọng, phía trước eo còn đeo vật trang trí gọi là “lạc-vinh”: ba món trang sức bạc giống hộp gau lớn được nối dọc bằng nhiều dây bạc; hai bên lại dùng rất nhiều dây bạc nối với hoa bạc bốn cánh khảm

san hô và đồ trang trí hình Như Ý Bảo. Sau khi nối lại tạo thành hình chuỗi anh lạc và bán anh lạc. Trong đó, món bạc đầu tiên ở giữa nối với hoa bạc bốn cánh hai bên bằng dây bạc; hai món bạc ở giữa và dưới nối với đồ trang trí hình Như Ý Bảo bằng dây bạc. Phần dưới của món bạc trung tâm có tua rủ, cuối tua treo đồ bạc hình vỏ ốc xoắn phải nhỏ.

Bộ phục sức này lấy Mễ Á La làm trung tâm, đồng thời cũng được mặc ở Cổ Nhĩ Câu, Giáp Bích và những nơi khác. Môi trường, khí hậu và điều kiện địa lý địa phương đã nuôi dưỡng nên những trang phục phong phú này; chúng đã trở thành hình ảnh thu nhỏ của lịch sử văn hóa và lối sống của khu vực này.





Trang phục nữ giới Mễ Á La huyện Lý 215

12

བྱེས་སྨད་སྐྱེས་མའི་གོས་ཆུག།

TRANG PHỤC NỮ GIỚI BIỆT TƯ MÃN HUYỆN TIỂU KIM





1 དད་སྐིང་མཛོ།
Đạt-tư-nhưỡng-tổ

2 དད་སྐིང་སྐེ།
Đạt-tư-nhưỡng-niết

3 ཀྱབ་ཀྱ།
Chiêu-mộc-tra

4 རྡུ་ཁ།
Thạch-bạch

5 ཧྲཱ་ཡུ།
Nạp-nhất

6 སྟོད་ཐོག
Tư-đắc-ba

7 ཚབ་མ།
Điêu-hoa-đái

8 བ་ཐོའི་སྒྲུ་རོ།
Ba-tô-tư-cách-nhược

9 བཞོ་མཚལ།
Móc sữa

10 དྲུང་པ།
Trọng-ba

11 དུ་ཝེད།
Đắc-úy

12 དུག་ཆ།
Địch-khắc-táp

Xã Kết Tư (trước đây gọi là Biệt Tư Mãn) nằm ở vùng đông bắc huyện Tiểu Kim, có độ cao trung bình khoảng 2.600 mét, thuộc vùng khí hậu gió mùa cận nhiệt đới. Cư dân địa phương chủ yếu sinh sống bằng nông nghiệp.

Trong lịch sử, khu vực này từng thuộc phạm vi quản lý của thổ ty Tán Lạp. Tán Lạp vốn là một nhánh của gia tộc thổ ty Nhiêu Đan, về sau phát triển thành một thổ ty độc lập. Hai thổ ty này từng liên kết để chống lại các thế lực xâm lược từ bên ngoài. Theo ghi chép trong (*Lịch sử Chính giáo An Đa*): "Vùng bờ nam sông Kim Xuyên có các quan trại của thổ ty Đảng Bá, Nhiêu Đan và Tán Lạp. Về sau, thế lực của Nhiêu Đan và Tán Lạp ngày càng hùng mạnh, từ thời Hoắc Nhĩ Vương đã chưa từng thần phục."

Trang phục phụ nữ Biệt Tư Mãn là một trong những kiểu phục sức tiêu biểu nhất của huyện Tiểu Kim, đồng thời cũng được xếp vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp tỉnh. Một bộ trang phục hoàn chỉnh gồm có áo ngoài, trường bào, váy xếp ly, tạp dề, giày dép cùng các loại phụ sức như đầu sức, khuyên tai và nhiều món trang sức khác.



Trang phục nữ giới Biệt Tư Mãn huyện Tiểu Kim 219



Trang sức đội đầu

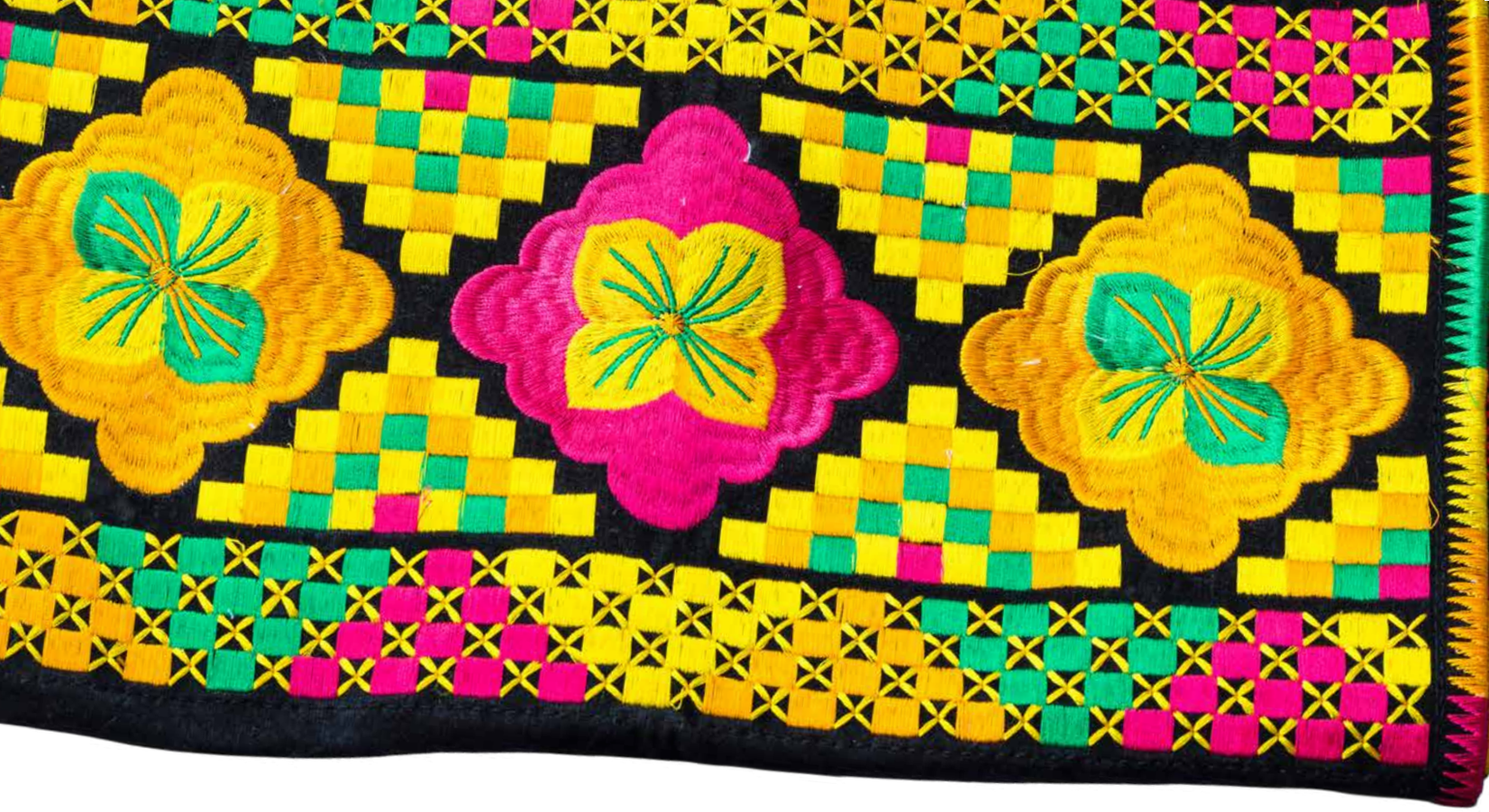
Trước đây, phụ nữ thường tết tóc thành hai bím ba lọn. Trên một bên bím tóc, họ đeo các đầu sức bạc khảm ngọc lam và san hô như “triệu-mộc-tra” hay “đạt-tư-nhưỡng-tổ”. Phần đuôi hai bím tóc được đan thêm loại dây kết từ sợi tơ gọi là “đạt-tư-nhưỡng-niết”, sau đó cố định lên khăn đội đầu địa phương gọi là “thạch-bạch”. Ngày nay, phụ nữ thường dùng tóc giả tạo thành hai bím ba lọn rồi xâu các loại đầu sức lên đó. Đuôi bím được nối thêm vài sợi len màu khác nhau và buộc trên đỉnh đầu. Một số người còn dùng chuỗi san hô nhỏ, dây đan màu xanh lam hoặc đen để quấn và cố định khăn đội đầu.

Các loại trang trí bím tóc rất phong phú, chủ yếu gồm: “Đạt-tư-nhưỡng-tổ”— chế tác bằng bạc, có hình hoa bốn hoặc năm cánh, bề mặt khảm ngọc lam. “Triệu-mộc-trà”— làm từ vàng hoặc bạc, có dạng bầu dục dài hoặc hình nhẫn, trên đó khảm ngọc lam và san hô; thường đeo từ 1–3 món. Trang sức bạc hình tròn tượng trưng cho mặt trời — đeo phía trước đỉnh đầu, ngọc lam và san hô được khảm theo vòng tròn từ ngoài vào trong; dây đeo làm bằng chuỗi san hô nhỏ. Trang sức bạc hình chim đại bàng ngậm rắn — trên bề mặt khảm ngọc lam và san hô.

Theo lời người địa phương, trước đây phụ nữ chưa kết hôn sẽ đeo “đạt-tư-nhượng-tổ’ ở phía bên phải đầu, còn phụ nữ đã kết hôn thì đeo ở phía bên trái.



Trang phục nữ giới Phật Tư Man huyện Tiểu Kim



Khăn đội đầu

Khăn đội đầu của địa phương ngắn hơn đôi chút so với khu vực Đan Ba, có màu đen. Trước đây khăn thường được làm bằng vải cotton hoặc nhung tăm, còn hiện nay đa phần dùng nhung kim tuyến. Kiểu khăn của người lớn tuổi thường có đặc điểm: mép trước không khóa viền chỉ màu, còn mép bên trái được thêu hoa văn. Trình tự hoa văn từ trái sang phải gồm: Trước tiên là họa tiết răng cưa hướng vào trong; Tiếp theo là hai lớp hoa văn sóng nước, giữa hai lớp sóng được thêu hoa văn hồi tự bằng chỉ tơ nhiều màu; Sau đó là khoảng năm bông hoa lớn xếp dọc; Cuối cùng là hoa văn gấp khúc chồng lớp được thêu bằng ba màu chỉ khác nhau. Toàn bộ họa tiết thường kéo dài tới khoảng giữa khăn.



Khăn hiện đại ngày nay đa phần được thêu kín hoa văn hoa lá và hình học trên bề mặt, đính thêm các hạt nhỏ màu vàng kim. Mép trước gắn nhiều miếng bạc hình hoa, còn mép sau buông các lá nhựa màu sắc. Xung quanh khăn có nhiều kiểu khác nhau như khóa viền bằng chỉ màu hoặc không khóa viền.

Họa tiết răng cưa trên mép khăn mang ý nghĩa văn hóa đặc biệt, tượng trưng cho răng chó. Tương truyền rằng xưa kia vùng này từng xảy ra nạn đói, một con chó đã giấu hạt giống lương thực trong đuôi và mang tới nơi đây, giúp người dân gieo trồng để vượt qua tai họa. Để ghi nhớ công ơn của con chó ấy, hậu thế đã thêu họa tiết hình răng chó lên khăn đội đầu.



Trang phục nữ giới Biệt Tự Mãn huyện Tiểu Kim 223



Áo trên

Phần thân trên mặc loại áo địa phương gọi là “tư-đắc-pha”. Trước đây áo chủ yếu được làm từ lông cừu, lông bò yak và sợi gai; về sau từng thịnh hành các loại lụa hoặc vải cotton có hoa văn lá cây, hoa cỏ, chim muông… với màu sắc chủ đạo là đỏ, xanh lam và đen. Cổ tay áo được viền rộng bằng các loại vải màu khác nhau có họa tiết hoa lá hoặc chim thú. Hai bên gấu áo có xẻ tà, còn phần trước sau có xẻ hay không thì không cố định. Mép xẻ, gấu áo và cổ áo đều được bọc viền bằng các loại vải màu khác nhau, bên ngoài tiếp tục viền thêm 2–3 lớp gấm hoặc vải hoa văn. Ngoài ra, quanh cổ áo còn may loại khăn vai bản rộng mang họa tiết mây lành để trang trí; hoặc có khi dùng riêng một chiếc “vân kiên” bằng gấm khoác bên ngoài áo tư-đắc-pha.





Kiểu vạt áo tư-đắc-pha được chia thành hai dạng: Vạt chéo; vạt kiểu tỳ bà. Theo truyền thống, trước đây áo không có cổ, nhưng hiện nay hầu hết đều đã thêm cổ áo. Khi mặc lễ phục, phụ nữ thường chọn loại tư-đắc-pha có hoa văn rực rỡ nổi bật; còn trong sinh hoạt hằng ngày thì mặc kiểu màu trơn giản dị hơn. Khi lao động, họ thường khoác thêm áo ghi lê đối khâm bên ngoài, với mép áo được viền hoặc bo chỉ trang trí.





Trường bào

Trong sinh hoạt thường ngày, phụ nữ chủ yếu mặc trường bào màu đen hoặc xanh lam. Mùa hè mặc loại làm bằng vải trơn mỏng, còn mùa đông mặc trường bào dày làm từ lông bò yak hoặc lông cừu. Trang phục có kiểu vạt chéo, phần cổ và mép áo có thể được viền bằng phổ-lỗ gia-lạc, gấm… hoặc để trơn không viền. Trên mép áo lần lượt may khuy cổ, khuy giữa và khuy nách. Hai bên thân áo xẻ từ phần đùi xuống, mép xẻ cũng đính ba chiếc khuy. Phần xẻ tà có thể viền gấm hoặc để mộc không trang trí.



Váy xếp ly

Phần thân dưới mặc loại váy xếp ly địa phương gọi là "đắc-úy". Trước đây váy thường được làm từ lông cừu, lông bò yak hoặc sợi gai, còn hiện nay chủ yếu dùng lụa hoặc vải cotton. Màu sắc của các nếp ly có hai kiểu chính: Một kiểu dùng vải cùng một màu để tạo nếp; Kiểu còn lại dùng nhiều màu khác nhau ở hai bên váy. Số lượng nếp ở mỗi bên có thể là sáu, chín, mười hai, mười sáu hoặc hai mươi nếp. Tà váy khép ở bên trái hoặc phía trước thân người. Phần tà thường viền bằng lụa hay gấm nhiều màu, ngoài ra cũng có kiểu không viền hoặc kiểu xẻ gấu ở hai bên.



Trước đây, để thuận tiện lao động, váy thường được may ngắn và có màu đơn giản. Ngày nay, váy xếp ly hiện đại có màu sắc rực rỡ và trang trí cầu kỳ hơn. Trong lễ cưới, phụ nữ thường mặc váy xếp ly màu đỏ.



Khăn quấn eo

Khăn quấn eo địa phương được gọi là “trong-ba”, làm bằng vải thông thường. Một số loại có hai đường viền ở hai bên và gấu dưới, gồm viền hẹp bằng phổ-lỗ gia-lạc và viền rộng bằng gấm; hai góc gấu dưới còn có trang trí thêm hoa văn. Cũng có loại chỉ viền gấm, hoặc thêu hoa lá và các họa tiết khác trên bề mặt tạp dề. Dây buộc được đan dẹt từ sợi tơ, hai đầu có tua rua; phần tua có thể tùy sở thích mà giắt vào thắt lưng hoặc để buông tự nhiên phía trước thân người. Theo người địa phương, loại tạp dề phối với váy xếp ly thường hẹp hơn để lộ các nếp gấp màu sắc ở hai bên váy, còn loại mặc cùng trường bào thì rộng hơn.





Trang phục nữ giới Biệt Tư Mãn huyện Tiểu Kim 231

Giày ủng

Giày địa phương gọi là “địch-khắc-tạp”. Trước đây phụ nữ chủ yếu đi ủng Tạng mũi cong và dép cỏ, ngày nay phần lớn chuyển sang giày vải và giày da.



Trang sức

Về trang sức, phong cách khá tương đồng với nhiều khu vực người Tạng khác. Khuyên tai gọi là “nạp-nhất”, được chế tác từ vàng hoặc bạc, có kiểu tua rua và kiểu vòng tròn. Trên cổ đeo chuỗi san hô, hộp gau hình lục giác và các loại trang sức khác. Vòng tay gọi là “tư-cách-nhược”. Trong đó, vòng bạc gọi là bố-ai-tư-cách-nhược. Còn vòng ngà voi gọi là ba-tô-tư-cách-nhược. Ở eo đeo đai chạm khắc lấy da đỏ làm nền, gắn các hạt bạc nổi, hoặc đeo thắt lưng vỏ sò. Phía trước eo còn đeo móc sữa và các vật trang trí khác.





Trang phục của người Biệt Tư Mãn có màu sắc rực rỡ, hoa văn phong phú cùng kỹ thuật thêu tinh xảo, phản ánh đầy đủ trí tuệ, tài hoa và quan niệm thẩm mỹ của phụ nữ địa phương, đồng thời thể hiện tình yêu và niềm tự hào của họ đối với văn hóa bản địa.





Trang phục nữ giới Biệt Tư Mãn huyện Tiểu Kim 233

13

ཆེ་ལུང་གི་སྐྱེས་མའི་གོས་ཆྱག།

TRANG PHỤC NỮ GIỚI TRẠCH LŨNG HUYỆN TIỂU KIM





1 ཁྱུང་དབྱིབས་སྒྲ་རྒྱན།
Trang sức đội đầu chim đại bàng

2 གཅའ་ཀྱ།
Chiêu-mộc-tra

3 དད་ཤྲིང་།
Đạt-tư-nhưỡng

4 ཐོང་རས།
Thống-nhiệt

5 པགས་རས།
Khăn đội đầu

6 ཀ་ཡེ།
Cáp-y

7 དར་རོ།
Đạt-như

8 ཐགས་རྟ།
Tháp-táp

9 ཇེ་སུ་ཐགས།
Đích-tư-tháp-khắc

10 ཐུལ་ཙོང་།
Đặc-nhi-băng

11 དྲུང་པ།
Trọng-ba

12 དུ་ཞེད།
Đắc-úy

Trấn Trạch Lũng trước đây thuộc phạm vi quản lý của thổ ty Tán Lạp trong hệ thống "mười tám thổ ty Gia Nhung". Khu vực này nằm ở phía tây huyện Tiểu Kim, phía bắc giáp huyện Kim Xuyên, phía tây tiếp giáp huyện Đan Ba, với độ cao trung bình khoảng 2.100 mét và thuộc vùng khí hậu gió mùa cận nhiệt đới. Cư dân địa phương chủ yếu sinh sống bằng nông nghiệp.

Do vị trí địa lý gần Đan Ba, trang phục phụ nữ Trạch Lũng có phong cách tổng thể khá tương đồng với khu vực Đan Ba, tuy nhiên vẫn tồn tại những khác biệt nhất định ở các chi tiết. Một bộ trang phục hoàn chỉnh gồm có: áo sơ mi, áo ngoài, váy xếp ly, áo choàng, thắt lưng, tạp dề, giày dép cùng các loại phụ sức như khăn đội đầu, "đặc-nhi-băng" và nhiều món trang sức khác.



Trang phục nữ giới Trạch Lũng huyện Tiểu Kim 237



Kiểu tóc

Trước đây, phụ nữ chưa kết hôn tết tóc thành một bím ba lọn, sau khi kết hôn thì tết thành hai bím. Theo quan niệm địa phương, kiểu tóc hai bím tượng trưng cho mong ước vợ chồng hòa thuận và hạnh phúc. Ngày nay, phụ nữ thường gắn nhiều loại trang sức lên bím tóc giả địa phương gọi là “đạt-tư-nhưỡng”. Các loại đầu sức gồm có: “Triệu-mộc-tra” — trang sức hình bầu dục dài chế tác từ vàng bạc, khảm ngọc lam và san hô; Trang sức hình chim đại bàng; Trang sức bạc hình tròn với ngọc lam và san hô đính theo dạng vòng tròn đồng tâm; Vòng ngà voi; Trang sức bạc hình hoa với vài cánh hoa; “Bác-tông-mỹ”— đầu sức dạng vòng nhẫn khảm san hô. Trong đó,

“Triệu-mộc-tra” có nhiều kiểu dáng khác nhau. Ngoài ra, phụ nữ dùng loại dây đan từ len hoặc tơ gọi là “thống-nhiệt” để cố định khăn đội đầu. Đôi khi họ còn xoắn chung sợi tơ với sợi len rồi quấn quanh khăn cùng các chuỗi san hô nhỏ. Loại dây này có cả dạng tết thành bím và dạng để thẳng không tết. Về màu sắc, phụ nữ trẻ thường chọn các gam tươi sáng như xanh lam, hồng, đỏ…, trong khi người lớn tuổi chuộng các màu trầm như tím sẫm hoặc đen.



Khăn đội đầu

Phụ nữ thường đội khăn màu đen trên đầu. Trước đây khăn chủ yếu được làm bằng lụa với độ dài ngắn khác nhau, ngày nay đa phần dùng chất liệu nhung kim tuyến. Khăn thường được gấp từ 2–8 lớp, trong đó kiểu gấp bốn lớp phổ biến nhất. Bề mặt khăn thêu hoa văn hoa lá và các họa tiết khác. Mép trước có hai kiểu: loại viền chỉ màu và loại không viền; còn mép hai bên cùng phía sau đều được khóa viền bằng chỉ màu khác nhau. So với người trẻ, khăn của phụ nữ lớn tuổi có phần viền trước giản dị hơn, trong khi phụ nữ trẻ chuộng các kiểu màu sắc rực rỡ nổi bật. Ở hai góc trước sau bên trái khăn còn xâu hạt trang trí, phía dưới đính tua rua dài bằng chỉ màu vàng, hồng…; ngoài ra cũng có kiểu không gắn tua rua.





Trang phục nữ giới Trạch Lũng huyện Tiểu Kim 241

Áo sơ mi và áo trên

Phần thân trên mặc loại áo sơ mi kiểu Tạng địa phương gọi là “cáp-y”, được may chủ yếu từ lụa hoặc vải trơn màu trắng. Bên ngoài khoác áo gọi là “tư-đắc-pha”, thường làm bằng lụa hoặc nhung kim tuyến. Áo có kiểu vạt chéo cài sang phải, trên viền áo lần lượt có khuy cổ, khuy giữa và khuy nách. Cổ áo cùng mép vạt được viền gấm bản rộng, kết hợp trang trí bằng dải vải và chỉ vàng hình sóng nước. Vào thời tiết nóng, phụ nữ chỉ mặc áo sơ mi hoặc phối thêm áo ghi lê làm từ nỉ, dạ và các chất liệu khác.





Trang phục nữ giới Trạch Lũng huyện Tiểu Kim 243



Váy xếp ly

Phần thân dưới mặc loại váy xếp ly địa phương gọi là “đắc-úy”. Chất liệu chủ yếu là vải hoặc lụa, với nhiều màu như đỏ, tím…Hai bên váy có nhiều nếp gấp mang màu sắc khác nhau nhưng tổng thể vẫn hài hòa cùng tông. Khi mặc, tà váy khép về phía bên trái cơ thể. Viền tà váy được trang trí rất rực rỡ bằng các dải vải nhiều màu: Phần trên lấy màu đỏ làm nền, bên trên là hai hàng họa tiết tam giác màu trắng, ở giữa hai hàng có dải vải xanh lam hẹp trang trí. Phần dưới ghép ngang nhiều dải vải màu tạo thành hai cụm hoa văn trên dưới; giữa hai cụm dùng lụa vàng trắng ghép nối. Phía trên còn may họa tiết bát giác bằng vải đỏ, trung tâm và bốn đỉnh xen kẽ của họa tiết được điểm các chấm tròn màu đen. Toàn bộ viền ngoài được bo bằng vải đen.

Áo choàng

Bên ngoài áo “tư-đắc-pha”, phụ nữ khoác loại áo choàng dài địa phương gọi là “đạt-như”. Áo được làm từ nhiều chất liệu như vải gai, lụa, dạ, phổ-lỗ hay vải trơn. Trong đó: Loại làm bằng dạ gọi là “nhượng-các-như”. Loại làm bằng phổ-lỗ gọi là “tư-nam-bố-như”. Áo choàng lấy tấm vải hình chữ nhật màu xanh lục làm nền, mép viền bằng vải đen hoặc vàng, phía trong viền may thêm dải vải đỏ hẹp. Bốn góc áo đều gắn miếng vải vuông màu vàng. Phần trên của áo được gấp vào trong; ở các góc sau khi gấp có may dây vải nhỏ. Bên trong dải viền đỏ phía dưới còn đính thêm dải vải thêu trắng rộng khoảng hai ngón tay. Chính giữa trang trí hoa văn nút cát tường, làm bằng các dải vải hẹp màu vàng chủ đạo. Khi mặc, áo choàng phủ lên hai vai và được buộc cố định phía trước ngực.







Thắt lưng

Bên ngoài váy xếp ly, phụ nữ thắt loại đai dệt phẳng có tua rua ở hai đầu, gọi là “tháp-tạp”. Kiểu dáng gồm loại dệt đen trắng xen kẽ và loại dệt bằng nhiều sợi màu sắc khác nhau. Trên thắt lưng còn đeo một loại trang sức eo địa phương gọi là “đích-tư-tháp-khắc”, được tạo thành từ năm cụm tua rua với màu sắc khác nhau, mỗi cụm cách nhau một khoảng cố định. Các dải tua rua buông dài phía sau và hai bên hông. Cách đeo gồm: Một nửa tua rua dùng để thắt nút phía trước eo, nửa còn lại buông xuống hai bên hông, hoặc dùng toàn bộ tua rua để buộc mà không để rủ xuống. Đích-tư-tháp-khắc có nhiều kiểu, gồm loại phủ trang trí bằng gấm và loại không trang trí, khá tương đồng với trang sức eo ở các vùng Mã Nhĩ Khang và trấn Quan Âm Kiều.



Đai quấn eo

Đai quấn eo địa phương được gọi là “trọng-ba”, có loại làm bằng gấm và loại lấy nỉ trắng làm nền. Đối với loại nền nỉ trắng, hai bên và gấu dưới được viền bằng dải gấm rộng, bên ngoài bọc thêm vải màu xanh lam hoặc vàng. Hai góc gấu dưới còn trang trí hoa văn dây leo cuộn bằng dạ đỏ cùng nhiều họa tiết khác.



Giày ủng

Trước đây, phụ nữ đi dép cỏ hoặc đi loại ủng Tạng mũi cong địa phương gọi là “thố-khắc-lan”. Ngày nay họ chủ yếu đi giày da mua ngoài chợ, nhưng trong các dịp lễ hội hay khi múa Oa Trang, phụ nữ vẫn mang loại ủng Tạng mũi cong truyền thống này.

Trang sức

Phụ nữ đeo khuyên tai bạc khảm san hô ở tai, phần cuối gắn tua rua rủ xuống. Trên cổ đeo các chuỗi hạt được kết xen kẽ từ ngọc lam, san hô và thiên châu, hoặc đeo những xâu hạt cùng các hộp gau hình lục giác, hình tròn hay hình vuông khảm san hô. Thắt lưng là loại đai chạm khắc, đính những hạt bạc nổi cỡ lớn. Phía trước eo còn đeo món trang sức bạc địa phương gọi là “đặc-nhi-băn”, có nhiều kiểu khác nhau: Một kiểu gồm hai vật trang trí xếp dọc trên dưới, một món có hình hộp gau tròn khảm san hô, món còn lại giống túi thơm. Kiểu khác được tạo thành từ các miếng bạc mang hoa văn nút cát tường, nối với nhau bằng dây xích bạc. Hai bên của cả hai kiểu đều được nối bằng ba dải xích bạc tạo thành dạng chuỗi anh lạc hoặc bán anh lạc, phía dưới đính tua bạc rủ xuống. Người đeo sẽ chọn một trong hai kiểu rồi cố định trên thắt lưng.







Ngoài ra, trong dân ca địa phương còn lưu truyền những câu hát như sau:

“Nếu nói khăn trên đầu, ấy là khăn lụa;

Nếu nói khuyên bên tai, ấy là khuyên vàng;

Nếu nói gau nơi cổ, ấy là gau bạc;

Nếu nói áo trên thân, ấy là áo nỉ;

Nếu nói váy dưới thân, ấy là váy xếp lụa;

Nếu nói ủng dưới chân, ấy là boot Tạng bằng nỉ.”

Những phục sức này không chỉ là lễ phục trang trọng của phụ nữ địa phương mà còn là trang phục bắt buộc khi biểu diễn di sản văn hóa phi vật thể cấp tỉnh — điệu múa Oa Trang. Trong sinh hoạt thường ngày, họ thường mặc trường bào, tạp dề trước, tạp dề sau cùng các loại trang phục giản dị khác.

Trang phục của phụ nữ Trạch Lũng không chỉ phản ánh phong tục tập quán và chiều sâu văn hóa địa phương, mà còn thể hiện tình yêu cùng niềm tự hào, sự tự tin của người dân đối với văn hóa bản địa của mình.



14

ར་རྒྱས་ཀྱི་བོན་རྒྱག།

TRANG PHỤC BẢO HƯNG KHAO THÍCH





1 ཁྲུང་དབྱིབས་སྒྲ་རྒྱན།
Trang sức đội đầu chim đại bằng

2 སྨ་ཏན་ཙི
Mã-đan-tử

3 ཏ་ཀོན་པོ།
Đạt-cồn-ba

4 ཏན་གོ
Đan-quả

5 དད་སྐ།
Đạt-tư-niết

6 ལྷ་རིང་།
Áo-dài

7 ལེན་ཀྭ་ཙི།
Lĩnh quái tử

8 ཐགས་རྟ།
Tư-tháp-táp

9 དྲུང་པ།
Trọng-ba

10 ཞྭ་དཀྲིས།
Xà cạp

11 སྟག་སྟག་རྟ།
Đạt-tát-táp



1 ཁ་ཞྭ
Mũ hồ ly

2 ལྷ་རིང་།
Áo-dài

3 ཐག་ས་རྡ།
Tư-tháp-táp

4 ཀྵ་དཀྱིས།
Xà cạp

5 སྟག་སག་རྡ།
Đạt-tát-táp

Xã dân tộc Tạng Khao Thích, còn có tên gọi khác là Nga Trạch, nằm dưới chân núi Giáp Kim Sơn, thuộc huyện Bảo Hưng, thành phố Nhã An. Đây là xã dân tộc Tạng duy nhất của huyện Bảo Hưng.

Xã gồm 5 thôn người Tạng: Cữu Lạc thôn, Trạch Căn thôn, Ca Nhật thôn, Lặc Lạc thôn và Giáp Lạp thôn. Trong lịch sử, khu vực này từng thuộc sự quản lý của thổ ty Mục Bình – một trong "mười tám thổ ty Gia Nhung."

Theo tư liệu lịch sử, khoảng năm 1373, thổ ty Mục Bình Đan Tử Giang Sở bắt đầu nắm quyền, trở thành vị thổ ty đầu tiên, từ đó hình thành hệ thống thế tập của dòng thổ ty Mục Bình. Trong phương ngữ địa phương, Mục Bình còn được gọi là "Mộc Tư", "Mộc Bồi", "Mộc Bàng"…

Khu vực này giáp với Khang Định ở phía tây, Tiểu Kim ở phía bắc và Vấn Xuyên ở phía đông. Độ cao trung bình khoảng 2.000 mét, thuộc khí hậu gió mùa ôn đới cao nguyên. Sinh kế chủ yếu của người dân là nông nghiệp.



Trang phục Bảo Hưng Khao Thích 257



Trang phục nữ giới

Một bộ trang phục hoàn chỉnh bao gồm áo dài, áo ghi-lê, thắt lưng, đai quấn eo, giày dép và các loại trang phục khác, cũng như các phụ kiện như mũ đội đầu, khuyên tai, hộp đựng bùa hộ mệnh và hộp may vá.

Trang sức tóc

Trước đây, phụ nữ chia tóc đều hai bên và tết thành hai bím ba sợi. Ở phần đuôi bím, họ đan thêm sợi tơ địa phương gọi là “đạt-tư-niết” để cố định cùng với khăn đội đầu. Nếu tóc ít, người ta phải dùng bím tóc giả.

Ngày nay, trong các dịp lễ phục trang trọng, phụ nữ dùng bím tóc giả làm từ vải nhung tơ ánh vàng, tết thành bím ba sợi. Ở giữa bím tóc đeo một món trang sức hình chim đại bàng ngậm rắn, được chế tác bằng vàng bạc, khảm lam ngọc và san hô.

Hai bên đầu tóc mỗi bên đeo năm món trang sức gọi là “mã-đan-tử”. Một loại có hình giống nhẫn, làm bằng vàng bạc và khảm lam ngọc, san hô; loại khác gồm ba ống trụ nhỏ xếp song song, cũng được khảm lam ngọc và san hô.

Trong đời sống hằng ngày, phụ nữ chỉ đeo một số ít đồ bạc theo sở thích cá nhân, chủ yếu là các món gọi là “đạt-cổn-tông” và một số “mã-đan-tử”. “Đạt-cổn-tông” gồm các loại như hoa bạc hình hoa ở giữa khảm san hô, xung quanh điểm lam ngọc và san hô nhỏ, hoặc các miếng bạc hình vuông khảm lam ngọc hoặc san hô.

Sợi “đạt-tư-niết” dùng để quấn trên đầu thường có màu hồng hoặc vàng. Người ta có thể quấn ở phía trước hoặc phía sau bím tóc giả, thắt nút ở sau đầu, phần còn lại buông tự nhiên xuống trước ngực, sau lưng hoặc xen giữa các búi tóc.





Khăn đội đầu

Ở địa phương, khăn đội đầu được gọi là “đạt-cổn-ba”. Theo truyền thống, khăn trước đây dài, dày và có độ rộng lớn, giúp giữ ấm tốt cho vùng đầu và cổ. Phần mép phía sau được trang trí bằng dải viền hẹp nhiều màu, thêu hoa văn.

Ngày nay, khăn đội đầu thường được làm bằng nhung tơ ánh vàng và các chất liệu tương tự, ngắn và hẹp hơn so với trước. Khác với khăn đội đầu ở các vùng như Đan Ba hay Kim Xuyên, loại khăn này không thêu hoa văn trên bề mặt, mép trước không có viền, chỉ có phần mép sau được may thêm một dải vải dệt phẳng rộng khoảng bốn ngón tay, làm từ các loại vải màu khác nhau.

Trước đây, phụ nữ thường gấp khăn thành 8 lớp rồi quấn lên đầu, còn hiện nay chủ yếu chỉ gấp khoảng 4 lớp để sử dụng.





Áo dài

Phụ nữ thời đó mặc áo dài đến đầu gối, với các màu như đen và xanh lam, tương tự như những chiếc áo được mặc ở Tiểu Kim và Kim Xuyên. Áo cài khuy bên phải, ve áo bên trong ngắn hơn, chỉ dài đến eo. Một đường xẻ ở bên trái kéo dài đến đùi, được gia cố bằng vải màu đỏ tía. Ve áo có các nút cài theo thứ tự sau: nút cổ áo, nút giữa và nút nách. Hai hoặc ba nút thắt rỗng cũng được đặt dọc theo mép dưới của ve áo. Vào những dịp trang trọng, phụ nữ mặc áo dài làm bằng gấm, lụa, len hoặc nỉ, với viền gấm rộng hơn ở ve áo và cổ tay áo. Đôi khi, tùy theo sở thích cá nhân, họ sử dụng gấm hẹp hơn, các dải vải có hoa văn hoặc viền chỉ bạc lượn sóng. Để mặc



hàng ngày, họ chủ yếu mặc áo dài làm bằng len bò, len cừu, vải nhung kẻ hoặc các loại vải khác. Cổ áo và vạt trước được tách rời, cổ áo được làm bằng dạ gia-lặc phổ-lỗ hoặc vải nỉ. Phần mép trong của vạt trước và gấu áo được viền bằng một dải vải màu xanh rộng khoảng bốn ngón tay, và mép ngoài của vạt trước được bo bằng vải màu xanh hoặc các loại vải khác. Họ thường mặc những chiếc áo dài màu trơn không có trang trí bằng gấm trên cổ áo, tay áo hoặc mép trước.





Áo ghi-lê

Bên ngoài áo dài, người dân mặc một loại áo ghi-lê tại địa phương gọi là “lĩnh quái tử”. Lớp ngoài thường được làm bằng nhung kim tuyến hoặc lụa, còn lớp lót bên trong dùng lông nhân tạo mua từ thị trường.

Các phần như cổ áo, mép vạt áo và gấu áo được trang trí khoảng ba lớp viền, bao gồm: viền vải nhiều màu, chỉ bạc dạng sóng nước, hoa văn chữ “hồi” làm từ gấm, và các dải lụa rộng có họa tiết hoa lá. Phần khoang nách cũng được viền từ 2–3 lớp bằng vải màu hoặc lụa mảnh.

Trên vạt áo có các loại khuy như khuy cổ, khuy giữa và khuy nách. Kiểu dáng vạt áo cũng đa dạng, gồm vạt kiểu đàn tỳ bà và vạt đối xứng.

Trong dịp lễ hội, người dân mặc loại áo khoác không tay làm từ gấm hoặc chất liệu cao cấp. Mùa hè dùng loại không có lớp lót, còn mùa đông sử dụng áo khoác không tay làm bằng da dê núi để giữ ấm.



Thắt lưng

Phụ nữ ở vùng này buộc ở eo một loại thắt lưng dệt hoa văn địa phương gọi là “tư-gia-mạc”, có dạng phẳng, hai đầu có tua rua. Khi đeo, người ta quấn quanh eo hai vòng rồi thắt nút ở phía trước bụng.

Bên ngoài thắt lưng này lại buộc thêm một loại phụ kiện thắt lưng dạng dẹt gọi là “tư-tháp-táp”, hai đầu cũng có tua rua. Khi đeo, phần tua được gấp lại và giấu vào trong thắt lưng chính. Hai đầu phụ kiện có gắn hai miếng khóa kim loại để cố định, có dạng hình vuông hoặc hình tròn, một số loại còn khảm lam ngọc và san hô, cũng có loại trơn không trang trí. Khi quấn quanh eo sẽ khóa lại bằng hai đầu này.

Theo truyền thuyết, các miếng khóa trước đây thường làm bằng đồng vàng (hoàng đồng), hiện nay chủ yếu dùng bạc. Trước đây, “tư-gia-mạc” thường rộng hơn còn “tư-tháp-táp” hẹp hơn, nhưng hiện nay không còn quy chuẩn cố định, người dùng có thể chọn theo sở thích cá nhân.

Phần lớn các loại dệt này do phụ nữ địa phương tự làm. Nếu một người phụ nữ không biết dệt vải sẽ bị xem thường, vì vậy kỹ thuật dệt từng được phụ nữ rất coi trọng và cố gắng học hỏi. Tuy nhiên, trong thời hiện đại, những tập tục này đang dần bị mai một.



Trang phục Bảo Hưng Khao Thích 267

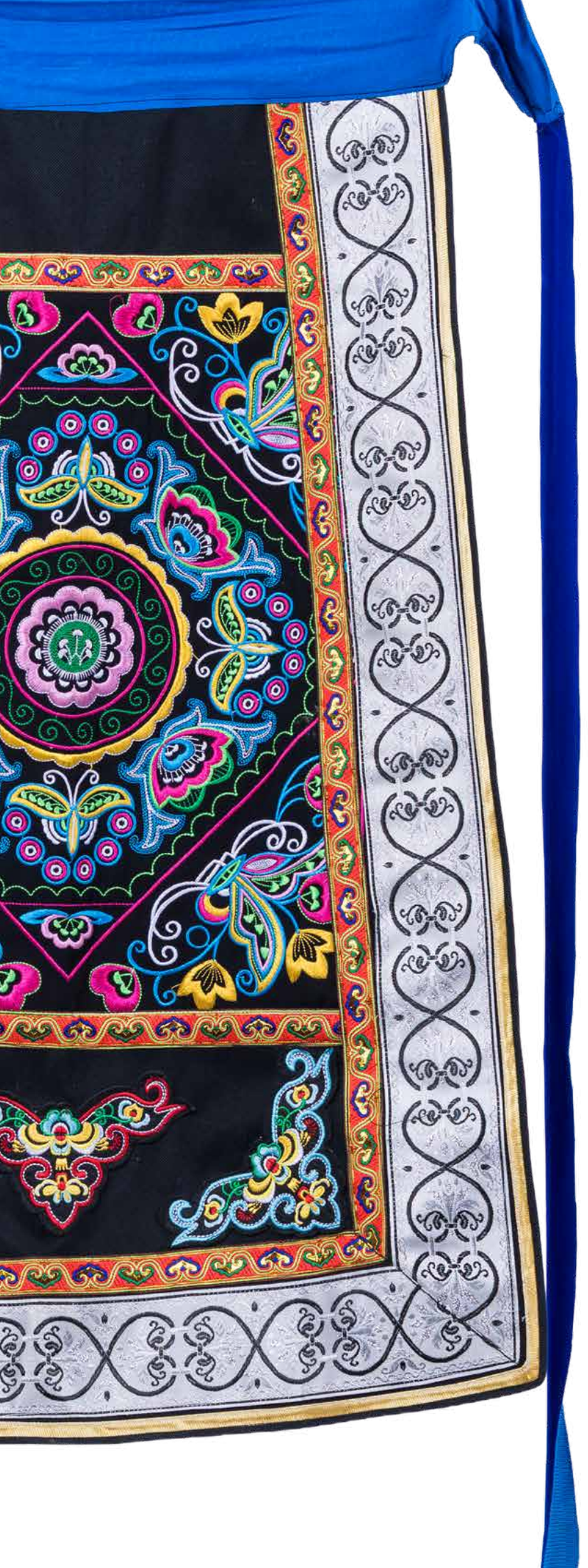
Đai quấn eo

Ở vùng này, phụ nữ còn đeo một loại đai quấn eo ở thắt lưng gọi là “trọng-ba”, được làm từ gấm hoặc lụa, chiều dài gần bằng gấu áo dài.

Trước đây, đai quấn eo chỉ có hai màu đen và trắng, về sau dần được bổ sung thêm các chi tiết thêu và viền trang trí. Với loại bằng lụa, phần trung tâm thường được thêu nhiều hoa văn khác nhau, trong khi loại bằng gấm thì để lộ hoa văn sẵn có của vải, không cần thêu thêm.







Hai bên và phần gấu đai quấn eo được trang trí bằng nhiều lớp viền khác nhau, bao gồm gấm nhiều màu, chỉ bạc dạng sóng nước, hoa văn hình chữ “hồi”, dải vải rộng có thêu, và các dải vải hẹp nhiều màu xếp nối tiếp. Cách phối hợp cụ thể tùy theo sở thích cá nhân.

Dây buộc của đai quấn eo gọi là “trọng-ba-tư-bất-noa”, làm bằng vải trắng dạng rỗng bên trong, đầu dây có hình mũi tên. Ở phần giữa và phần cuối dây buộc, người ta may nhiều dải thêu ngang với độ dày mỏng khác nhau theo khoảng cách cố định, sau đó may toàn bộ dây này vào mép trên của tạp dề.

Ngoài ra, cũng có loại dùng dây dệt phẳng nhiều màu làm dây buộc. Sau khi buộc, phần tua ở đầu dây sẽ buông tự nhiên phía sau lưng.

Giày ủng

Phụ nữ quấn xà cạp ở cẳng chân bằng loại làm từ len cừu hoặc lông bò, sau đó dùng dây dệt phẳng nhiều màu rộng khoảng hai ngón tay để buộc chặt cố định.

Ở chân, họ đi loại dép cỏ địa phương gọi là “đạt-tát-táp”, được đan bằng sợi gai, hoặc giày vải làm từ vải thô và sợi hóa học dày. Theo truyền thống, những loại giày này vào mùa đông thường được kết hợp với xà cạp dày làm từ vải len để giữ ấm.

Tuy nhiên, hiện nay phần lớn phụ nữ đã chuyển sang sử dụng giày da mua từ chợ.



Trang sức

Phụ nữ đeo khuyên tai bạc nhỏ, phần trung tâm khảm san hô, xung quanh đính xen kẽ đá lam ngọc và san hô nhỏ, phía dưới có tua bạc rủ xuống. Phía sau tai, trên bím tóc còn đeo thêm một đôi khuyên tai tương tự nhưng kích thước lớn hơn.

Ở cổ, họ đeo chuỗi san hô hai sợi mảnh, giữa chuỗi điểm xuyết hổ phách (mật lạp) hoặc lam ngọc; món trang sức này thường được kết hợp cùng dây bạc. Hai bên của chuỗi san hô hoặc dây bạc còn treo một loại trang sức bạc gọi là “đan-quả”. Trên đan-quả khảm san hô và các loại đá quý khác, phần cuối có gắn các vật nhỏ như muỗng lấy ráy tai, tăm xỉa răng… Khi đeo, chúng rủ tự nhiên xuống trước ngực. Người ta tin rằng đan-quả có tác dụng trừ tà.

Nếu không đeo dây bạc, người ta sẽ thay bằng các hộp gau hình chùa nhỏ hoặc hình tròn được xâu bằng dây bạc để đeo.

Ở cổ tay, phụ nữ đeo vòng bạc mảnh khảm lam ngọc và san hô. Ở hai bên thắt lưng (trái hoặc phải), họ đeo túi kim chỉ hoặc phụ kiện bạc. Phụ kiện này được gắn ba viên lam ngọc và san hô, phía dưới treo nhiều dải tua bạc, cuối tua có gắn chuông nhỏ.









Trang phục Bảo Hưng Khao Thích 273



Trang phục nam giới

Nam giới hằng ngày quấn khăn đội đầu màu đen, còn trong các dịp lễ phục trang trọng thì đội mũ làm bằng da cáo. Họ mặc áo dài, kiểu dáng khá tương đồng với áo dài nữ, thường có màu đen hoặc xanh lam. Áo được may từ các chất liệu như vải dạ, nhung kẻ hoặc vải thường, có thể có hoặc không có lớp lót bên trong. Khi thời tiết lạnh, họ thường mặc từ 2 đến 4 lớp áo

dài chồng lên nhau. Theo người địa phương kể lại, trước đây các gia đình khá giả thường mặc áo dài bằng lụa có hoa văn, phần cổ áo và tay áo được viền bằng da chồn đá. Ngày nay, những chất liệu này thường được thay bằng lông nhân tạo mua ngoài chợ, hoặc dùng vải gia-lặc phổ-lỗ và gấm để viền mảnh ở một số chi tiết. Phần vạt áo và gấu áo hiện nay thường không còn trang trí viền như trước nữa.









Bên ngoài chiếc áo choàng dài là một chiếc áo gi lê, có thể không có viền hoặc chỉ có viền tối thiểu. Một chiếc thắt lưng phẳng, dệt được buộc quanh eo, từ đó treo một con dao dài. Một chiếc thắt lưng hình tam giác được đeo trước eo; chiếc thắt lưng này theo truyền thống được làm bằng da trắng và chủ yếu được dùng để đựng đá lửa, tẩu thuốc và thuốc lá, nhưng ngày nay đàn ông thường đeo những phiên bản có hoa văn, chủ yếu để trang trí. Đàn ông địa phương, giống như phụ nữ, mặc quần bó và dép rơm.



Ở vùng này có một trò chơi dân gian mang tên “Thiên nga ôm trứng”, hiện đã được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp tỉnh. Tương tự nhiều khu vực khác của vùng Gia Nhung, nơi đây cũng lưu truyền nhiều truyền thuyết về chim đại bàng (đại bàng thần). Tương truyền rằng xưa kia người dân địa phương bị một con rắn độc lớn gây hại, sau đó chim đại bàng đã tiêu diệt con rắn này. Để ghi nhớ công ơn của loài chim đại bàng, người dân đã truyền lại trò chơi này qua nhiều thế hệ. Người dân không chỉ đội các vật trang trí hình đại bàng trên đầu, mà còn để xua đuổi tà ma và tránh tai họa, họ còn thờ tượng chim đại bàng tại các vị trí như xà nhà (mái cửa) và trong gian thờ Phật.

Những bộ trang phục này thể hiện rõ sự thích nghi với điều kiện khí hậu và môi trường địa phương. Mặc dù trải qua nhiều biến đổi theo thời đại, người dân nơi đây vẫn kiên trì gìn giữ truyền thống văn hóa trang phục của mình và ít chịu ảnh hưởng từ các nền văn hóa bên ngoài. Cho đến ngày nay, trong các hoạt động dân gian như đám cưới, Tết cổ truyền và những dịp lễ hội khác, họ vẫn mặc trang phục truyền thống, nhờ đó các phong tục tập quán bản địa được bảo tồn và truyền lại một cách tốt đẹp qua nhiều thế hệ.



Trang phục Bảo Hưng Khao Thích 279

15

འབྲུ་ཐང་གི་གོས་ཆྱེན།

TRANG PHỤC NGƯ THÔNG HUYỆN KHANG ĐỊNH





1 མགོ་རས། Khăn đội đầu

2 འགག་སྟོད། Ghi-lê

3 ལྷ་རིང་། Áo dài

4 སྐ་རགས། Thắt lưng

5 དུ་ཁྲག Túi thuốc

6 སྐེད་ཁྲག Túi che bụng

7 ཐྲོ་གྲི། Dao giắt eo

8 ཞུ་དཀྲིས། Xà cạp

9 རྡོ་ལྷམ། Giày cỏ





1 སྐྱ་མ་ཐྲུད།
Dây bện tổng

2 བཐགས་རས།
Khăn đội đầu

3 རྣ་ལོང་།
Hoa tai

4 འགག་རིང་།
Áo dài không tay

5 ལྟ་རིང་།
Áo dài có tay

6 འགག་སྟོད།
Ghi-lê

7 བང་གདན།
Đai quấn eo

8 དུ་ཁྲག
Túi thuốc

9 ཁབ་ཀྲབས།
Túi kim chỉ

Khu vực Ngư Thông là tên gọi chung của một vùng gồm: lấy trấn Ngư Thông ở phía đông thành phố Khang Định làm trung tâm, cùng với các khu vực như xã Bổng Tháp, trấn Kim Thang, xã Mạch Băng và trấn Cô Ta.

Những khu vực này có độ cao trung bình khoảng 2.000 mét, thuộc kiểu khí hậu núi cao phân tầng. Phương thức sinh hoạt chủ yếu là bán nông bán mục.

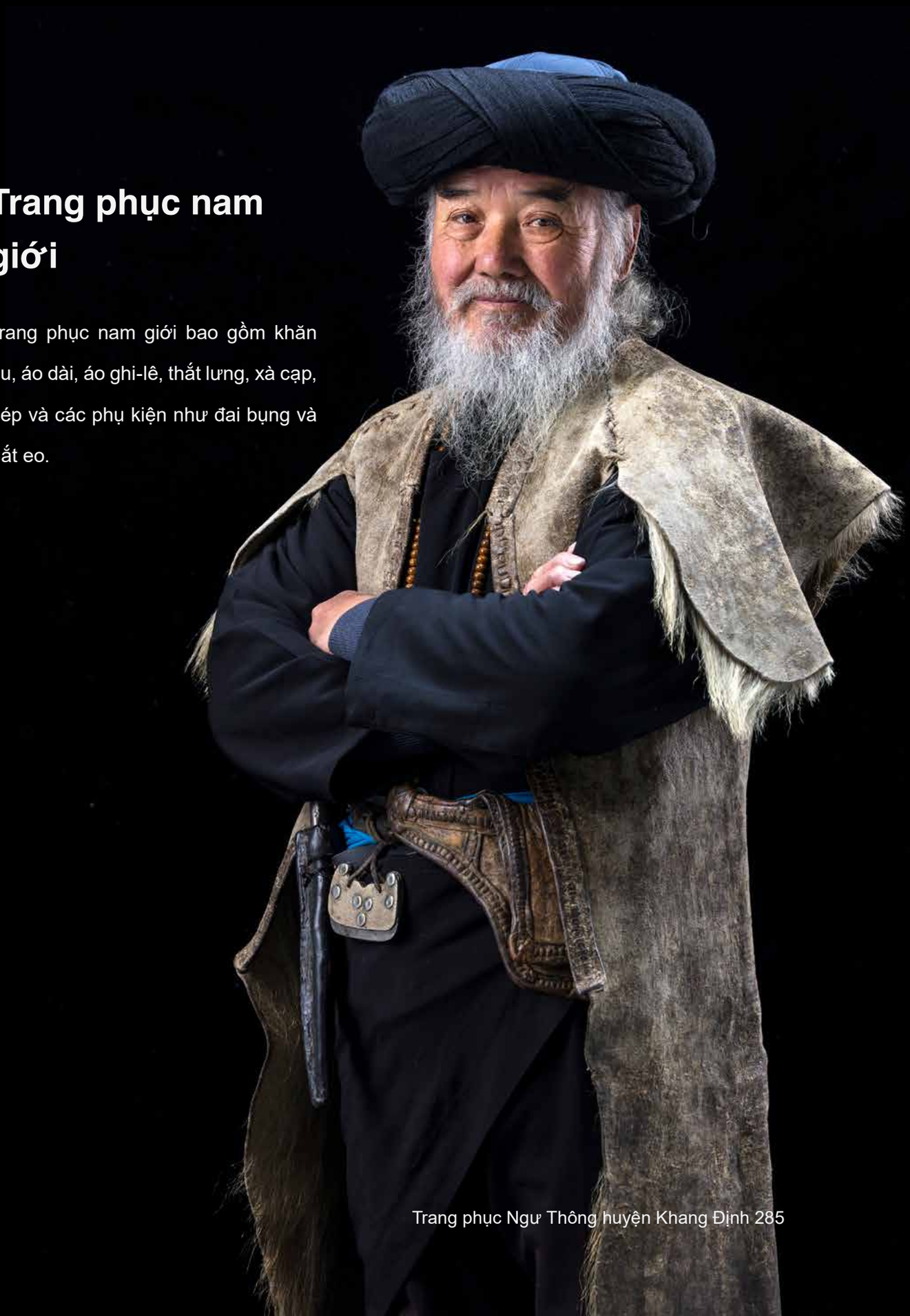
Theo truyền thuyết, trước khi phái Tát Ca (Sakya) nắm quyền, khu vực Ngư Thông từng có 48 bộ lạc cùng cư trú. Trong thời kỳ "mười tám thổ ty Gia Nhung", 48 bộ lạc này đều chịu sự quản lý của thổ ty Ngư Thông. Về lịch sử thổ ty Ngư Thông, có hai mốc quan trọng: khoảng thế kỷ 18, Ngư Thông nằm dưới sự kiểm soát của thổ ty Mục Bình; sau đó Ngư Thông tách khỏi hệ thống này và được xếp vào nhóm "mười tám thổ ty Gia Nhung".

Ngư Thông còn được gọi là "Quả Đường", nghĩa là "người quấn khăn đội đầu". Họ tự nhận là người Tạng Quý Quỳnh, và một số học giả cho rằng tổ tiên của họ có nguồn gốc từ "Mục thị" – một trong bốn dòng họ nguyên thủy của người Tạng.



Trang phục nam giới

Trang phục nam giới bao gồm khăn đội đầu, áo dài, áo ghi-lê, thắt lưng, xà cạp, giày dép và các phụ kiện như đai bụng và dao giắt eo.



Trang phục Ngư Thông huyện Khang Định 285

Khăn đội đầu

Khăn đội đầu màu đen là một bộ phận quan trọng và là dấu hiệu nhận diện rõ rệt trong trang phục nam giới vùng Ngư Thông. Truyền thống, người ta dùng một dải vải đen dài khoảng 10 mét, xoắn nhẹ rồi quấn quanh đầu. Ngày nay, thường sử dụng loại khăn có lõi là vòng xốp tròn, bên ngoài bọc vải đen dài khoảng 4 mét, đội trực tiếp lên đầu. Khăn phải được quấn cẩn thận; nếu quấn đúng cách sẽ giúp bảo vệ đầu và giữ ấm khi làm việc trong rừng rậm. Ngược lại, nếu quấn không khéo, khăn dễ bị tuột và cũng không đẹp mắt.



Áo dài

Trong cuộc sống thường nhật, đàn ông mặc áo dài màu đen hoặc xanh lam, cài khuy bên phải và dài đến mắt cá chân. Gấu áo được cài bằng năm khuy rỗng: một ở cổ áo, một ở giữa và ba dưới nách, tất cả đều cùng màu với áo. Vạt áo bên trong chỉ dài đến eo, với đường xẻ hai bên kéo dài đến đùi. Khi làm việc hoặc khiêu vũ, họ thường gài một góc gấu áo vào thắt lưng.



Áo ghi-lê



Vào mùa đông, đàn ông mặc những chiếc áo ghi-lê dày, hai hàng cúc bên ngoài áo choàng dài. Theo truyền thống, những chiếc áo ghi-lê này được làm bằng da dê, da cừu hoặc da bò, với vạt áo dài đến đầu gối. Hai túi được may ở hai bên phía trước gần vạt áo để đựng những vật dụng nhỏ. Áo ghi-lê da có nhiều công dụng: bảo vệ quần áo, chắn gió và mưa, và giữ ấm. Chúng cũng có thể được dùng làm đệm hoặc chăn khi nghỉ ngơi. Khi mang vác vật nặng, áo ba lỗ được mặc với mặt lông cừu hướng vào trong; khi trời mưa, nó được mặc lộn trái, thể hiện tính đa dụng của nó. Áo ghi-lê da là một trang phục tiêu biểu của vùng này.



Quá trình may một chiếc áo ghi-lê da rất phức tạp và tốn nhiều công sức, chủ yếu do nam giới thực hiện. Đầu tiên, lớp mỡ trên bề mặt và bất kỳ phần da thừa nào còn sót lại đều được cạo sạch. Sau khi phơi khô, da được ngâm trong nước từ 3-4 ngày, sau đó vắt hết nước. Tiếp theo, dầu được thoa lên da, rồi chà xát nhiều lần bằng tay hoặc chân cho đến khi mềm ra trước khi cắt và may. Chỉ may thường được làm từ da lộn hoặc da hươu. Sau khi may xong, áo vest cần được chà xát nhiều lần trong khi mặc để đảm bảo sự thoải mái và mềm mại.





Ngày nay, hầu hết các áo ghi-lê được làm bằng lớp vải đen bên ngoài và lớp lót lông giả bên trong. Tuy nhiên, áo ghi-lê da truyền thống vẫn được mặc trong những dịp trang trọng như biểu diễn và lễ hội.





Thắt lưng

Thắt lưng chủ yếu được làm bằng lụa màu xanh lam hoặc xanh lục, có hình dạng rỗng, hai đầu được cắt chéo, và khá rộng, không có hoa văn hay thêu thùa. Trước đây, người ta thường nhét đồ vật vào thắt lưng rồi buộc hai đầu lại, nhưng cách làm này hiện nay rất hiếm. Phần thân dưới được mặc bằng quần dài làm bằng vải đen, kiểu dáng tương tự như quần ống rộng hiện đại.

Xà cạp

Đàn ông quấn xà cạp ở phần cẳng chân. Điều này gắn chặt với môi trường tự nhiên và nhu cầu sinh hoạt địa phương. Khi di chuyển trong rừng rậm hoặc các sườn núi dốc hiểm trở, xà cạp giúp tránh bị gai nhọn, côn trùng và động vật gây thương tích, đồng thời có tác dụng chắn gió và giữ ấm.

Truyền thống, xà cạp được dệt bằng sợi gai. Hiện nay phần lớn được làm bằng vải len. Khi quấn, trước tiên cố định một đầu ở mắt cá chân, sau đó quấn dần lên trên. Khi đến đầu gối thì dùng dây buộc mảnh để cố định chặt lại.



Giày ủng

Trước đây thường đi dép cỏ hoặc giày vải. Hiện nay chủ yếu sử dụng giày vải hoặc giày da mua ở chợ, tùy theo sở thích cá nhân.



Trang sức phụ kiện

Nam giới thường không đeo nhiều trang sức. Tuy nhiên trong các dịp lễ phục trang trọng, một số người có thể buộc ở phía trước thắt lưng một túi làm bằng da hươu. Trước đây túi này dùng để đựng tẩu thuốc, thuốc lá và đá đánh lửa; hiện nay chủ yếu mang tính trang trí. Ở bên hông thắt lưng, nam giới thường đeo một con dao nhỏ (dao ống) để sử dụng trong sinh hoạt.







Trang phục Ngư Thông huyện Khang Định 295

Trang phục nữ giới

Trang phục nữ giới bao gồm khăn đội đầu, áo dài, đai quấn eo, giày dép, cùng các phụ kiện như túi kim chỉ và túi thuốc lá.



Kiểu tóc

Trước đây, các cô gái trẻ thường tết tóc thành một bím ba lọn và cuộn trên đầu; phụ nữ đã kết hôn thì tết tóc thành hai bím ba lọn, sau đó ở phần đuôi bím sẽ được đan thêm dây tơ hoặc dây len để cố định cùng với khăn đội đầu. Ngày nay, người ta chủ yếu sử dụng các bím tóc đã được tết hoặc xoắn sẵn bằng chỉ tơ hoặc len, quấn quanh đầu và buộc lại ở phía sau gáy. Hai đầu bím có thể thả xuống ngực hoặc phía sau lưng tùy theo sở thích cá nhân. Phần lớn phụ nữ sử dụng bím tóc kết hợp giữa màu đen và hồng để quấn quanh đầu, cũng có người dùng bím tóc chỉ một màu đơn sắc.

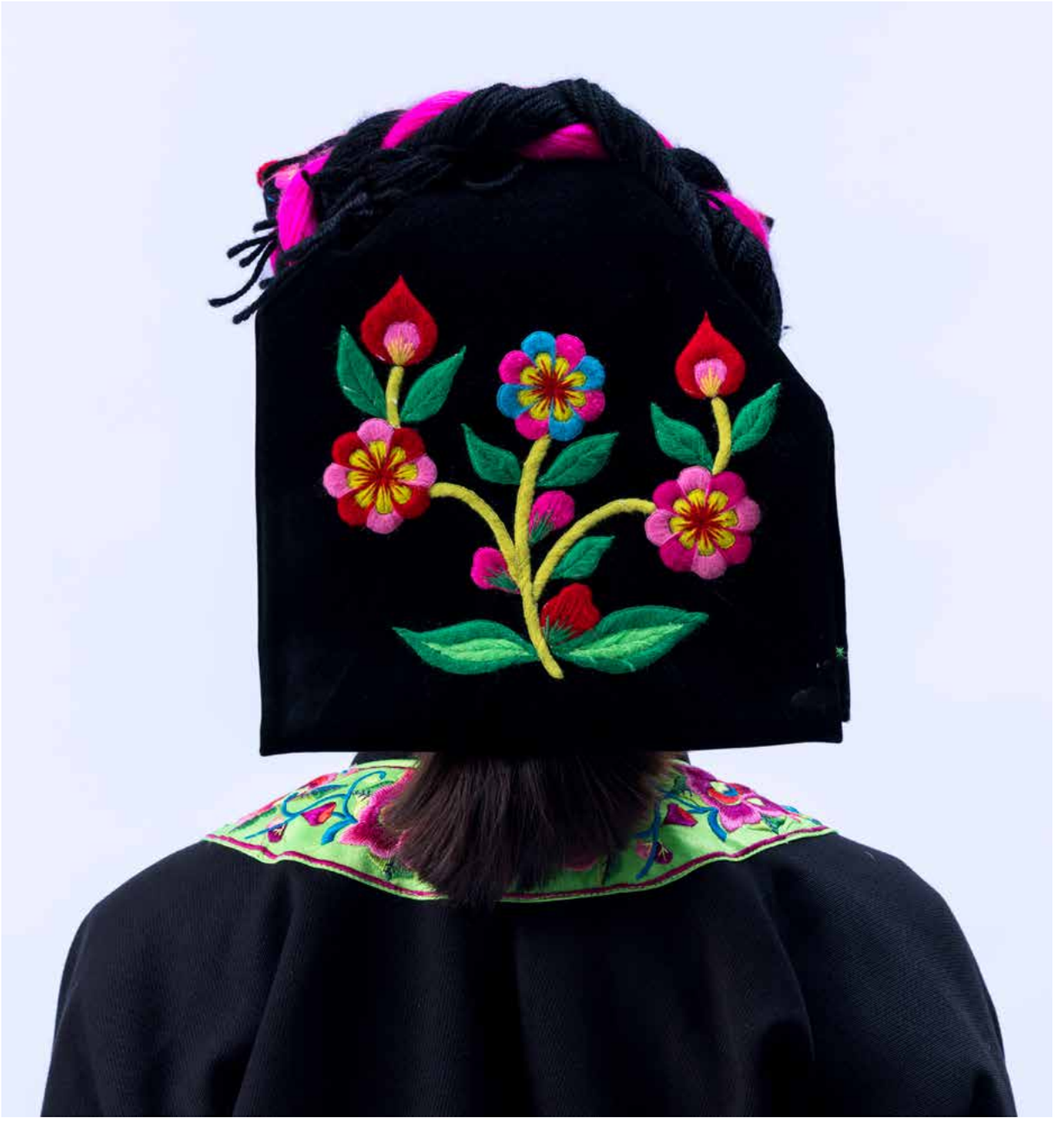


Khăn đội đầu

Phụ nữ thường đội khăn trùm đầu màu đen, chủ yếu làm bằng cotton hoặc nhung tơ ánh kim. Họa tiết thêu ở mặt trước của khăn trùm đầu, từ trước ra sau, gồm: họa tiết hình răng cưa thêu bằng các sợi chỉ nhiều màu, một dải trang trí hẹp và họa tiết hoa trên cành cây. Phần còn lại của khăn trùm đầu hầu hết không được thêu hoặc trang trí, nhưng một số người thêu họa tiết hoa hướng dương với ba cành nhỏ hơn, mỗi cành có một bông hoa.



Khăn trùm đầu thường được gấp thành 4-6 lớp. Nó không chỉ là một vật trang trí đầu mà còn có chức năng thực tế: giữ ấm vào mùa đông và chống nắng vào mùa hè, phù hợp với mọi mùa. Khi trời nắng gắt, mép trước của khăn trùm đầu có thể được kéo căng ra để che phủ, hoặc nửa sau có thể được gấp về phía trước để che phần trán dài hơn. Mép sau của khăn trùm đầu của phụ nữ lớn tuổi thường dài đến dưới cổ, trong khi của phụ nữ trẻ chỉ dài đến cổ.





Áo dài

Để mặc hàng ngày, người ta mặc một chiếc áo sơ mi màu xanh lam hoặc đỏ trơn bên ngoài một chiếc áo dài không tay làm bằng vải đen hoặc xanh lam. Viền trong của áo chỉ dài đến eo, cổ áo và mép áo được trang trí bằng các dải vải màu xanh lá cây hoặc có hoa. Một chiếc cúc được may ở cuối cổ áo, phần còn lại không cài cúc. Hai bên sườn được xẻ đến đùi. Phụ nữ cũng có thể mặc một chiếc áo dài tay màu xanh lam.



Đối với những dịp trang trọng, phụ nữ mặc một chiếc áo dài làm bằng lụa hoặc gấm màu tím, dài đến khoảng đầu gối, cổ tay áo được trang trí bằng hai dải lụa màu vàng và gấm màu tím nhạt. Bên ngoài chiếc áo dài này là một chiếc áo ghi-lê chủ yếu màu vàng, không cổ và cài bên phải, mép áo được trang trí bằng hai dải vải đen và một dải lụa rộng hơn.



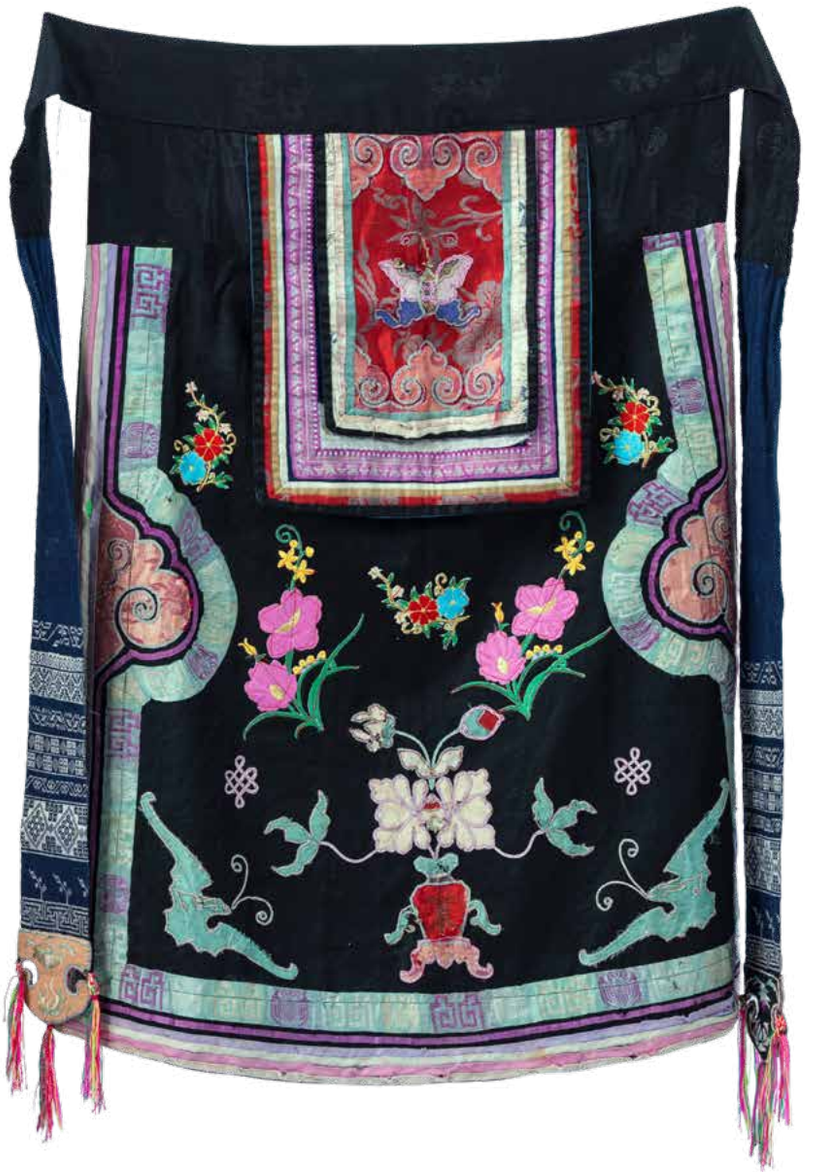
302 Trang Phục Tây Tạng IV

Đai quấn eo

Thắt lưng của phụ nữ thường nhỏ hơn của nam giới, màu chủ đạo là xanh lam và xanh lục. Khi buộc, hai đầu dây được thắt nút ở phía trước bụng. Bên ngoài thắt lưng còn có một tấm đai quấn eo, dùng dây buộc bằng chất liệu dệt dạng dẹt, cũng được thắt nút ở phía trước. Tạp dề có một số kiểu khác nhau: 1) Loại làm hoàn toàn bằng vải đen trơn, không họa tiết. 2) Tạp dề vải đen, hai bên và phần viền dưới được viền bằng dải vải xanh rộng khoảng ba ngón tay. 3) Tạp dề nền đen, cũng có viền xanh, phần trung tâm thêu các họa tiết như cành cây và hoa hướng dương, v.v.



Trang phục Ngư Thông huyện Khang Định 303



Trong các dịp lễ phục trang trọng, phụ nữ thường đeo một loại tạp dề đặc biệt, nền làm bằng vải đen, với hai kiểu dáng chính. Một trong số đó được trang trí như sau: Hai bên và phần dưới của tạp dề được viền lần lượt bằng các dải vải ghép từ năm màu khác nhau, kèm theo một lớp viền vải rộng khoảng hai ngón tay. Ở hai bên trái và phải của tạp dề, từ trên xuống có hai đường viền dày – mỏng song song, phần giữa tạo thành hình vòm. Trong khu vực hình vòm này, người ta dùng kỹ thuật thêu ghép vải để tạo hoa văn dây lá uốn lượn hoặc họa tiết "mũi chó". Phần trung tâm phía trên của tạp dề được cấu tạo từ hai mảnh vải lớn nhỏ chồng khít lên nhau. Mảnh trên nhỏ hơn, hai bên và viền dưới được trang trí ba lớp viền bằng dải vải mảnh; hai đầu trên và dưới

dùng kỹ thuật thêu ghép vải để tạo họa tiết sừng dê hoặc mũi chó, ở giữa thêu hình bướm nhiều màu sắc. Mảnh dưới lớn hơn, viền xung quanh được trang trí khoảng năm lớp dải vải màu khác nhau. Hai góc trái và phải ở phần dưới tạp dề được trang trí đối xứng bằng họa tiết bướm. Giữa hai con bướm là hình bình hoa cắm hoa được thêu theo kỹ thuật ghép vải. Phía trên bình hoa còn thêu thêm các họa tiết hoa lá và nút kết cát tường, mang ý nghĩa may mắn.

Một kiểu khác có nhiều họa tiết được thêu bằng chỉ màu trên nền vải đen: phần trên được thêu các họa tiết trang trí hình chữ nhật, từ ngoài vào trong, bao gồm họa tiết uốn lượn, hai cạnh răng cưa đối diện và họa tiết chữ thập ngoặc liên tục, với những bông hoa lớn được thêu ở khu vực trung tâm; phần dưới được thêu mười một bó tua rua bằng các sợi chỉ màu khác nhau, rủ xuống từ trên xuống dưới và được sắp xếp theo chiều ngang ở những khoảng cách nhất định; mỗi góc trái và phải của viền được trang trí bằng một họa tiết hình tam giác, bên trong được thêu họa tiết Yungdrung, và phía trên mỗi hình tam giác là một bộ họa tiết hoa và cành cây. Ngoài ra, còn có những chiếc tạp dề được thêu nhiều họa tiết khác nhau theo sở thích cá nhân.

Giày ủng

Trước đây, người dân thường đi dép cỏ hoặc giày vải thêu hoa. Hiện nay, phần lớn họ sử dụng giày vải hoặc giày da mua từ chợ.



306 Trang Phục Tây Tạng IV

Trang sức

Tai thường đeo khuyên vàng, cổ tay đeo vòng bạc. Ở bên trái thắt lưng thường mang túi kim chỉ bằng vải có thêu hoa văn đa dạng, cùng với túi thuốc lá có tua ngắn ở đầu. Ngoài ra, họ không sử dụng quá nhiều trang sức khác. Khu vực Ngư Thông là một điểm quan trọng trên tuyến Trà Mã cổ đạo. Trong quá trình biến đổi lịch sử và thăng trầm thời đại, khu vực này ít chịu ảnh hưởng rõ rệt từ văn hóa bên ngoài, vì vậy trang phục truyền thống vẫn được bảo tồn cho đến ngày nay. Đặc biệt, kỹ thuật thêu của họ rất tinh xảo và đã được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp tỉnh. Những bộ trang phục này không chỉ thể hiện trí tuệ của người dân địa phương trong việc thích nghi với đời sống miền núi, mà còn lưu giữ và phản ánh những phong tục tập quán đặc sắc của cộng đồng.





CHƯƠNG II

བོད་དམག་པའི་གོས་རྒྱན།

TRANG PHỤC DÂN TỘC TÂY TẠNG BẠCH MÃ

16

བོད་དམག་སྤྱི་མའི་གོས་ཆྱག།

TRANG PHỤC NỮ GIỚI BẠCH MÃ





1 ཟ་ནག
Sa-na

2 མགོ་དཀྱིས།
Khăn đội đầu

3 ཡ་ཨན།
Á-an

4 ཟ་དཀར།
Sa-ca

5 རྣ་ཡོ།
Nạp-ước

6 རྐེ་ཐག ཀོ་ཐོ།
Cấp-đột/Quả đột

7 ཁབ་སྦུར།
Ba lỗ vai

8 ཀེར་ཅ།
Cách-nhật-gia

9 ལུ་རིང་།
Áo dài

10 སྐུ་རགས། རྩ་ལེ།
Cách-nha/Thác-loại

11 པ་ཀྱི།
Bạch-chiết

12 དུ་ཁུག
Túi thuốc

13 ཡ་ཚོ།
Nhã-ốc

Người Tạng Bạch Mã chủ yếu sinh sống tại khu vực lưu vực sông Bạch Thủy, bao gồm huyện Bình Vũ và khu Hạ Đường của huyện Cửu Trại Câu thuộc tỉnh Tứ Xuyên, cùng khu vực huyện Văn của tỉnh Cam Túc. Ngoài ra, còn có một số ít dân cư phân bố rải rác ở các huyện Tùng Bàn, Vũ Đô và Chu Khúc.

Trong ngôn ngữ của người Tạng Bạch Mã, từ "Ước-ca" có nghĩa là thung lũng. Các khu vực cư trú chính của họ bao gồm Đạt-bố-ước-ca, Tháp-ca-ước-ca và Cái-nhật-ước-ca. Những khu vực này có địa hình cao và hiểm trở, nhiều khe suối sâu, thảm thực vật phong phú và môi trường sinh thái đa dạng, phức tạp. Độ cao trung bình khoảng hơn 1.800 mét so với mực nước biển. Khí hậu nơi đây ôn hòa, ẩm ướt, thuộc kiểu khí hậu gió mùa cận nhiệt đới và khí hậu núi cao.

Nhiều người dân địa phương tự nhận mình là hậu duệ của những người lính trấn giữ biên cương thời Thổ Phồn , phần lớn theo tín ngưỡng Bôn giáo nguyên thủy. Theo truyền thuyết, họ từng chiếm giữ các vị trí núi cao hiểm trở trong các cuộc chiến với ngoại tộc, sau đó dần dần định cư lâu dài tại đây, lấy săn bắn và nông nghiệp làm phương thức sinh kế chính. Lối sống này được duy trì liên tục cho đến ngày nay. Môi trường địa lý – sinh thái đặc thù, lịch sử và văn hóa lâu đời, cùng quá trình giao lưu và hòa nhập dân tộc trong thời gian dài đã cùng nhau hình thành nên nền văn hóa trang phục độc đáo, rực rỡ và mang tính thẩm mỹ cao của người Tạng Bạch Mã. Năm 2017, trang phục của người Bạch Mã đã được đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cấp tỉnh của tỉnh Cam Túc.

Trang phục nữ của người Bạch Mã phân bố tại hai tỉnh và ba huyện, mặc dù có một số khác biệt nhỏ về mũ đội đầu, cách cắm lông vũ, cũng như tên gọi và ý nghĩa biểu tượng của các bộ phận trang phục, nhưng về kiểu dáng tổng thể, màu sắc và cấu trúc thì cơ bản là thống nhất. Vì vậy, bài viết này sẽ trình bày và phân tích chúng theo cách tổng hợp chung.

Toàn bộ bộ trang phục bao gồm mũ sa-ca, áo ghi-lê, cách-nhật-gia, thắt lưng, đai quấn eo, xà cạp, giày ủng, cùng các loại y phục khác; bên cạnh đó còn có các phụ kiện như đồ đội đầu, hoa tai, các miếng trang sức hình xương cá, thắt lưng gắn đồng tiền và túi thuốc lá.



Kiểu tóc

Phụ nữ tết tóc thành ba lọn, với một kiểu tết địa phương gọi là “Á-an” được thêm vào cuối. Á-an là kiểu tết ba lọn làm bằng len đỏ, được trang trí bằng khoảng bảy đồ trang sức hình xương cá tròn. Búi tóc buông xuống phía sau, và họ đội mũ sa-ca. Một số phụ nữ thêm những hạt cườm màu sắc rực rỡ vào búi tóc có đồ trang sức xương cá, sau đó cuộn búi tóc trên đỉnh đầu, với hai đầu buông xuống hai bên thái dương. Đồ trang sức trên tóc của người lớn tuổi thì khác. Họ đội một chiếc mũ vải đen gọi là “sơn-tỉ”, với một nút thắt rỗng được dệt từ dây thừng đỏ ở trên đỉnh. Một chiếc khăn trùm đầu dài màu đen được quấn quanh mũ sơn-tỷ cùng với búi tóc đã được trang trí sẵn. Khi không quấn khăn trùm đầu, búi tóc chỉ đơn giản được cuộn trên mũ sơn-tỷ.



Trang phục nữ giới Bạch Mã 315









Mũ Sa-ca

Tương truyền, phụ nữ xưa thường đội mũ nỉ đen gọi là “sa-da”. Ban đầu, chỉ đàn ông mới đội mũ sa-da, nhưng sau này kiểu mũ này trở nên phổ biến trong giới nữ. Ngày nay, một số người ở vùng Cửu Trại Câu vẫn đội mũ nỉ đen vành cong lên, trang trí bằng xương cá ở phía trước. Phụ nữ ở các huyện Văn và Bình Vũ chủ yếu đội mũ nỉ trắng làm bằng lông dê, gọi là “sa-ca” trong tiếng địa phương, “sa” nghĩa là mũ. Mũ sa-ca có dáng thấp, đường kính khoảng 15 cm, vành rộng khoảng 3 cm, hình dáng như lá sen. Mũ sa-ca hiện nay cũng rất phổ biến ở vùng Cửu Trại Câu.



Để làm mũ sa-ca, trước tiên, trải lông dê xuống đất và dùng một que gỗ mỏng đập và chải nhiều lần với lực vừa phải. Sau đó, ghép nhiều thanh tre mỏng lại với nhau thành một tấm chiếu tre và trải xuống đất. Trải đều lông dê lên chiếu, cuộn lại dọc theo mép và buộc chặt hai đầu bằng dây thừng mỏng. Đổ nước sôi lên và cán mỏng khi nước vẫn còn nóng. Đây là quá trình làm cho lông dê mềm và se lại. Sau khi cán khoảng mười phút, lại đổ nước sôi lên và lặp lại quá trình này cho đến khi lông mềm và se lại tốt. Cuối cùng, phơi lông mềm dưới ánh nắng mặt trời cho khô.

Khi tạo hình mũ, người ta đặt vải nỉ lên một khuôn gỗ tròn cao khoảng ba centimet, và dùng một viên đá hình bán nguyệt gõ liên tục vào mép khuôn cho đến khi thân mũ định hình. Sau khi thân mũ được định hình, phần đáy được cố định bằng sợi chỉ trắng dày bằng những mũi khâu dài. Tiếp theo, thân mũ cần được đánh bóng. Đầu tiên, người ta đánh bóng nhiều lần bằng đá mài thô cho đến khi đạt được độ nhẵn nhất định, sau đó dùng đá mài mịn hơn, và cuối cùng là đá mài tinh xảo. Quá trình đánh bóng kéo dài tạo ra bột trắng, và việc đánh bóng tiếp tục cho đến khi bề mặt cứng và nhẵn. Sau khi đánh bóng, vành mũ được cắt thành hình tròn, tạo ra hai mươi bốn nếp gấp giống như gợn sóng nước. Để tránh vải nỉ bị sờn ở mép vành, người ta khâu chặt bằng chỉ trắng. Sau đó, người ta quấn sợi màu đỏ, xanh đậm hoặc các màu khác quanh phần đáy của thân mũ, với những đoạn sợi ngắn buông xuống hai bên hoặc phía sau. Ngày nay, để làm



cho mũ chắc chắn, trắng sáng và chống thấm nước mưa, toàn bộ bề mặt được phủ một lớp thạch cao trắng hoặc bột talc sau khi mũ được tạo hình hoàn chỉnh. Tại huyện Văn, người ta thường thêu các họa tiết trang trí như hoa móng gà và hoa quạt lên thân mũ bằng chỉ đỏ và đen. Kỹ thuật làm mũ này đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp tỉnh của tỉnh Tứ Xuyên.

Điểm độc đáo của chiếc mũ sa-ca nằm ở những chiếc lông vũ trang trí. Phụ nữ ở vùng Cửu Trại Câu cài hai chiếc lông vũ vào giữa phía trước mũ. Phụ nữ ở vùng Văn và Bình Vũ cài một chiếc lông vũ ở mỗi bên mũ, hoặc một chiếc ở một bên và hai chiếc ở bên kia, tổng cộng ba chiếc lông vũ, theo nhiều cách khác nhau. Một số người còn trang trí thêm bằng một hoặc hai chiếc lông gà lôi vàng; hoặc họ đội cả một chiếc lông còn nguyên da ở sau gáy gà lôi vàng. Lông cổ gà lôi vàng có thể được đội riêng hoặc kết hợp với một cặp lông vũ trắng để trang trí.

Việc sử dụng lông vũ để trang trí không chỉ đơn thuần vì mục đích thẩm mỹ mà còn mang ý nghĩa lịch sử và văn hóa sâu sắc. Ở vùng Bạch Mã thuộc Tây Tạng, lông vũ không chỉ được dùng để trang trí mũ của binh lính Tây Tạng mà còn thường được dùng để trang trí cổng và mái nhà bằng lông vũ hoặc hình ảnh gà trống trắng. Có một số câu chuyện dân gian giải thích cho phong tục này: Thứ nhất, khoảng thế kỷ thứ bảy, vào một buổi sáng khi lính biên phòng Tây Tạng bị quân địch phục kích, tiếng gáy vang dội của một con gà trống đã đánh thức họ, cứu họ khỏi tai họa. Để bày tỏ lòng biết ơn, họ đã trang trí mũ của mình bằng lông gà trống. Thứ hai, trong các cuộc chiến tranh trước đây, binh lính đã sử dụng lông vũ trên mũ để phân biệt bạn bè và kẻ thù, dùng chúng như một dấu hiệu nhận dạng. Thứ ba, những người lính trở về chiến thắng từ vùng Nhược Nhĩ Cái đã đội lông vũ trên mũ, một phong tục được người dân địa phương tiếp tục duy trì. Thứ tư, một thủ lĩnh địa phương đã bị quân địch bắt giữ và giam cầm; những chiếc lông vũ đang cháy của một con gà trống trắng phát ra ánh sáng, giúp ông ta thoát khỏi bóng tối trong ngục giam, và người dân đã đội lông vũ để bày tỏ lòng biết ơn đối với con gà trống này.

Ngày nay, tục lệ đeo chuông nhỏ hoặc cài hoa vào mũ sa-ca cũng đang dần trở nên phổ biến. Khi đội, phụ nữ thường nghiêng mũ sang phải, nghiêng sang trái hoặc đội thẳng tùy theo sở thích cá nhân. Không giống như hầu hết các loại mũ Tây Tạng khác, dây mũ không buộc ở cằm mà buộc ở phía sau đầu. Khi cất giữ, mũ và lông vũ cần được để riêng, và thường có một chiếc ghim cài vào mũ để cố định lông vũ khi đội mũ sa-ca.



Áo ghi-lê

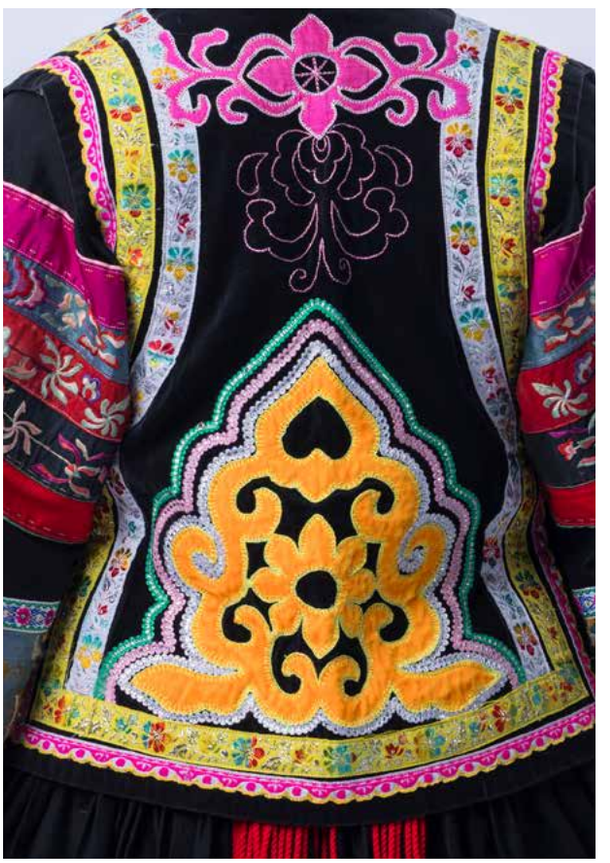
Áo ghi lê mặc ở thân trên tại địa phương được gọi là “khảm-giáp-tử”, phần lớn được làm từ vải đen hoặc gấm xanh lam, thông thường được mặc phối cùng với “cách-nhật-gia”. Cổ áo, mép vạt, vòng nách và gấu áo của áo ghi lê truyền thống không có viền hoặc chỉ có khoảng ba đường viền; ngày nay thì sử dụng kỹ thuật viền nhiều lớp, đồng thời tại các vị trí như vòng nách và mép vạt còn thêu nhiều hoa văn hoa lá khác nhau.

Ở huyện Văn, chính giữa mặt sau của áo ghi-lê được khâu bốn mảnh vải hình tam giác, sắp xếp đối xứng với phần đỉnh hướng vào nhau. Bên trong các hình tam giác thêu hoa văn “thạch-bạch-như” tượng trưng cho đôi cánh cùng các họa tiết hoa lá khác, tượng trưng cho ánh sáng của mặt trời. Một góc của các hình tam giác này được nối chéo với nhau bằng các đường chỉ màu khác nhau, hoặc tại trung tâm của bốn hình tam giác sẽ khâu thêm một mảnh vải hình vuông,

bốn góc của hình vuông đối diện với một góc của bốn hình tam giác. Tại hai bên phần bả vai lấy vải màu đỏ sẫm làm nền, mỗi bên thêu khoảng ba vòng họa tiết hình tròn dạng gợn sóng nước, tượng trưng cho mặt trăng. Mép trước của áo dùng hai loại chỉ màu để thêu hoa văn những vòng tròn nhỏ nổi lên, tượng trưng cho các vì sao. Phía sau áo ghi-lê, từ bên dưới cổ áo có khâu thêm dải vải hình tam giác ngược khá dài màu đen hoặc đỏ làm trang trí, mang ý nghĩa tượng trưng liên quan đến đặc trưng nam tính và sự sinh sôi nảy nở.

Vào mùa thu và mùa đông, người ta mặc loại áo khoác có tay được địa phương gọi là “tri-ước-tử”, kỹ thuật chế tác và phong cách trang trí của nó tương tự như áo ghi lê. Cho đến nay, hình dáng của áo ghi lê và áo khoác hầu như không có thay đổi lớn, nhưng màu sắc và hoa văn đã chuyển biến từ phong cách giản đơn trước đây sang phong cách hiện nay với màu sắc rực rỡ hơn và hoa văn phong phú hơn.







Cách-nhật-gia

Trên người mặc trang phục nhiều nếp gấp được địa phương gọi là cách-nhật-gia khác với các loại trang phục Tây Tạng khác, không sử dụng kiểu vạt chéo mà dùng kiểu đối khâm; phần đối khâm chồng lên nhau ở eo, sau khi vạt phải hoặc vạt trái phủ lên thì quấn lại quanh người. Cách-nhật-gia phần lớn lấy màu đen hoặc đỏ làm màu nền, tại hai phần bắp tay có các mảnh vải màu sắc khác nhau được nối liên tiếp, tượng trưng cho sự nhiều màu sắc; phía sau thân váy có hai mươi bốn nếp gấp, tượng trưng cho hai mươi bốn tiết khí. Cổ áo, tay áo và gấu áo được trang trí bằng lụa và vải có màu sắc phong phú và mang ý nghĩa văn hóa. Tương truyền rằng hoa văn thêu và sự phối hợp màu sắc mang ý nghĩa cát tường.





Khu vực Bình Vũ và huyện Văn còn có một kiểu khác, trên cách-nhật-gia dùng các loại vải khác nhau để may ve lật. Trước đây, ở chính giữa tà sau của cách-nhật-gia từng treo xương cá dẹt làm đồ trang trí, phía dưới có gắn vài tua rua, nhưng hiện nay kiểu trang trí này đã rất hiếm gặp.



Trước đây, cách-nhật-gia là trang phục mặc hằng ngày, nhưng hiện nay chủ yếu được dùng trong lễ phục và biểu diễn văn nghệ. Ngoài những người cao tuổi trên sáu mươi tuổi, hiện nay rất khó bắt gặp người mặc hằng ngày. Khi mặc, phần đối khâm được quấn khép ở phía trước eo. Khi cất giữ, trang phục này có cách gấp đặc biệt: lật mặt trái của cách-nhật-gia ra ngoài, hai người mỗi người giữ phần eo và gấu áo, cẩn thận chỉnh các nếp gấp ngay ngắn thẳng hàng, sau đó gấp đôi từ gấu áo lên phía cổ áo hai lần, rồi dùng tay áo bọc phần thân chính vào bên trong.





Trước đây, cách-nhật-gia chủ yếu được làm từ lông cừu hoặc vải lanh. Do dưới chân đi ủng Tây Tạng nên váy rất ngắn, chiều dài chỉ đến đầu gối. Ngày nay, sau khi nối thêm từ một đến ba lớp vải ở phần gấu váy thì chiều dài đã dài hơn, chất liệu cũng trở nên đa dạng hơn, gồm các loại như vải, sa tanh, dạ và nhiều chất liệu khác. Vào mùa xuân và mùa hè, người ta mặc những loại cách-nhật-gia màu trắng, mỏng nhẹ; còn vào mùa thu và mùa đông thì mặc các kiểu dày nặng được làm từ thảm lông và các chất liệu tương tự. Trong điều kiện giá rét khắc nghiệt, người ta sẽ mặc ba đến bốn lớp cách-nhật-gia, bên ngoài khoác áo ghi lê da dê, nhưng hiện nay quần áo làm từ da thú và quần áo có viền da thú gần như đã không còn thấy nữa. Ngoài ra, phụ nữ lớn tuổi sẽ mặc áo dài màu xanh lam, kiểu vạt chéo, xẻ hai bên eo, hình dáng tương tự áo dài của phụ nữ Kim Xuyên, thường phối mặc cùng áo ghi lê màu đen.



Thắt lưng

Thắt lưng trong tiếng địa phương được gọi là “cách-nhạ” hoặc “thạc-loại”. Trước đây, chúng được làm từ len cừu địa phương. Ngày nay, phụ nữ thường mua các loại sợi len nhiều màu ngoài chợ rồi dùng năm, sáu màu khác nhau để dệt trên khung dệt đai lưng thành loại thắt lưng rộng khoảng một gang tay với hoa văn rực rỡ đa dạng. Một đầu thắt lưng có vòng khóa, đầu còn lại là dây buộc; khi sử dụng, hai đầu được nối lại và buộc quanh eo. Ở khu vực Cửu Trại Câu, người ta thường dùng loại thắt lưng dệt bằng len đỏ. Gần đầu vòng khóa có chùm tua len đỏ dài, khi đeo sẽ để rủ xuống phía sau lưng. Việc thắt loại đai lớn này không chỉ giúp giữ ấm mà còn có tác dụng cố định trang phục nhiều nếp gấp và tăng tính trang trí. Trong sinh hoạt thường ngày, người dân thường sử dụng loại thắt lưng đỏ đơn giản hơn. Hiện nay, kỹ nghệ dệt thắt lưng hoa của người Tạng Bạch Mã đã được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể của thành phố Miên Dương.



Đai quấn eo

Đai quấn eo trong tiếng địa phương được gọi là “bạch-chiết”. Trước kia, phụ nữ mặc loại tạp dề màu trơn như xanh lam hoặc đen, không có trang trí. Ngày nay, chất liệu, màu sắc và hoa văn trang trí đã trở nên phong phú hơn. Tại khu vực Cửu Trại Câu, phụ nữ thường đeo tạp dề đen viền xanh lam. Phía trên đai quấn eo may hai dải vải trắng buông tự nhiên xuống, trên dây có thêu hoa văn hoa lá. Ở các khu vực khác, người ta sử dụng tạp dề trắng có viền hoặc đai quấn eo phổ-lỗ hoa văn, trong đó một số loại còn đính tua rua. Các dây buộc của những loại tạp dề này thường được thắt nút phía sau eo, hai đầu buông tự nhiên xuống dưới.





Trang phục nữ giới Bạch Mã 331

Xà cạp

Khi đi vào nơi cây cối rậm rạp, để bảo vệ cẳng chân khỏi bị thương, phụ nữ sẽ quấn quanh bắp chân loại vải trắng địa phương gọi là “ốc-giác”.

Giày ủng

Người dân mang giày cỏ thủ công làm từ vỏ cây liễu hoặc các vật liệu tương tự; hoặc đi loại ủng Tây Tạng địa phương gọi là “nhã-ốc”. Đế ủng làm bằng da, còn cổ ủng được dệt từ sợi lanh hoặc lông dê núi.

Ngoài ra, họ cũng có thể mang giày vải mũi tròn đế bằng, trên mặt giày thêu các họa tiết hoa như hoa mẫu đơn.









Trang sức

Bên tai đeo loại khuyên bạc địa phương gọi là “nạp-ước”. Trước ngực treo món trang sức gọi là “cấp-đột/quả-đột”, được kết từ ba đến năm đoạn xương cá hình chữ nhật xếp dọc từ trên xuống dưới. Một số kiểu còn đính khoảng bảy vỏ sò ở phía trên. Tại khuy cổ bên phải của áo ghi-lê treo một ống cắm kim thêu hoa văn, còn bên trái treo tăm xỉa răng bằng xương. Đôi khi người ta cũng đeo ống cắm kim ở giữa tà sau của trường bào cách-nhật-gia



hoặc áo ghi-lê. Quanh eo thắt loại đai tiền đồng dài gọi là “đa-thượng”, có thể quấn quanh eo khoảng năm vòng; hoặc dùng dây lưng chuỗi hạt gọi là ca-địa. Hai bên hông mỗi bên đều đeo một túi thuốc lá. Bề mặt túi trang trí hoa văn, phía dưới đính tua chuỗi hạt. Tương truyền trước kia túi chủ yếu dùng để đựng tẩu hút thuốc và thuốc lá. Ngoài những món kể trên, người dân thông thường không đeo thêm các loại trang sức khác.







Nội dung văn hóa liên quan đến trang phục địa phương vô cùng phong phú. Trong bài dân ca tình yêu nam nữ mang tên "*Cô gái xinh đẹp*" có đoạn hát:

Cái gì đẹp nhất trên đầu cô gái?

Đẹp nhất là chiếc mũ trắng trên đầu cô gái.

Trên mũ trắng cái gì đẹp nhất?

Đẹp nhất là chiếc lông trắng trên mũ.

Dưới lông trắng cái gì đẹp nhất?

Đẹp nhất là chiếc lông đỏ dưới lông trắng.

Dưới lông đỏ cái gì đẹp nhất?

Đẹp nhất là chuỗi hạt dưới lông đỏ.

Dưới chuỗi hạt cái gì đẹp nhất?

Đẹp nhất là đôi khuyên tai dưới chuỗi hạt.



Trang phục nữ giới Bạch Mã 335

Dưới khuyên tai cái gì đẹp nhất?

Đẹp nhất là vỏ sò dưới khuyên tai.

Dưới vỏ sò cái gì đẹp nhất?

Đẹp nhất là xương cá dưới vỏ sò.

Dưới xương cá cái gì đẹp nhất?

Đẹp nhất là "thác-loại" dưới xương cá.

Dưới Thạc Loại cái gì đẹp nhất?

Đẹp nhất là đai "đa-thượng" dưới thác-loại.

Dưới đa-thượng cái gì đẹp nhất?

Đẹp nhất là dây "ca-địa" dưới đa-thượng.

Dưới ca-địa cái gì đẹp nhất?

Đẹp nhất là "bạch-chiết" dưới ca-địa.

Dưới bạch-chiết cái gì đẹp nhất?

Đẹp nhất là "ốc-giác" dưới bạch-chiết.

Dưới ốc-giác cái gì đẹp nhất?

Đẹp nhất là "nhã-ốc" dưới ốc-giác.

Bài tình ca này đã khắc họa đầy đủ cách ăn mặc của người phụ nữ từ đầu đến chân, thể hiện vẻ đẹp hài hòa và giàu tính thẩm mỹ của trang phục truyền thống.

Trong truyền thuyết dân gian địa phương còn có câu chuyện nổi tiếng về vị anh hùng "A Ni Ca Tát". Bộ trang phục này cũng được cho là y phục của người vợ ông — Trú Thập Mẫu.

Trang phục phụ nữ Bạch Mã phản ánh nhiều yếu tố như tín ngưỡng sùng bái tự nhiên, biến thiên lịch sử và lối sống nông nghiệp, đồng thời thể hiện nét đẹp độc đáo của họ về thẩm mỹ, kỹ nghệ thủ công và văn hóa truyền thống.



Trang phục nữ giới Bach Mã 337

17

བོད་དམག་སྒྱེས་པའི་གོས་ཆྱག།

TRANG PHỤC NAM GIỚI BẠCH MÃ





1 ཞྭ་དཀར། Sa-ca

2 གེར་ཅ། Cách-nhật-gia

3 སྐུ་རགས། Cách-nha

4 གསེར་ལྷུག་ཀྱུ། Sắc-cát-cách

5 དུ་ཁྲན། Túi thuốc

6 ཡ་ཕྱོ། Giày Tạng

Người Tạng Bạch Mã chủ yếu sinh sống tập trung ở khu vực giáp ranh giữa tỉnh Tứ Xuyên và Cam Túc. Tương truyền họ là hậu duệ của những binh lính Tây Tạng thời Thổ Phồn từng được phái đi trấn giữ biên cương. Khu vực này có độ cao trung bình hơn 1.800 mét so với mực nước biển, thuộc kiểu khí hậu gió mùa cận nhiệt đới kết hợp khí hậu miền núi. Phương thức sinh sống chủ yếu là nửa nông nghiệp, nửa chăn nuôi. Trang phục nam giới Bạch Mã vừa giữ lại những đặc trưng cơ bản của y phục dân tộc Tạng, vừa hình thành phong cách địa phương rất riêng do ảnh hưởng của điều kiện địa lý và lối sống đặc thù.

Một bộ trang phục hoàn chỉnh gồm có mũ sa-ca, áo trên, trường bào, thắt lưng, quần, xà cạp, giày dép cùng các phụ kiện như đai đồng, túi thuốc lá…



Trang phục nam giới Bạch Mã 341

Mũ sa-ca

Mũ sa-ca là phần đặc sắc nhất trong trang phục nam giới. Cách chế tác tương tự mũ sa-ca của nữ giới, nhưng điểm khác biệt là trên đỉnh mũ chỉ cắm một đến hai chiếc lông dài khoảng một gang tay. Điều này tượng trưng cho sự anh dũng, quả cảm cùng phẩm chất thông minh, chính trực của nam giới người Tạng Bạch Mã. Cũng có kiểu cắm một hoặc hai chiếc lông gà lôi, hoặc đồng thời cắm cả lông nguyên phần gáy của gà lôi còn dính da cùng những chiếc lông gà trắng dài. Ở khu vực huyện Văn, trên thân mũ còn vẽ các hoa văn như hoa hình quạt và hoa hình móng gà; phần đáy mũ quấn sợi len màu đen và hồng. Loại mũ này có thể đội cả mùa đông lẫn mùa hè. Khi đội có thể nghiêng sang một bên hoặc đội thẳng, dây mũ thường buộc phía sau đầu. Tại khu vực Cửu Trại Câu còn có loại mũ nỉ màu trắng với vành cong vểnh lên, hình dáng rất giống mũ nam ở vùng Công Bố của Tây Tạng, chỉ khác đôi chút về độ cao của vành mũ.





Trang phục nam giới Bạch Mã 343

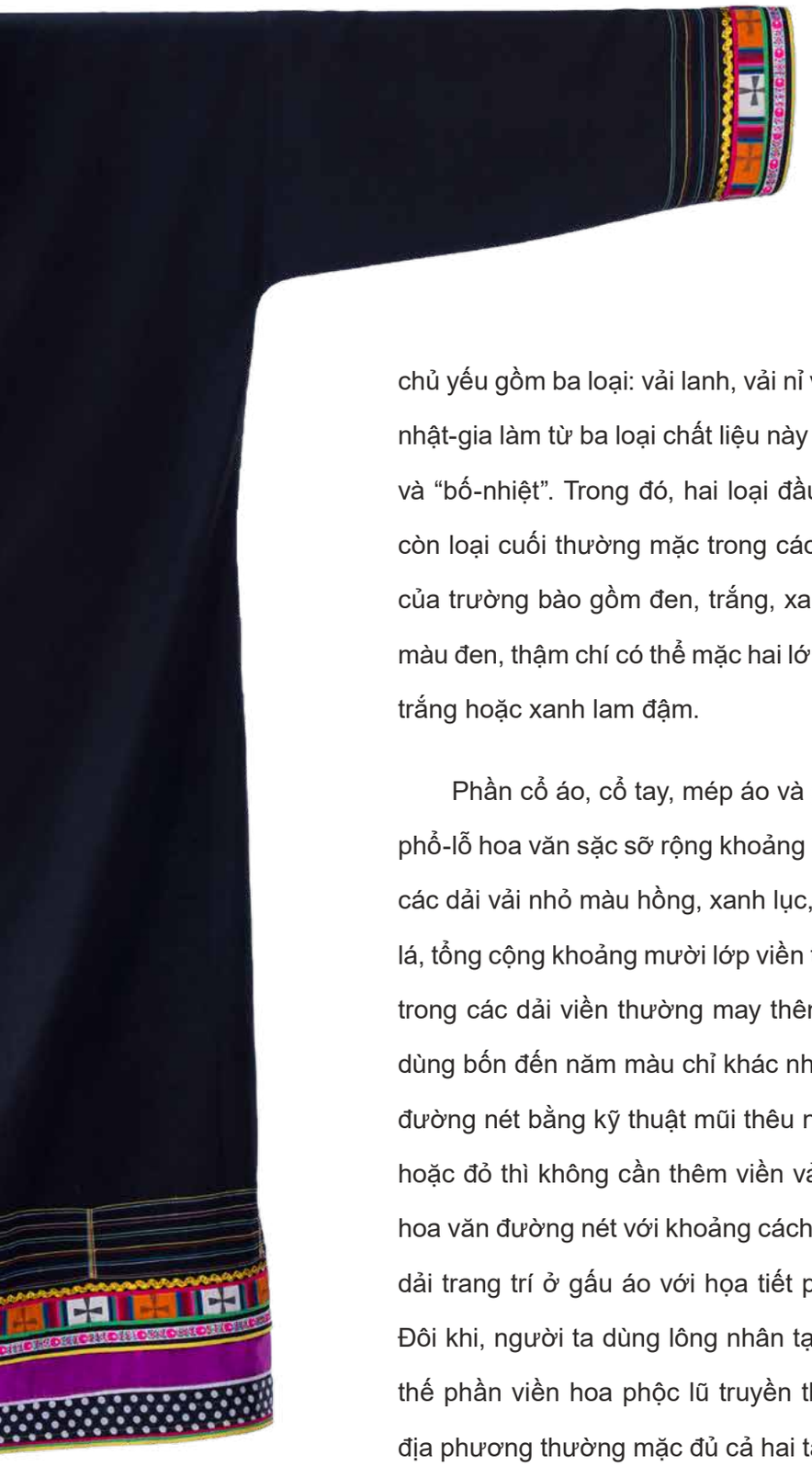


Áo trên

Phần thân trên mặc áo sơ mi trắng cài giữa và áo ghi-lê màu đen. Khi lao động hoặc đi săn, người ta thường mặc kiểu áo đơn sắc có thiết kế giản dị này. Vào mùa đông, họ mặc áo ghi-lê dày làm từ da cừu. Trước đây nam giới còn có tập quán mặc thêm áo ghi-lê bên ngoài trường bào, nhưng ngày nay điều này đã trở nên hiếm thấy.

Trường bào

Trường bào của nam giới người Tạng Bạch Mã địa phương được gọi là “cách-nhật-gia”. Kiểu dáng nhìn chung tương tự trường bào ở các vùng Tạng khác, nhưng do sinh sống tại khu vực khí hậu ấm áp, rừng núi rậm rạp và trước kia thường phải tham gia chiến đấu, nên cách-nhật-gia có thiết kế ngắn gọn hơn áo Tạng thông thường. Áo không cần vén lên rồi mới thắt dây lưng như kiểu áo Tạng phổ biến, mà có thể trực tiếp buộc đai quanh eo. Tay áo chỉ dài tới cổ tay để thuận tiện cho lao động và di chuyển. Chất liệu địa phương



chủ yếu gồm ba loại: vải lanh, vải nỉ và vải dệt thông thường. Những chiếc cách-nhật-gia làm từ ba loại chất liệu này lần lượt được gọi là "sách-nhiệt", "da-nhiệt" và "bố-nhiệt". Trong đó, hai loại đầu chủ yếu dùng làm trang phục hằng ngày, còn loại cuối thường mặc trong các dịp lễ hội và nghi thức trọng đại. Màu sắc của trường bào gồm đen, trắng, xanh lam đậm… Vào mùa đông chủ yếu mặc màu đen, thậm chí có thể mặc hai lớp; mùa hè thường mặc trường bào đơn màu trắng hoặc xanh lam đậm.

Phần cổ áo, cổ tay, mép áo và gấu áo của trường bào được viền bằng dải phổ-lỗ hoa văn sặc sỡ rộng khoảng 3–5 cm. Hai bên dải viền này còn đính thêm các dải vải nhỏ màu hồng, xanh lục, vàng cùng những dải vải thêu hoa văn hoa lá, tổng cộng khoảng mười lớp viền trang trí. Đối với trường bào màu trắng, phía trong các dải viền thường may thêm mép vải đen. Trên nền vải đen, người ta dùng bốn đến năm màu chỉ khác nhau để thêu khoảng năm tầng hoa văn dạng đường nét bằng kỹ thuật mũi thêu ngắn dày đặc. Còn với trường bào màu đen hoặc đỏ thì không cần thêm viền vải đen mà trực tiếp thêu khoảng mười tầng hoa văn đường nét với khoảng cách nhỏ hơn. Một số trường bào còn tăng thêm dải trang trí ở gấu áo với họa tiết phối hợp màu hồng cùng đen trắng xen kẽ. Đôi khi, người ta dùng lông nhân tạo mô phỏng da rái cá hoặc da báo để thay thế phần viền hoa phộc lũ truyền thống. Về thói quen mặc trang phục, người địa phương thường mặc đủ cả hai tay áo; họ không có tập quán cởi tay áo phải hoặc tháo cả hai tay áo rồi buộc quanh eo như ở một số vùng Tạng khác.



Thắt lưng

Thắt lưng địa phương có bản khá rộng, hai đầu đính tua rua, chiều dài khoảng 3,5 mét. Màu sắc gồm đỏ, đen, xanh lam, xám…Trước đây, thắt lưng được dệt bằng lông cừu; ngày nay phần lớn sử dụng các loại vải mua ngoài chợ để chế tác. Khi thắt, người ta thường quấn dây quanh eo hai vòng rồi buộc nút phía sau lưng, để hai đầu dây buông dài tự nhiên phía sau.

Quần dài

Trước kia, phần thân dưới mặc loại quần rộng may bằng vải lanh, vải bông và các chất liệu tương tự, kiểu dáng không khác nhiều so với quần thông thường. Hiện nay, họ chủ yếu mặc quần mua ngoài chợ.



Xà cạp & giày ủng

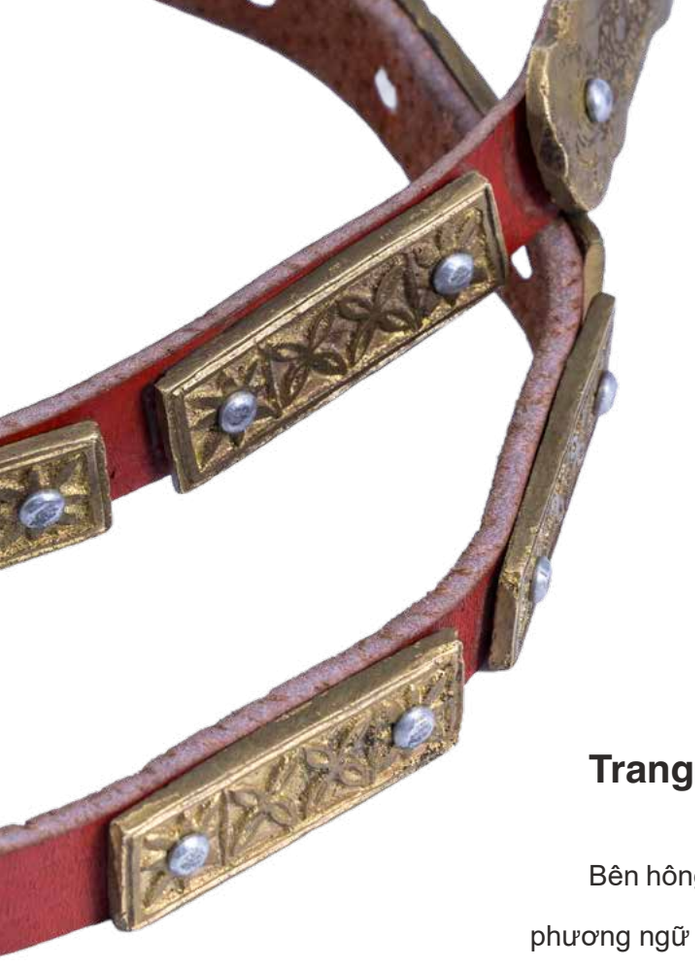
Người dân thường mang ủng Tây Tạng, giày gai thêu hoa hoặc dép cỏ. Đế ủng được làm từ da bò hoặc da lợn rừng; phần cổ ủng dùng vải lanh, nỉ hoặc vải bông chế tác, bên ngoài trang trí khoảng sáu dải vải ngang với màu sắc khác nhau. Vào mùa đông, họ sử dụng loại ủng có cổ bằng vải lanh hoặc nỉ, đế bằng da lợn rừng; mùa hè thì mang loại cổ bằng vải bông và đế bằng da bò. Giày gai thêu hoa có đế được đan bằng sợi gai dầu, dày và chắc chắn. Phần mũi giày được bện bằng dây gai hoặc chỉ bông, còn gót giày làm từ nhiều lớp vải bông và thêu hoa văn hoa lá. Loại giày này chủ yếu dùng trong những dịp mặc lễ phục trang trọng. Dép cỏ được đan từ vỏ cây liễu, cỏ áo tơi và các vật liệu tương tự, thường sử dụng vào mùa hè. Khi mang dép cỏ hoặc giày gai thêu hoa, người ta cần quấn thêm xà cạp bằng vải trắng hoặc len dệt quanh cẳng chân. Cách này giúp tránh bị gai bụi làm trầy xước khi đi trong rừng, đồng thời cũng có tác dụng giữ ấm. Ngày nay, ủng Tây Tạng chỉ còn được sử dụng khi biểu diễn điệu múa tế lễ "Trì Ca Trú". Giày gai thêu hoa và dép cỏ hầu như không còn ai mang nữa; nam giới hiện chủ yếu phối trang phục truyền thống với giày da hoặc giày vải mua ngoài chợ.



Khi biểu diễn điệu múa “Trì Ca Trú”, nam giới đội những chiếc mặt nạ cỡ lớn với đôi mắt lồi, nanh nhọn lộ ra ngoài; phía trên mặt nạ cắm lông gà lôi, lông trĩ cùng các vật trang trí hình quạt bằng giấy. Phần thân trên mặc áo da cừu hoặc áo lông nhân tạo với lớp lông quay ra ngoài, trên vai đeo chéo nhiều chiếc chuông lớn. Dưới chân đi ủng Tây Tạng địa phương, tay phải cầm đuôi bò yak, tay trái cầm trường đao bằng sắt hoặc gỗ. Các vũ công múa theo tiết tấu của trống và chũm chọe. Tương truyền rằng điệu múa này bắt nguồn từ nghi thức lên đồng trừ tà của tôn giáo nguyên thủy. Khi biểu diễn còn cần có hai nhân vật nữ gọi là “Tào Mẫu”, nhưng các vai này cũng do nam giới cải trang thành nữ đảm nhiệm.







Trang sức

Bên hông đeo loại đai đồng địa phương gọi là “sắc-cát-cách”. Trong phương ngữ địa phương, chữ “Sắc” mang nghĩa là đồng. Đai được làm trên nền da rộng khoảng hai ngón tay, phía trên gắn các miếng đồng thau hình chữ nhật xếp cách đều nhau. Mỗi miếng đồng dài khoảng năm ngón tay và được chạm khắc bốn hoa văn hình hoa Bên trái thắt lưng còn đeo túi thuốc lá. Thân túi được trang trí bằng các dải vải màu nằm ngang cùng hoa văn thêu, phía dưới đính ba chùm tua hạt cườm. Túi chủ yếu dùng để đựng tẩu hút thuốc và thuốc lá sợi. Phía bên phải eo trước kia còn treo túi da bò dùng để đựng cát sắt và thuốc súng, nhưng ngày nay vật dụng này hầu như đã rất hiếm gặp.





Những khu vực này lưu giữ bầu không khí văn hóa cổ xưa rất đậm nét. Trong nhiều hình thức văn hóa dân gian thần bí như truyền thuyết “A Ni Ca Tát”, điệu múa tế lễ “Trì Ca Trú”, hay “A Lý Cam Châu”, văn hóa trang phục hiện diện như linh hồn của đời sống tinh thần địa phương. Thông qua trang phục của người Bạch Mã, có thể thấy được đặc điểm sinh hoạt của nam giới địa phương trong chiến đấu, săn bắn và lao động, đồng thời cũng cảm nhận được quan niệm thẩm mỹ cùng hệ giá trị văn hóa của cư dân nơi đây.



352 Trang Phục Tây Tạng IV

CHƯƠNG III

ཞེར་སྒྲིག་དང་མདོ་གཤེས་ཀྱི་གོས་རྒྱན།

TRANG PHỤC DÂN TỘC TÂY TẠNG NHĨ TÔ, ĐA TỤC

18

ཞེར་སྒྲག་བྱད་མེད་ཀྱི་གོས་ཆུག།

TRANG PHỤC NỮ GIỚI NHĨ TÔ





1 ཝོ་ཛུ་ཇོ།
Vụ-giác

2 ཁྲང་ཁྲ།
Xương-tra

3 ལག་བསྒྲ།
Lạp-chí

4 ལོ་ཊེ་ཀ
La-tử-ca

5 རྡེན་ཝོས།
Dân-phác

6 ནཱ་ཞང་།
Nạp-nhĩ

7 ལེས་ཅོས།
Lệ-châu

8 ཁོ་སྦྱོད།
Khoát-đa

9 ལག་དཀྲི།
Lạp-trực

10 ལན་ཀོ་ར།
Lan-quả-nhĩ

11 ལེ་ཁ་ཙི།
Lặc-khoa-tử

12 ཝོ་ཝོ།
Bác-bác

13 ལ་ཐུ།
Lạp-thù

14 ཧེ་བཀར་ཏ།
Hắc-quản-đạt

15 ཐྲ།
Tra

16 ཟ་ཚེ།
Nhiễu-tài

Người Tạng Nhĩ Tô chủ yếu sinh sống phân tán tại các huyện Cam Lạc, Việt Tây, Miện Ninh, Mộc Lý thuộc châu tự trị Lương Sơn, tỉnh Tứ Xuyên, cùng các huyện Hán Nguyên và Thạch Miên thuộc thành phố Nhã An. Xét theo phân bố sông ngòi, họ chủ yếu cư trú ở lưu vực các sông Đại Độ, An Ninh và Nhã Lung. Những khu vực này có độ cao trung bình khoảng 2.200 mét so với mực nước biển, thuộc kiểu khí hậu miền núi lấy khí hậu gió mùa cận nhiệt đới làm nền tảng. Phương thức sinh sống của người dân chủ yếu là kết hợp nông nghiệp với chăn nuôi bán du mục.

Hiện nay họ tự gọi mình là "Nhĩ Tô", còn trước kia tự xưng là "Bố Nhật Tử". Trong các bài tụng tế lễ được truyền miệng cũng xuất hiện tên gọi này, mang ý nghĩa "những người tôn sùng màu trắng". Do người Nhĩ Tô xem màu trắng là màu đẹp nhất, nên trang phục truyền thống của họ lấy màu trắng làm tông chủ đạo, kết hợp thêm màu xanh lam và xanh lục. Hiện nay, trang phục truyền thống của người Tạng Nhĩ Tô đã được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cấp tỉnh của Tứ Xuyên.

Một bộ trang phục hoàn chỉnh bao gồm khăn đội đầu, áo sơ mi, khoát-đa, áo ghi-lê, váy, thắt lưng, quần, giày dép cùng nhiều loại trang sức như chuỗi hạt màu, tua bạc, la-chí, la-tử-ca, khuyên tai, lệ-châu, vòng tay, nhẫn, túi thơm và túi kim chỉ.





Khăn đội đầu

Trước đây, phụ nữ tết tóc thành một bím ba sợi, đan thêm dây màu đỏ hoặc xanh lục rồi để toàn bộ bím tóc buông xuống phía sau lưng. Trong sinh hoạt hằng ngày, họ thường cài một chiếc lược phía trên tai phải. Khi cần quấn loại khăn đội đầu địa phương gọi là “vụ-giác”, người phụ nữ sẽ chia tóc thành hai bím ba sợi rồi cuộn lên trên đầu. Sau đó, một đầu khăn rộng khoảng bốn ngón tay và dài hơn tám mét được đặt dọc trên đỉnh đầu, rồi quấn từng vòng chặt chẽ, ngay ngắn quanh đầu. Sau khi quấn xong, phần khăn dày khoảng năm ngón tay. Ngày nay, phụ nữ thường búi tóc ra sau đầu, không còn phải quấn khăn truyền thống theo cách cũ mà trực tiếp đội loại khăn làm sẵn tiện dụng hơn.



Về chất liệu khăn đội đầu, trước đây chủ yếu sử dụng vải bông, còn hiện nay đa phần được làm từ các loại vải mua ngoài chợ. Thông thường, phụ nữ trẻ đội khăn màu trắng, còn người lớn tuổi dùng khăn màu đen. Trong lễ cưới, cô dâu quấn khăn đen và bên trên đan thêm hoa văn lưới bằng sợi len đỏ để thể hiện nghi lễ truyền thống. Đôi khi, người lớn tuổi còn gấp khăn tay thành hình chữ nhật đặt trên đỉnh đầu rồi dùng khăn choàng quấn cố định bên ngoài.













Trang phục nữ giới Nhĩ Tô 363



Áo sơ mi

Bên trong thân trên mặc loại áo sơ mi địa phương gọi là “bác-bác”. Áo không có cổ, gấu áo dài quá eo và hai bên có xẻ tà. Tay áo được ghép từ nhiều mảnh vải màu khác nhau, kiểu dáng hơi ôm hẹp, chiều dài tới cổ tay. Phần gần khuỷu tay và cổ tay áo được trang trí bằng những hoa văn thêu tinh xảo. Trước đây áo chủ yếu được may bằng vải lanh hoặc vải bông, còn hiện nay phần lớn sử dụng vải lụa để chế tác.





Khoát-đa

Bên ngoài áo sơ mi còn mặc thêm lớp áo gọi là “khoát-đa”. Phần tà trước của áo ngắn hơn áo sơ mi một chút, còn tà sau dùng nguyên một tấm vải rộng khoảng ba gang tay buông tự nhiên xuống đến mắt cá chân. Khoát-đa không có cổ áo, cài vạt sang phải và xẻ tà hai bên khá cao. Tay áo ngắn và rộng, có cấu trúc cổ tay áo hai lớp. Lớp cổ tay ngoài được nối thêm vải để kéo dài đến gần khuỷu tay, nhằm làm lộ ra các hoa văn thêu trên tay áo sơ mi bên trong. Trên cổ tay ngoài còn may dải vải đỏ hoặc hồng rộng khoảng ba ngón tay; phía trên thêu các họa tiết hoa lá rộng khoảng hai ngón tay, kết hợp cùng các dải vải thêu nhỏ và dây màu hình sóng nước để trang trí. Cổ tay áo lớp trong thì giữa hai dải màu hình sóng nước lại trang trí thêm các dải vải thêu nhỏ; kiểu thức cụ thể thay đổi tùy theo sở thích từng người. Hai mép tà sau được viền vải đen, mép vải đen tiếp tục thêu hoa văn tinh xảo. Phần gấu áo còn có hai dải thêu ngang ở trên và dưới làm điểm nhấn trang trí. Về màu sắc, phụ nữ trẻ thường mặc khoát-đa màu trắng, trong khi người lớn tuổi chuộng màu xanh lam hoặc xanh lục hơn.



366 Trang Phục Tây Tạng IV



Áo ghi-lê

Loại áo ghi-lê địa phương gọi là “lặc-khoa-tử”, ngoài việc không có tay áo thì kiểu dáng khá giống áo sơ mi. Áo cài vạt sang phải, gấu áo dài đến ngang eo và hai bên có xẻ tà. Cổ áo và mép áo được trang trí viền rất tinh xảo. Từ ngoài vào trong lần lượt gồm; một dải viền vải đen rộng khoảng bốn ngón tay; hai dải vải thêu rộng khoảng một ngón tay; một dải ruy băng nhiều màu hình sóng nước; một dải vải thêu rộng khoảng ba ngón tay, trên đó thêu hoa văn “liên sơn”, bên trong lại thêu nhiều họa tiết hoa lá khác nhau bằng hơn mười loại chỉ màu. Người Nhĩ Tô có câu tục ngữ: “Không có thêu thì không thành áo.” Điều này cho thấy nghệ thuật thêu giữ vị trí rất quan trọng trong trang phục truyền thống của họ. Màu sắc áo ghi-lê chủ yếu là đỏ, đen, xanh lục và hồng. Tương truyền trước kia phụ nữ còn mặc các loại áo choàng có nếp gấp làm từ vải nỉ, áo ghi-lê dệt bằng lông bò yak hoặc áo ghi-lê bằng da dê, nhưng hiện nay đã hiếm thấy.



Ba món mặc ở thân trên gồm “bác-bác”, “khoát-đa” và “lặc-khoa-tử” được gọi chung là “bộ ba áo trên”. Ngày nay để thuận tiện khi mặc, có người may liền cả ba món thành một bộ nhưng vẫn giữ hình thức bên ngoài giống ba lớp áo riêng biệt.





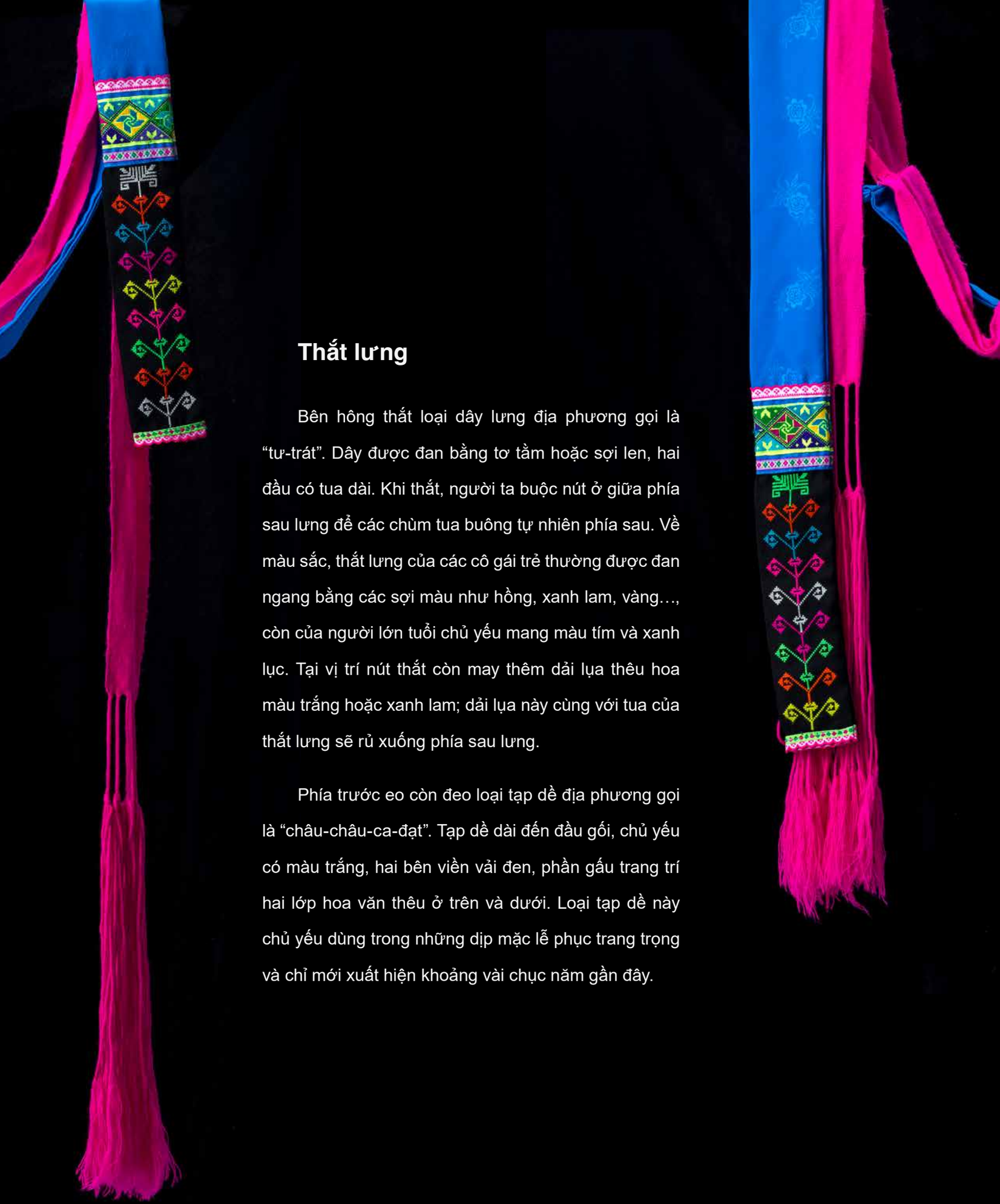
370 Trang Phục Tây Tạng IV



Váy

Váy trong tiếng địa phương được gọi là “Tra”, là loại váy nửa thân. Phần phía trên đầu gối được may bằng vải trơn một màu; phần từ đầu gối trở xuống được ghép từ nhiều dải vải màu khác nhau theo kiểu nối ngang hoặc đan xen dạng ô vuông, đồng thời tạo rất nhiều nếp gấp. Loại váy này không phân biệt tuổi tác, chủ yếu được mặc trong các dịp trang trọng như lễ cưới, còn ngày thường hầu như không mặc. Thông thường, các cô gái trẻ thích mặc váy có màu sắc rực rỡ, trong khi váy của người lớn tuổi mang gam màu nhã nhặn và giản dị hơn.





Thắt lưng

Bên hông thắt loại dây lưng địa phương gọi là “tư-trát”. Dây được đan bằng tơ tằm hoặc sợi len, hai đầu có tua dài. Khi thắt, người ta buộc nút ở giữa phía sau lưng để các chùm tua buông tự nhiên phía sau. Về màu sắc, thắt lưng của các cô gái trẻ thường được đan ngang bằng các sợi màu như hồng, xanh lam, vàng…, còn của người lớn tuổi chủ yếu mang màu tím và xanh lục. Tại vị trí nút thắt còn may thêm dải lụa thêu hoa màu trắng hoặc xanh lam; dải lụa này cùng với tua của thắt lưng sẽ rủ xuống phía sau lưng.

Phía trước eo còn đeo loại tạp dề địa phương gọi là “châu-châu-ca-đạt”. Tạp dề dài đến đầu gối, chủ yếu có màu trắng, hai bên viền vải đen, phần gấu trang trí hai lớp hoa văn thêu ở trên và dưới. Loại tạp dề này chủ yếu dùng trong những dịp mặc lễ phục trang trọng và chỉ mới xuất hiện khoảng vài chục năm gần đây.



Quần dài

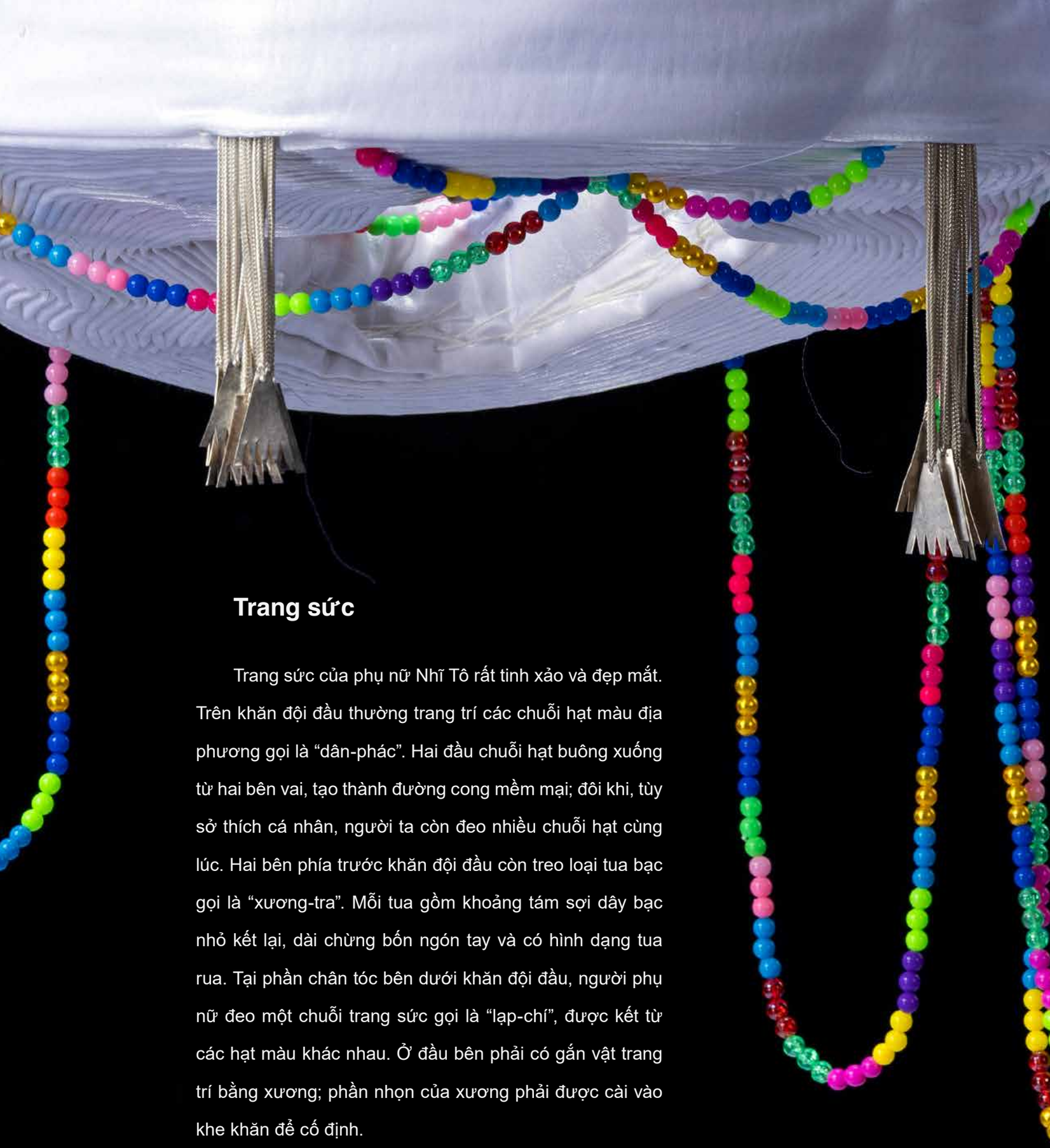
Quần trong tiếng địa phương được gọi là “nhiễu-tài”, là loại quần ống rộng. Phần gấu quần có hai lớp viền thêu trang trí ở trên và dưới, màu sắc chủ yếu là màu đen.

Giày ủng

Trước đây, người dân thường mang dép cỏ hoặc giày vải thêu hoa. Ngày nay, đa số sử dụng giày vải hoặc giày da mua ngoài chợ.



Trang phục nữ giới Nhĩ Tô 375



Trang sức

Trang sức của phụ nữ Nhĩ Tô rất tinh xảo và đẹp mắt. Trên khăn đội đầu thường trang trí các chuỗi hạt màu địa phương gọi là “dân-phác”. Hai đầu chuỗi hạt buông xuống từ hai bên vai, tạo thành đường cong mềm mại; đôi khi, tùy sở thích cá nhân, người ta còn đeo nhiều chuỗi hạt cùng lúc. Hai bên phía trước khăn đội đầu còn treo loại tua bạc gọi là “xương-tra”. Mỗi tua gồm khoảng tám sợi dây bạc nhỏ kết lại, dài chừng bốn ngón tay và có hình dạng tua rua. Tại phần chân tóc bên dưới khăn đội đầu, người phụ nữ đeo một chuỗi trang sức gọi là “lạp-chí”, được kết từ các hạt màu khác nhau. Ở đầu bên phải có gắn vật trang trí bằng xương; phần nhọn của xương phải được cài vào khe khăn để cố định.



Phía dưới lạp-chí còn đeo song song món trang sức gọi là “la-tử-ca”. Đây là đồ trang trí làm trên nền vải đen, phía trên lần lượt gắn từ bảy đến mười một hạt bạc nhỏ, và số lượng hạt bạc bắt buộc phải là số lẻ. Tương truyền rằng trước kia la-tử-ca được trang trí bằng sừng bò, về sau mới đổi sang dùng hạt bạc.



Khuyên tai trong tiếng địa phương được gọi là “nạp-nhĩ”. Trước đây chủ yếu có hai kiểu: một kiểu là khuyên tai chuỗi hạt dài khoảng một gang tay, phía cuối đính vật trang trí hình tròn bằng ngọc hoặc xương cá; kiểu còn lại là loại khuyên tai bạc cỡ lớn có kích thước gần giống vòng tay. Ngày nay, người ta chủ yếu đeo khuyên tai bạc có nhiều chùm tua rua.

Trên cổ đeo loại vòng cổ gọi là “lệ-châu”. Vòng thường lấy vải đen hoặc xanh làm nền, phía trên gắn các hạt bạc hoặc hoa bạc trang trí. Ở khóa cổ áo ghi-lê còn treo các món trang sức kết từ hạt màu khác nhau; phía cuối đính hộp bạc nhỏ dùng để đựng tăm và dụng cụ lấy ráy tai, cùng với răng hoẵng, toàn bộ rủ dài đến gần rốn. Cùng buông xuống với chuỗi hạt còn có một nhạc cụ khẩu huyền bằng gỗ. Trên cổ tay đeo vòng bạc gọi là “láp-trực”; trên ngón tay đeo nhẫn bạc gọi là “lan-quả-nhĩ”.









Bên phải thắt lưng thường treo một túi thơm hình tam giác gọi là “lạp-thù”. Trên túi có thêu hoa văn tinh xảo và đính các dải tua rua bằng vải nhiều màu. Trước đây, túi dùng để đựng đồng bạc, tẩu hút thuốc, thuốc lá sợi… nhưng ngày nay chủ yếu mang tính trang trí. Cùng phía bên phải eo còn treo một túi kim chỉ hình vuông địa phương gọi là “hắc-quản-đạt”.

Quần, đai quấn eo và túi đeo thường được phối hợp mặc cùng nhau; một số người còn gọi chung là “bộ ba hạ trang”.



Trước đây, vào sáng sớm ngày thứ hai sau khi xuất giá, cô dâu phải đi gánh một thùng nước đổ vào chum nước trong nhà, sau đó cởi chiếc áo sơ mi đang mặc và treo trước cửa phòng ngủ để biểu thị rằng mình đã trở thành nữ chủ nhân của gia đình này. Ngoài ra còn có một số điều kiêng kỵ liên quan đến trang phục: quần áo của phụ nữ không được phơi tùy tiện, đồng thời cũng không được mặc những loại y phục quá mỏng hoặc xuyên thấu.

Thêu Nhĩ Tô là một bộ phận quan trọng trong kỹ nghệ chế tác trang phục truyền thống của dân tộc này. Phần cổ áo, mép áo, cổ tay, thắt lưng, gấu quần… đều được trang trí bằng các hoa văn thêu tinh xảo. Nghề thêu được truyền từ mẹ sang con gái qua nhiều thế hệ, từ đó hình thành nên phong cách mang đậm nét truyền thống với cách phối màu hài hòa và hệ thống hoa văn phong phú. Những đường thêu ấy thể hiện kỹ thuật thêu độc đáo cùng trình độ thẩm mỹ và nền tảng văn hóa của phụ nữ Nhĩ Tô.

Trong quá trình phát triển lịch sử lâu dài, người Nhĩ Tô đã hình thành nên một hệ thống văn hóa đặc sắc bao gồm ngôn ngữ, tín ngưỡng và lối sống riêng. Những lễ hội quan trọng của họ gồm có: Ngày mùng 1 tháng 3 âm lịch là lễ hội bắn cung địa phương gọi là “Thố Ni Oa”; Ngày 16 tháng 6 là lễ hội đuốc gọi là “Cát”; Ngày mùng 3 tháng 8 là lễ hội cúng gà vòng núi gọi là “La Ca Bố Tử”. Trong các lễ hội truyền thống có lịch sử lâu đời này, cũng như trong các dịp lễ mừng và biểu diễn văn nghệ, phụ nữ thường mặc những bộ trang phục có kỹ thuật cắt may độc đáo. Những bộ y phục ấy đóng vai trò quan trọng trong việc gìn giữ và truyền thừa văn hóa Nhĩ Tô.



19

ཨེར་སྤུབ་སྒྲོས་པའི་གོས་ཆྱག།

TRANG PHỤC NAM GIỚI NHĨ TÔ





1 བོད་ཀེ།
Vụ-giác

2 སྣ་ཚ་ཡ་ལོ།
Na-sát-á-la

3 རྫེན་པོས།
Dân-phác

4 པ་པོ།
Bác-bác

5 ལེ་ཁ་ཅི།
Lặc-khoa-tử

6 ཨ་ལྱ།
Ngõa-thích

7 ཟ་ཆེ།
Nhiễu-tài

8 རྡོ་ཀྲ།
Thắt lưng rỗng ruột

Trang phục của nam giới dân tộc Nhĩ Tô thể hiện kinh nghiệm sinh tồn và giá trị văn hóa của cư dân miền núi, mang đậm đặc trưng khu vực.

Một bộ trang phục hoàn chỉnh bao gồm khăn đội đầu, áo sơ mi, áo ghi-lê, thắt lưng, quần, giày dép cùng các loại trang sức như khuyên tai và vòng cổ.



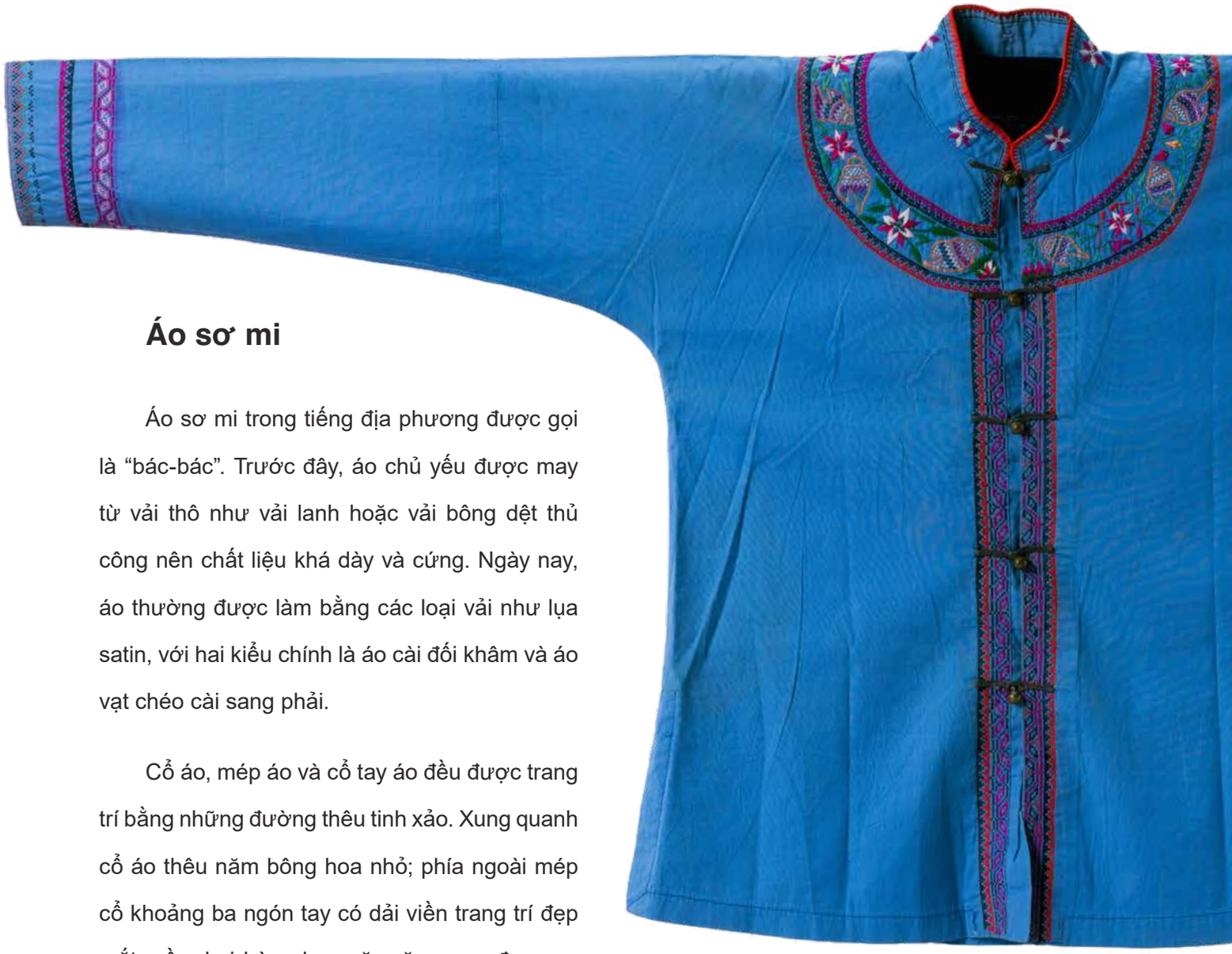


Khăn đội đầu

Trước đây, nam giới Nhĩ Tô để tóc dài rồi tết thành một bím lớn ba sợi. Trong bím tóc còn đan thêm sợi tơ đỏ, sau đó cuộn bím lên trên đầu rồi dùng một dải vải trắng dài hơn tám mét gấp dọc lại để quấn quanh đầu. Cách quấn khăn không phải quấn phẳng theo vòng tròn mà dùng kiểu chồng chéo đan xen, tạo thành hình chữ “nhân” (人) trên trán. Ngày nay, người ta thường dùng dải vải trắng dài hơn năm mét, rộng khoảng ba ngón tay để quấn đầu, hoặc trực tiếp sử dụng loại khăn may sẵn nhẹ và tiện lợi. Bên trong khăn là vòng mút xốp hình tròn, bên ngoài bọc vải trắng. Một số người còn thêu hoa văn hoa lá ở một đầu khăn, để phần mép khăn buông xuống bên trái hoặc bên phải khoảng năm ngón tay. Phần rủ xuống này được người địa phương gọi là “na-sát-á-la”. Thông thường, người trên năm mươi tuổi quấn khăn màu đen, còn thanh niên sử dụng khăn màu trắng.

Trước kia, khăn đội đầu chủ yếu được làm từ vải lanh hoặc vải bông; ngày nay đa phần dùng vải trắng mua ngoài chợ. Loại khăn này không chỉ có tác dụng giữ ấm mà theo quan niệm địa phương, khi đi xuyên rừng rậm hoặc gặp nguy hiểm còn có thể giúp bảo vệ phần đầu.





Áo sơ mi

Áo sơ mi trong tiếng địa phương được gọi là “bác-bác”. Trước đây, áo chủ yếu được may từ vải thô như vải lanh hoặc vải bông dệt thủ công nên chất liệu khá dày và cứng. Ngày nay, áo thường được làm bằng các loại vải như lụa satin, với hai kiểu chính là áo cài đối khâm và áo vạt chéo cài sang phải.

Cổ áo, mép áo và cổ tay áo đều được trang trí bằng những đường thêu tinh xảo. Xung quanh cổ áo thêu năm bông hoa nhỏ; phía ngoài mép cổ khoảng ba ngón tay có dải viền trang trí đẹp mắt, gồm hai hàng hoa văn răng cưa đan xen được thêu bằng chỉ màu, ở giữa là các họa tiết liên hoàn như vỏ ốc biển, hoa lá…Dọc mép áo

đối khâm lần lượt trang trí hai kiểu hoa văn răng cưa đan xen bằng chỉ màu và khoảng bốn kiểu hoa văn hình học khác nhau. Phần cổ tay áo lần lượt thêu các họa tiết hình học, hoa văn răng cưa giao nhau, hoa văn vỏ ốc, họa tiết hồi văn, hoa văn liên sơn… Mỗi họa tiết cách nhau khoảng một ngón tay. Hiện nay, người ta chủ yếu sử dụng kỹ thuật thêu ghép vải. Phần mép cổ thường được may thêm dải vải thêu họa tiết lá cây và hình học, xung quanh không còn thêu dày đặc như trước. Mép áo đối khâm và cổ tay áo cũng được trang trí tùy theo sở thích cá nhân bằng các dải vải ghép thêu hoa lá, hình học và nhiều họa tiết khác.



Áo ghi-lê

Bên ngoài áo sơ mi, người dân mặc loại áo ghi-lê cài chéo địa phương gọi là “lặc-khoa-tử”. Lớp ngoài thường làm bằng vải đen, còn lớp lót bên trong dùng vải hoa nhiều màu. Cổ áo khá ngắn, viền cổ được may nẹp vải xanh; phía ngoài nẹp xanh và dọc mép áo đối khâm còn đính dải trang trí rộng khoảng ba ngón tay, gồm các dải thêu có độ rộng khác nhau cùng chỉ vàng uốn thành hình sóng nước. Khi lên núi lao động hoặc mang vác đồ đạc, người ta thường mặc loại áo ghi-lê may bằng da dê đực hoặc da cừu đực khoảng ba năm tuổi. Trong sinh hoạt hằng ngày, họ cũng sử dụng áo choàng dệt bằng lông cừu hoặc lông bò yak, địa phương gọi là “ngõa-lạt”, chủ yếu có hai màu đen và trắng.



Trang phục nam giới Nhĩ Tô 391

Tương truyền rằng khi mới định cư tại vùng này, họ từng mặc loại trường bào gọi là “thời-bạch”. Áo có cổ đứng, mép áo thêu hoa văn trang trí, hình thức khá giống trường bào của nam quý tộc Tây Tạng. Đôi khi trường bào còn được mặc kèm với áo choàng, nhưng ngày nay rất hiếm gặp.



Thắt lưng

Trước đây, người dân thường thắt bên hông loại đai rỗng làm bằng lụa xanh. Hai đầu đai được cắt xéo, phần mép cắt thêu các hoa văn hình học, phía trong họa tiết còn may thêm những mảnh vải tam giác màu đen. Ngoài ra, cũng có loại thắt lưng được đan bằng sợi len, chủ yếu mang màu đỏ và vàng. Cả hai loại thắt lưng đều được buộc nút phía trước eo, hai đầu để buông tự nhiên xuống dưới. Loại đai lụa còn có thể dùng để đựng đồ vật; sau khi buộc hai đầu lại còn có thể khoác lên vai khi di chuyển nên có tính thực dụng rất cao. Ngày nay, thắt lưng phần lớn được làm bằng lụa màu đỏ tím theo dạng rỗng. Một đầu được cắt xéo, mép viền trang trí hoa văn hình học bằng kỹ thuật thêu ghép vải, chiều dài rủ xuống tới bắp chân. Ngoài ra còn có một dải đan phẳng bằng len, phần cuối gắn tua rua dài. Nam giới thường xỏ cả hai loại này vào cùng một dây buộc rồi thắt quanh eo. Để thuận tiện cho lao động, họ thường để phần dây rủ xuống phía đùi phải hoặc các vị trí tương tự.





Quần dài

Quần trong tiếng địa phương được gọi là “nhiễu-tài”, phần lớn là loại quần xanh ống rộng. Ở gấu quần, người ta dùng kỹ thuật thêu ghép vải để may hai dải viền rộng khoảng ba ngón tay, trên đó lần lượt thêu các hoa văn như răng cưa, họa tiết hình học và hoa lá. Tương truyền rằng trước kia ống quần rất rộng, trên vải có nhiều nếp gấp nên sau khi mặc trông khá giống váy. Phần gấu quần còn được trang trí bằng hai đường hoa văn răng cưa ở trên và dưới. Giữa hai dải hoa văn này còn thêu các hình mặt trời, mặt trăng, núi non, pháp khí, “đóa-mã” cùng nhiều họa tiết khác. Những hoa văn này có liên quan đến quan niệm phong thủy và việc quan sát thiên tượng của cư dân địa phương. Tuy nhiên, ý nghĩa sâu xa của các biểu tượng cổ xưa ấy ngày nay hầu như không còn nhiều người hiểu rõ nữa.







Giày ủng

Trước đây, người dân thường mang dép cỏ hoặc giày vải. Ngày nay, đa số sử dụng giày vải hoặc giày da mua ngoài chợ. Khi cần đi vào những khu rừng rậm, họ còn quấn xà cạp làm từ vải nỉ quanh bắp chân để bảo vệ chân và thuận tiện cho việc di chuyển.

Trang sức

Tai trái đeo khuyên tai bằng xương cá có đường kính khoảng 5 cm. Trên khuyên tai treo từ 2–6 chuỗi hạt mã não hoặc hạt cườm địa phương gọi là “dân-phác”, phần cuối của chuỗi hạt được cố định vào khe của khăn đội đầu. Ngày nay, ngoài một số người lớn tuổi, thanh niên hiếm khi còn đeo loại trang sức tai này. Trên cổ đeo loại vòng cổ địa phương gọi là “khoát-lạc”, được kết từ một cặp nanh lợn rừng cùng các hạt nhiều màu sắc. Theo quan niệm dân gian, món trang sức này có tác dụng xua đuổi tà ma và bảo hộ bình an.

Kỹ thuật thêu trên trang phục địa phương chủ yếu là thêu chỉ màu trên nền vải thêu chữ thập, tạo nên các họa tiết như hoa lá, hình học… Tổng thể hoa văn thường mang dạng răng cưa, hình thoi, tam giác hoặc hình bình hành.

Trước đây, người Nhĩ Tô trồng dâu nuôi tằm, dùng tơ tằm để kéo sợi dệt vải. Việc đánh giá một gia đình giàu có hay phụ nữ có chăm chỉ hay không chủ yếu dựa vào số lượng cây dâu, quy mô nuôi tằm và sản lượng dệt vải của gia đình đó.

Trong văn hóa trang phục cũng tồn tại nhiều tập tục riêng. Chẳng hạn, trước kia khi kết hôn, nhà trai bắt buộc phải tặng cho nhà gái một chiếc áo choàng bằng nỉ len. Ngoài ra, quần áo không được phơi tùy tiện; đặc biệt kiêng kỵ phơi đồ dưới ánh trăng.

Bộ trang phục này vừa giản dị vừa đẹp mắt, là kết tinh quý giá của kinh nghiệm sống được người dân địa phương tích lũy qua nhiều thế hệ. Nó không chỉ thích nghi với điều kiện tự nhiên và nhu cầu sinh hoạt của vùng núi Hoành Đoạn mà còn trở thành biểu tượng của cả đời sống vật chất lẫn tinh thần. Ngày nay, những bộ trang phục này vẫn được sử dụng rộng rãi trong các hoạt động dân gian như lễ cưới và các dịp truyền thống khác.



396 Trang Phục Tây Tạng IV

20

མདོ་གཤེས་བྱད་མེད་ཀྱི་གོས་ཆྱག།

TRANG PHỤC NỮ GIỚI ĐA TỤC





1 མགོ་རས།
Khăn đội đầu

2 རྒྱ་ལོང་།
Hoa tài

3 འགག་སྟོད།
Ghi-lê

4 སྟོད་ཐུང་།
Áo trên

5 བང་གདན།
Khăn quấn eo

Người Tạng Đa Tục sinh sống rải rác ở phía đông cao nguyên Thanh – Tạng, thuộc lưu vực sông An Ninh tại huyện Miện Ninh, châu tự trị Lương Sơn, tỉnh Tứ Xuyên, chủ yếu phân bố tại các hương như Huệ An, Cáp Cáp… với tổng dân số khoảng 2.500 người. Một bộ phận người Đa Tục cho rằng họ thuộc nhóm dân tộc Tạng Nhĩ Tô. Tiếng Nhĩ Tô được chia thành ba vùng phương ngữ, trong đó tiếng Đa Tục thuộc khu vực phương ngữ trung tâm. Khu vực này có độ cao trung bình khoảng 1.700 mét so với mực nước biển, thuộc vùng khí hậu gió mùa cận nhiệt đới. Đời sống người dân chủ yếu dựa vào nông nghiệp.

Do địa hình thấp và khí hậu nóng ẩm, người địa phương thường mặc trang phục khá nhẹ để thích nghi với thời tiết. Bộ trang phục hoàn chỉnh của phụ nữ bao gồm: đát đát tuyến, khăn đội đầu, áo trên, áo ghi-lê (khảm kiên), tạp dề quấn eo cùng các loại trang sức như khuyên tai, vòng tay…





Dây đát-đát

Phụ nữ chia đều tóc sang hai bên, tết thành hai bím ba sợi rồi đội loại trang sức đội đầu địa phương gọi là dây đát-đát. Đây là món trang sức đặc trưng không thể thiếu của phụ nữ vùng này. Phần nối của đát đát tuyến được gọi là “a-ma”, được may từ những lớp vải có hoa văn chồng lên nhau thành hình chữ nhật, sau đó điều chỉnh độ dài theo kích thước đầu. Hai đầu của a-ma gắn hai chùm sợi len đen lớn. Phần len này có thể được tết hoặc để tự nhiên; khoảng một phần ba chiều dài sẽ được xoắn lại và quấn chỉ đỏ, phần còn lại được xoắn khá lỏng. Khi đội, a-ma được đặt ngang trán, kéo từ trán ra phía sau đầu, rồi các sợi len đen sẽ được đan chéo cùng với bím tóc

và quấn quanh đầu, cuối cùng giấu hai đầu vào trong tóc. Tổng chiều dài của phần len và a-ma khoảng 0,9 mét; sau khi quấn, đường kính của đát đát tuyến khoảng 16 cm. Tương truyền trước đây trên a-ma còn được khâu thêm vài hạt bạc nhỏ, nhưng hiện nay hiếm thấy. Đát đát tuyến nhất định phải có màu đen. Ngày xưa người ta dùng len cừu đen để dệt, hoặc nhuộm len trắng thành màu đen bằng rễ cây óc chó rồi mới chế tác.





Khăn đội đầu

Khăn đội đầu dài khoảng 4 mét, rộng khoảng 46 cm. Khi quấn, trước tiên đặt khăn phủ lên đỉnh đầu, sau đó phần còn lại ở hai đầu được gấp dọc rồi chồng lên nhau và quấn vòng quanh đầu, sao cho sợi dây đát-đát được bao bọc hoàn toàn bên trong. Khăn đội đầu thường chỉ có hai màu: đen và trắng. Theo người địa phương, trước đây khi tổ chức hôn lễ bắt buộc phải quấn khăn màu đen; trong sinh hoạt hằng ngày, người lớn tuổi đội khăn đen, còn người trẻ đội khăn trắng. Hiện nay sự phân biệt này không còn nghiêm ngặt, và khăn trắng cũng rất hiếm gặp.

Phụ nữ đã kết hôn phải đội "dây đát-đát" và khăn đội đầu, còn người chưa kết hôn thì không cần đội. Khi con gái đi lấy chồng, mẹ phải chuẩn bị "dây đát-đát" cho con; nếu mẹ đã mất trước khi con gái kết hôn thì người mẹ chồng sẽ thay thế chuẩn bị. Vì vậy, việc quấn "dây đát-đát" trên đầu không chỉ là dấu hiệu trưởng thành của phụ nữ, mà còn là món đồ đội đầu bắt buộc trong hôn lễ.





Áo trên

Một chiếc áo dài làm từ vải màu xanh lam. Áo có thiết kế cài khuy chéo bên phải với năm khuy được may dọc theo mép: một khuy ở cổ áo, một khuy ở giữa và ba khuy dưới cánh tay. Có một đường xẻ ngắn ở bên trái gấu áo, và phần khuy bên trong được cắt nhỏ hơn một chút so với phần khuy bên ngoài.



Áo ghi-lê

Áo gilê làm bằng vải đen thường được mặc ngoài áo khoác. Áo cũng có khóa cài chéo bên phải. Có một nút cổ áo, hai nút giữa và hai nút ở nách dọc theo phía trước. Có những đường xẻ ngắn ở cả hai bên gấu áo.

Đai quấn eo



Phụ nữ thường mặc quần ống rộng mua từ chợ, kiểu dáng có thể lựa chọn theo sở thích cá nhân. Bên ngoài quần đeo một loại tạp dề (váy quấn) bản rộng dài đến đầu gối, nền bằng vải đen, ở giữa thêu họa tiết hoa lớn, xung quanh là các hoa văn trang trí như cành lá và bướm. Phần phía trên của tạp dề ở hai góc đều may một dải buộc bằng vải trắng, dải buộc rỗng bên trong, có hoa văn, đầu được cắt thành hình mũi tên. Khi đeo, hai đầu dải buộc không thắt nút, mà được quấn phẳng quanh eo rồi cố định ở phía trước bụng bằng ghim cài. Trước đây, tạp dề này hẹp hơn, được làm bằng vải đen không có bất kỳ họa tiết trang trí nào. Trước kia, người ta đi chân đất hoặc mang dép cỏ, còn ngày nay phần lớn mang giày vải mua từ chợ.

Trang sức

Giống như các khu vực Tạng khác, vùng tai đeo khuyên tai vòng tròn bằng bạc, còn cổ tay thường đeo vòng tay bạc.

Những trang phục truyền thống này thích ứng với khí hậu bản địa, phong cách tổng thể giản dị, phụ kiện tương đối ít, thể hiện quan niệm thẩm mỹ và tập tục sinh hoạt đặc thù của địa phương. Trong môi trường cư trú đa dân tộc, người Đa Tục vẫn giữ vững bản sắc văn hóa của mình; đặc biệt một số người lớn tuổi đến nay vẫn trân trọng và kiên trì mặc những trang phục truyền thống này.



མིང་ཚིག་ཤན་སྦྱར་རེའུ་མིག

HỆ THỐNG THUẬT NGỮ

རྒྱལ་རོང་གོས་རྒྱན།

Chương I: Trang Phục Dân Tộc Tây Tạng Gia Nhung

01

སྤུ་སྣང་བུད་མེད་ཀྱི་གོས་རྒྱན།

Trang phục nữ giới Trung Lộ huyện Đan Ba

	བོད་ཡིག	ལ་ཨིན་ཡི་ཏེ	སི་ཡེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	སོ་ཕོག	so phog	Thoa-pha
2	པང་འདུན་འདོ།	pang 'dun 'do	Bang-đôn-đăng
3	མཛུབ་ཀོར།	mdzub kor	Trạch-cá-nhĩ
4	མགོ་ཀོར།	mgo kor	Quả-quách
5	བྱུར་ཁོབ།	byur khob	Trạch-quách
6	དཀྱིལ་ཐིག	dkyil thig	Cát-đột
7	པུ་ཝེ།	pu we	Bố-ai
8	ཀིར་ཀིར།	kir kir	Qua-nhi-qua-nhi
9	ཧེ་ཧྲི།	he hri	Hắc-bố
10	སྟོད་འབོག	stod 'bog	Tư-đa-ba
11	སྨ་ཧྲོ།	sma hro	Váy xếp ly
12	རྒྱལ་ལྷམ།	rgyal lham	Giày ủng
13	ཁ་གཟར་ཁབ་ཤུབས།	kha gzar khab shubs	Ca-châu-ca-châu

02

བག་སྟེང་བུད་མེད་ཀྱི་གོས་ཆུན།

Trang phục nữ giới Ba Để huyện Đan Ba

	བོད་ཡིག	ལ་ཐིན་ཡི་ཏི	སི་ཁྲེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	དར་ཏི།	dar ti	Đạt-thức-đắc
2	ད་སྣེ།	da sne	Đạt-tư-ni
3	ཏུན་ཐུ་ཅོ།	tun thu co	Đặng-tha-cửu
4	སུམ་ལག	sum lag	Sâm-lạp
5	སྟོད་འབོག	stod 'bog	Tư-đạt-phạ
6	ཀྲུམ་ཡོགས།	krum yogs	Chi-ưu
7	ལྷན་པོ།	lhan po	Lan-ba
8	ཏེ་སུ་ཐགས།	te su thags	Tang-tư-tha
9	ཏ་ཅབ།	ta cab	Đạt-cát-bố
10	དུ་བེད།	du bed	Đắc-úy
11	གཟན་འབག	gzan 'bag	Ba

03

མར་སྨན་སྐྱེས་མའི་གོས་རྒྱན།

Trang phục nữ giới Mã Nại huyện Kim Xuyên

	བད་ཡིག	ལ་ཐན་ཡ་ཀ	ས་ཕྱས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	མགོ་ཅས།	mgo cas	Đạt-quả-cơ
2	ཕན་ཕན།	phan phan	Phán-phán

04

ལེག་ཚེང་གྱི་སྐྱེས་མའི་གོས་རྒྱན།

Trang phục nữ giới Lặc Ô huyện Kim Xuyên

	བོད་ཡིག	ལ་ཐིན་ཡི་ཏེ།	ཕི་ཚེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	ཐུ་རིས།	thu ris	Đặc-nhật
2	དུམ་ད་དུ་འབག	dum da du 'bag	Đặng-đạt-đắc-ba-khả
3	ཀ་ཀོ་ཙི།	ka ko tsi	Cái-cổ-tử
4	སྟ་ཕོག	sta phog	Tư-đạt-ba
5	མོ་པ།	mo pA	Mạc-ba
6	སྟ་འགག	sta 'gag	Mạc-đan-ca
7	དར་བེ།	dar be	Đạt-nhi-úy
8	ཧྲོང་ལོ་དྲུང་པེ།	hrong lo drung pe	Tùng-dung-trung-biệt
9	པུ་ངེ་སུ་ཐགས།	pu nge su thags	Ba-ai-tư-tha
10	སྟེག་སར།	steg sar	Đạt-tát-nhi

05

འབངས་ཁམས་བུད་མེད་ཀྱི་གོས་རྒྱན།

Trang phục nữ giới Mã Nhĩ Khang

	བོད་ཡིག	ལ་ཐེན་ཡི་ཀི	སི་ཤེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	ཏ་སྙིང་མདོ། ཏ་སྙིང་ཐགས།	ta snying mdota snying thags	Đạt-tư-nhưỡng-đa/ Đạt-tư-nhưỡng-tha
2	དར་ཏི། དར་སྟ།	dar tidar sta	Đạt-thức-địa/Đạt-đức
3	དུམ་ཏོ། ད་ཚོ་པ།	dum toda lgo pa	Đặng-đóa/Đạt-quả-ba
4	ཏོམ་འཛོས།	tom 'dzos	Đặng-túc
5	ཤན་ཙི།	shan tsi	Tiên-tư
6	ལིང་ཀ་ཙི། ལག་སྐེ	ling ka tsilag ske	Lang-ca-tử/Lạp-tư-cấp
7	ཤ་སྟོད། རྩལ་ལེན།	sha stodrngul len	Hạ-tư-đa/Ốc-lâm
8	སྟོད།	stod	Đặng-tư-đa
9	ཐགས་སྟ། ཅེ་སུ་ཐགས། འཇའ་རི།	thags stsate su thags'ja' ri	Tha-táp/Đế-tư-tha/ Già-nhật
10	དྲུམ་པ། དྲུམ་པེ།	drum padrum pe	Chân-ba/Chân-bối
11	ཀྲུམ་པ་སྤུ་རགས།	krum pa spu rags	Chân-ba-tư-bố-nhoa
12	གྷོལ་བྷ།	g+hol b+ha	Quách-ba
13	ར་སྣམ།	ra snam	Nhiệt-tư-nam
14	འབོག	'bog	Bác
15	རྒྱུད་ཧམ།	rgyud ham	Cửu-hán
16	འགོ་དཀར།	go dkar	Quả-ca

06

འབངང་ཁམས་སྐྱེས་བའི་གོས་རྒྱན།

Trang phục nam giới Mã Nhĩ Khang

	བོད་ཡིག	ཨ་ཐིན་ཡི་ཀེ	སི་ཁྲེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	ལོང་ཤག	long shag	Long-hạ
2	དུ་ཤུ་ལྕོ།	du shu lco	Đức-tây-giác
3	ཕུ་སྡུང་།	phu sdung	Phố-đông
4	དུག་ཙ།	dug rtsa	Địch-khắc-táp
5	སྟག་ཤར་ཙ།	stag shar rtsa	Đạt-hạ-táp
6	པ་ལག་ཙ།	pa lag rtsa	Ba-lạp-táp
7	རྒྱལ་རོང་འབིག་ཙ།	rgyal rong 'big rtsa	Gia-nhung-bố-táp

07

ཇོ་ཆུའི་རྒྱུད་ཀྱི་སྐྱེས་མའི་གོས་རྒྱན།

Trang phục nữ giới Đại Hắc Thủy

	བོད་ཡིག	ལ་ཐིན་ཡི་ཏི	ཕི་ལྷིས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	ཡེར།	yer	Da-nhĩ
2	ཀུ་དལ། ཝལ།	ku rdal/wal	Cách-tư-đắc/Ngõa-nhĩ
3	ཡེ་ས།	ye sa	Da-tát
4	ཤོད་ཟི། ཀུ་རྡེ་བྷ།	shob zi/ku rde b+ha	Hạ-vật-tư/Các-đắc-ba
5	ཅིག་ལྒོ་སུ།	cig lgo su	Hạo-quả-tư
6	འགག་ཤིས།	gag shis	Các-hiệp
7	གོར་ལོ།	gor lo	Quả-lạc
8	ཀུ་ཤ།	ku sha	Cách-hạ
9	ལ་ཀུ་ལད་པ།	la ku lad pa	Lạp-các-lạp-ba
10	མོ་ཡོག་ལད་པ།	mo yog lad pa	Mạc-hữu-lạp-ba
11	རྒྱུ་དགེ། རྫུ་ཟ།	rgyu dge/rdzu za	Cát-cai/Tư-trạch
12	སྨད་གོས།	smad gos	Mã-đức-cổ
13	ཀྲོག་ཀྲོ་བྷ།	krog kro b+ha	Trác-khả-trác-ba
14	ཤལ།	shal	Tức-ô
15	ཧྲིག་ལྗི་སེ།	hrig lji se	Thực-ca-cụ-sắc
16	ཧུར།	hur	Hòa-nhi
17	ཡེན་ཀྭ་ཙི།	yen kwa tsi	Dần quái tử
18	སྒྲོ་རྒོ།	sgro rgo	Trác-cổ
19	ལོ་ནེ།	lo ne	La-ni
20	ཕྲེག་ཀ	phreg ka	Trá-ca
21	ཟི་པད་རྡུ།	zi pad rdu	

08

ཅོ་སུ་ལིའེ་བུད་མེད་ཀྱི་གོས་རྣུན།

Trang phục nữ giới Tri Mộc Lâm huyện Hắc Thủy

	བོད་ཡིག	ཨ་ཞིན་ཡི་ཀེ	སི་ཡེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	དའ་ཀུ།	da ku	Đạt-các
2	ཀོ་ལོ་ཟི་རྡུ།	ko lo zi rdu	Quả-lạc-tư-đắc
3	འཇུ་ས།	ju sa	Cổ-tát
4	རྡུ་ཁྲེ།	rdu khre	Chi-thả
5	ཝ་ད་བ།	wa da ba	Ngõa-đạt-ngõa
6	ལོ་ནེ་ཏ་ཧོ།	lo ne ta ho	La-ni-đả-lõa
7	ལོ་ནེ།	lo ne	La-ni
8	མཛོ་ལ་ཕོས།	mdzo la phos	Tả-lạp-phổ
9	སོ་ཕོ།	so pho	Tác-phổ
10	སྐེ་གོས།	ske gos	Cấp-quả
11	ལོ་ནེ་སྐྱ་བོས། ལོ་ནེ་སྡེ་གོས།	lo ne skya bos/lo ne sde gos	La-ni-gia-ô/La-ni-tư-đức-cổ
12	ཕུར་སྡེ་གོས།	phur sde gos	Phổ-tư-đức-cổ
13	རྫུ་རྡེ།	rdzu rde	Tư-đắc
14	ཀྲད་པ།	krad pa	Tri-oa
15	ཀོ་དམར།	ko dmar	Quách-ma
16	ནུ་པ་ལ།	nu pa la	Li-na-lạp
17	འཇའ་བདུན།	ja' bdun	Gia-đăng

10

ཀམ་བུ་སྐྱེས་མའི་གོས་རྒྱན།

Trang phục nữ giới Cam Bảo huyện Lý

	བོད་ཡིག	ལ་ཨིན་ཡི་ཏི	ཝི་ཨེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	ཐགས་སྐོར།	thags skor	Tháp-tư-quả
2	བླ་དཀར།	bla dkar	Lạp-ca
3	དི་ཡེ།	di ye	Đắc-nguyệt
4	དེ་ཁམས་ཧྲྭ།	de khams b+ha	Đắc-thậm-ba
5	གཡུང་དྲུང་སུ་ཐགས།	g.yung drung su thags	Vĩnh-trung-tư-tháp
6	དྲུང་པེ།	drung pe	Trọng-bối
7	ལྟག་པགས་ཙེ།	ltag pags tse	Đạt-ba-tắc
8	རྣ་ཟི།	rna zi	Nạp-nhật
9	དུ་ཤ་སྣ་གཅོ།	du sha sna gco	Đắc-hạ-tát-na-cửu
10	ད་ཁབ་ཅས།	da khab cas	Đạt-ca-tiết

11

སྒྲག་ལོའི་བུད་མེད་ཀྱི་གོས་ཆྱན།

Trang phục nữ giới Mễ Á La huyện Lý

	བོད་ཡིག	ལ་ཐིན་ཡི་ཏི	སི་ཡེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	དད་སྙིང་རི།	dad snying ri	Đạt-tư-nhượng-nhật
2	དད་སྙིང་ཙི།	dad snying tsi	Đạt-tư-nhượng-tử
3	ཁོས་ལྡི།	khos ldi	Khố-đắc
4	པ་ཧྥི་ལེ།	pa b+hi le	Ba-bố-lặc
5	ཕ་ལྡི་ཀི།	pha ldi ki	Bạch-đắc-các
6	ཏེ་སུ་ཐགས།	te su thags	Điệp-tư-tháp
7	པུ་ངེ་ཆབ་མ།	pu nge chab ma	Bố-ai-cáp-mã
8	གློ་རོང་།	glo rong	Lạc-vinh
9	ཟི་ལྡེ།	zi lde	Nhật-đức

12

བྱེས་སྨད་སྐྱེས་མའི་གོས་རྒྱན།

Trang phục nữ giới Biệt Tư Mãn huyện Tiểu Kim

	བོད་ཡིག	ལ་ཐིན་ཡི་ཀ།	ཝི་ཨེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	ཀྲབ་ཀྲ།	krab kra	Chiêu-mộc-tra
2	དད་སྙིང་མཛོ།	dad snying mdzo	Đạt-tư-nhưỡng-tổ
3	ཧྲུ་ཕ།	hru pha	Thạch-bạch
4	དད་སྙིང་སྙེ།	dad snying snye	Đạt-tư-nhưỡng-niết
5	སྟོད་ཕོག	stod phog	Tư-đắc-ba
6	དྲུང་པ།	drung pa	Trọng-ba
7	དུག་རྩ།	dug rtsa	Địch-khắc-táp
8	ཎ་ཡུ།	rna yu	Nạp-nhất
9	སྒུ་རོ།	sgu ro	Tư-cách-nhược
10	པུ་ངེའི་སྒུ་རོ།	pu nge'i sgu ro	Bố-ai-tư-cách-nhược
11	བ་སོའི་སྒུ་རོ།	ba so'i sgu ro	Ba-tô-tư-cách-nhược

13

ཆེ་ལུང་གི་སྐྱེས་མའི་གོས་རྒྱན།

Trang phục nữ giới Trạch Lũng huyện Tiểu Kim

	བོད་ཡིག	ཨ་ཐིན་ཡི་ཀེ	སི་ཡེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	དད་སྙིང་།	dad snying	Đạt-tư-nhưỡng
2	པོ་ཙོང་མེ།	po tsong me	Bác-tông-mỹ
3	ཐོང་རས།	thong ras	Thống-nhiệt
4	ཧ་ཡེ།	ha ye	Cáp-y
5	ད་རོ།	da ro	Đạt-như
6	རང་གུ་རོ།	rang gu ro	Nhượng-các-như
7	སྣམ་འབུ་རོ།	snam 'bu ro	Tư-nam-bố-như
8	ཐགས་རྩ།	thags rtsa	Tháp-táp
9	ཏེ་སུ་ཐགས།	te su thags	Đích-tư-tháp-khắc
10	ཚོགས་ལྷམ།	tshogs lham	Thố-khắc-lan
11	ཐུལ་པོང་།	thul pong	Đặc-nhi-băng

14

རབ་རྒྱས་ཀྱི་གོས་རྒྱན།

Trang phục Bảo Hưng Khao Thích

	བོད་ཡིག	ལ་ཨིན་ཡི་གེ	སི་ཧེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	དད་སྙ།	dad snya	Đạt-tư-niết
2	སྨ་ཏན་ཙི།	sma tan tsi	Mã-đan-tử
3	ཏ་ཀོན་ཚོང་།	ta kon tsong	Đạt-cổn-tông
4	ཏ་ཀོན་པོ།	ta kon po	Đạt-cổn-ba
5	ལེན་ཀྭ་ཙི།	len kwa tsi	Lĩnh-quái-tử
6	སྐྱེགས་མོ།	skyegs mo	Tư-gia-mạc
7	ཐགས་རྩག	thags rtsag	Tư-tháp-táp
8	སྟག་སག་རྩ།	stag sag rtsa	Đạt-tát-táp
9	ཏན་གོ	tan go	Đan-quả

བོད་དམག་བའི་གོས་རྒྱན།

Chương II: Trang Phục Dân Tộc Tây Tạng Bạch Mã

16

བོད་དམག་སྐྱེས་མའི་གོས་རྒྱན།

Trang phục nữ giới Bạch Mã

	བོད་ཡིག	ཨ་ཐིན་ཡི་ཏི	སི་ཧྥེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	ཡ་ཨན།	ya an	Á-an
2	ཞྭ་འབུས།	zhwa 'bus	San-bỉ
3	ཞྭ་ནག	zhwa nag	Sa-na
4	ཞྭ་དཀར།	zhwa dkar	Sa-ca
5	ཁན་སྦྱར།	khan sbyar	Khảm-giáp-tử
6	ཀྲི་ཡོ་ཙི།	kri yo tsi	Tri-ước-tử
7	ཀེར་ཅ།	ker ca	Cách-nhật-gia
8	སྐུ་རགས། ཧྲོ་ལེ།	sku rags/hro le	Cách-nhạ/Thác-loại
9	པོ་ཀྲི།	po kri	Bạch-chiết
10	ཝོ་སྒྱོ།	wo sgyo	Ốc-giác
11	ཡ་ཝོ།	ya wo	Nhã-ốc
12	རྣ་ཡོ།	rna yo	Nạp-ước
13	སྐེ་ཐག ཀོ་ཐོ།	ske thag/ko tho	Cấp đột/Quả đột
14	ལྟོ་ཧྲེང་།	lto hreng	Đa-thượng
15	ཀ་ཏིས།	ka tis	Cát-địa
16	ཅོ་ཧྲང་།	co hrang	Giác-thượng

17

བོད་དམག་སྒྲེས་བའི་གོས་རྒྱན།

Trang phục nam giới Bạch Mã

	བོད་ཡིག	ལ་ཨེན་ཡི་གེ	རི་ཡེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	གསོ་རས།	gso ras	Tác-nhiệt
2	ཡེ་རས།	ye ras	Da-nhiệt
3	འབུ་རས།	bu ras	Bố-nhiệt
4	གསེར་ལུག་གུ།	gser lcug gu	Sắc-cổ-cách

ཞེར་སྒག་དང་མདོ་གཤེས་ཀྱི་གོས་རྒྱན།

Chương III: Trang Phục Dân Tộc Tây Tạng Nhĩ Tô, Đa Tục

18

ཞེར་སྒག་བུད་མེད་ཀྱི་གོས་རྒྱན།

Trang phục nữ giới Nhĩ Tô

	བོད་ཡིག	ལ་ཐིན་ཡི་ཏི	སི་ཤེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	བོའུ་ཅོ།	bo'u co	Vụ-giác
2	པོ་པོ།	po po	Bác-bác
3	ཁོ་སྟོད།	kho stod	Khoát-đa
4	ལེ་ཁ་ཚི།	le kha tsi	Lặc-khoa-tử
5	ཁྲ།	khra	Trá
6	རྫི་ཀྲ།	dzi kra	Tư-trát
7	དྲོས་དྲོས་ཀ་ཏ།	dros dros ka ta	Chu-chu-ca-đạt
8	ཟ་ཚེ།	za tshe	Nhiêu-tài
9	རྨེན་ཕོས།	rmen phos	Dân-phác
10	ཁྲང་ཁྲ།	khrang khra	Xương-trá
11	ལག་བསྒྲུ།	lag bgru	Lạp-chí
12	ལོ་ཚི་ཀ	lo tsi ka	La-tử-ca
13	རྣ་ཨར།	rna ar	Nạp-nhĩ
14	ལིས་དྲོས།	lis dros	Lệ-châu
15	ལག་དཀྲི	lag dkri	Lạp-trực
16	ལན་ཀོར།	lan kor	Lan-quả-nhĩ
17	ལ་ཧྲོ།	la hro	Lạp-thù
18	ཧེ་བཀར་ཏ།	he bkar ta	Mặc-quản-đạt

19

ཞེང་སུག་སྐྱེས་བའི་གོས་རྒྱན།

Trang phục nam giới Nhĩ Tô

	བོད་ཡིག	ཨ་ཞིན་ཡི་ཀ	སི་ཝེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	སྣ་ཚ་ཡ་ལོ།	sna tsha ya lo	Na-sát-á-la
2	ཝ་ལྭ།	wa lwa	Ngõa-thích
3	ཧྲི་ཕ།	hri pha	Thời-bạch
4	ཁོ་ལོ།	kho lo	Khoát-lạc

20

མདོ་གཤེས་བུད་མེད་ཀྱི་གོས་རྒྱན།

Trang phục nữ giới Đa Tục

	བོད་ཡིག	ལ་ཐིན་ཡི་གེ	ཡི་ཧྲེས་དན།
	Tiếng Tây Tạng	**Chuyển đổi sang chữ Latinh**	**Tiếng Việt**
1	ཏ་ཏ་སྐྲ་མཐུད།	ta ta skra mthud	Dây đạt-đạt
2	ཨར་མ།	ar ma	A-ma



khenposodargye.org



Chỉ giới hạn trong phạm vi sử dụng phi thương mại